

# BAN ĐỌC VIỆT

## ★ Cửa ô. J. Richardson, Mục-sư Đạo Tin Lành.

MỘT CÂU ĐỐI CHỈ CÓ 2 CHỮ. Tôi xin gởi đến *Phở Thông* tạp chí một vế câu đối Việt ngữ, xin mời quý *Bạn đọc Phở Thông* đối lại chơi cho vui. Câu đối tuy chỉ có 2 chữ, nhưng bao-hàm đầy đủ ý nghĩa, xin biên ra sau đây :

*Thời thế thời, thế thế thời, thời thế thế thời thời thế thế.*

Tôi sẽ rất hoan nghênh những câu các bạn đối lại, gởi đăng trong *Phở Thông*.

« NỢ TRƯỚC HẸN-HÒ CON ĐI ĐẠM ... »

## ★ Cửa ô. Yến-Long. (Qui Nhơn).

Trong *Phở Thông* số 31, bạn Lương-Trọng-Minh có nêu nỗi thắc mắc : về một bài thơ « vịnh kiêu » mà bạn hỏi của ai ?

Theo lời kể lại của nhiều vị Quan trường lúc trước có ở tại tỉnh Nam-Định, thì bài thơ ấy nguồn gốc như sau :

Hồi còn ngồi ghế Ân-Sát ở Nam-Định, ông TỪ-ĐẠM nổi tiếng là một « cây » ăn hối-lộ. Một buổi nợ, không hiểu vì tội gì, một anh khóa-sinh bị bắt. Biết « quan lớn » ưa chuyện Kiêu, anh khóa-sinh ung-dung, ngâm to thơ Kiêu. Bực mình ông Ân-Từ-Đạm sai lính bắt anh ta nín, anh ta không theo lời, Cự lớn nổi giận, hỏi anh :

— Anh giỏi *Kiêu* lắm phải không ?

— Bẩm Quan lớn giỏi thì không giỏi, nhưng cũng nhớ được nhiều.

Ông Từ-Đạm quát mắt bảo anh khóa làm một bài thơ vịnh kiêu ngay tức khắc. Trước khi làm, anh Khóa xin — nếu làm được « cựa lớn » tha cho.

Vị Ân-Sát cầm chiếc roi mây phán :

— Hề làm được hay thì tha, còn không thì roi này vào đít.

Anh Khóa vâng lời xin giấy bút viết một bài thơ dâng lên ông

Từ-Đạm, như sau :

« Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ.

Mà em mất nét tự bao giờ

Chàng Kim mề gái công đeo-dăng

Viên ngoại chiểu con chết ngắt ngõ

Nợ trước hẹn hò con đi ĐẠM

Duyên sau gặp gỡ bố cu TỪ

Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng

Còn trách làm chi chú bán tơ ? »

Xem xong, quan Ân-Từ-Đạm điếng hồn, quan không ngờ thằng « ranh con » lại dám mượn *Kiêu* để chửi mình (con đi ĐẠM, bố cu TỪ) nhưng việc lỡ rồi quan đành phải tha anh Khóa...

# PHỞ-THÔNG

TAP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỒ BIEN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỚI SỐ 32 — 15-4-1960

1.— Nền mở rộng chương trình ngoại ngữ	Nguyễn-Vỹ	7—9
2.— 40.000.000 người Mỹ . . . . .	T. F. James	10—15
3.— Người phu trạm . . . . .	Đặng Văn Nhâm	16—18
4 — Con chó thiện (tùy bút) . . . . .	Bằng Sơn	19—21
5.— Gặp nhau (thơ) . . . . .	Kiều Mai Hương	22
6.— Cô giáo của chúng tôi . . . . .	Phùng Tuệ Châu	23—28
7.— Văn chương Rừng núi . . . . .	Y-Tlong	29—34
8.— Thành Bắc Kinh . . . . .	Trần Lệ Long	35—37
9.— Giấc Chày vôi của Đoàn Trưng .	Nguyễn Quang	38—47
10.— Con chim sẻ (thơ) . . . . .	Nguyễn đình Giảng	48
11.— Tàu Đà Nguyễn khắc Hiếu . .	Nguyễn Văn Cồn	49—51
12.— Chơi thuyền sông Tân Bình . . . . .	Phan Khôi	52—53

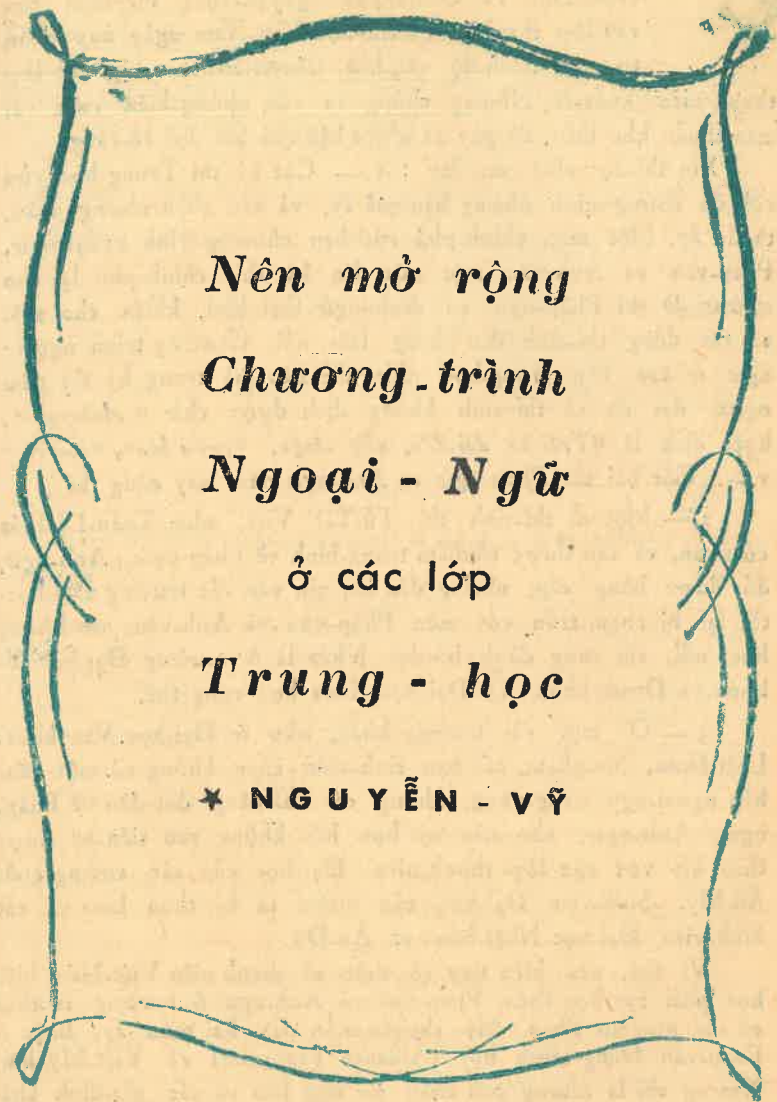
13.— <i>Gustave Flaubert</i> . . . . .	Trúc Việt	54 — 64
14.— <i>Những áng thơ hay</i> . . . . .	Thảm Thệ Hà	65 — 70
15.— <i>Văn sĩ thi sĩ</i> . . . . .	Nguyễn Vỹ	71 — 75
16.— <i>Đặng Thúc Liêng</i> . . . . .	Đặng công Thống	76 — 81
17.— <i>Người thơ xuất hiện</i> . . . . .	Mặc Thu	82 — 84
18.— <i>Cô gái diên</i> . . . . .	Vi huyền Đắc	85 — 90
19.— <i>Thơ lên Ruột</i> . . . . .	Diệu Huyền	91 — 92
20.— <i>Chuyện Cà kê</i> . . . . .	Trọng Tấn	93 — 97
21.— <i>Mình ơi!</i> . . . . .	Diệu Huyền	98 — 108
22.— <i>Khổng Minh</i> . . . . .	Nguyễn quang Lục	109 — 110
23.— <i>Giới thiệu sách</i> . . . . .	P. T	111 — 114
24.— <i>Kiên Trinh</i> . . . . .	Cô Vân Nga	115 — 119
25.— <i>Đáp bạn bốn phương</i> . . .	Bạch Yến và Diệu Huyền	120 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . Cô Diệu-Huyền

- \* Bản kẽm . . . . . Nguyễn-Vân-Dầu
- \* Bìa Offset . . . . . Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
  - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam



**Nên mở rộng**

**Chương-trình**

**Ngoại - Ngữ**

ở các lớp

**Trung - học**

\* **NGUYỄN - VỸ**

**C** HÚNG TÔI đã từng đạo đạt lên Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Chính-phủ nguyện-vọng tha-thiết của các lớp thanh-niên hiếu-học Việt-Nam ngày nay muốn có một trình-độ văn-hóa tiến-triển theo kịp các lớp thanh-niên quốc-tế. Nhưng chúng ta vẫn chứng-kiến một vài mâu-thuẩn khó hiểu, đã gây ra nhiều hậu-quả bất lợi rõ-ràng.

Xin thí-dụ như sau đây : 1.— Các kỳ thi Trung-học vừa rồi đã chứng-minh những hậu-quả ấy, và xác nhận những mâu-thuẩn ấy. Một mặt, chính-phủ rút hẹp chương-trình ngoại-ngữ. Pháp-văn và Anh-văn, một mặt đến kỳ thi chính-phủ lại cho những đề thi Pháp-ngữ và Anh-ngữ thật khó, khiến cho một số rất đông thí-sinh đều không làm nổi. Chương-trình ngoại-ngữ ở các lớp trung-học như thế nào mà trong kỳ thi năm ngoái đại đa số thí-sinh không dịch được chữ « Auberge », hoặc dịch là « Trái cà dài-dẻ », « bờ sông », « vườn hoa », « con cóc » v.v... Các bài thi Pháp-ngữ và Anh-ngữ năm nay cũng thế.

2.— Một số thí-sinh thi Tú-Tài Việt, nhờ Toán-Lý-Hóa cứu-vãn, và rần được số điểm trung-bình về Pháp-ngữ, Anh-ngữ, đỗ được bằng cấp, nhưng đến khi xin vào các trường Đại-học, thì lại bị chận-trán với môn Pháp-văn và Anh-văn, nên không học nổi, rồi cũng đành bỏ dở. Nhất là ở trường Đại-học Y-khoa và Dược-khoa. Ở Đại-học Khoa-học cũng thế.

3.— Ở một vài trường khác, như ở Đại-học Văn-khoa, Luật-khoa, Sư-phạm, các bạn sinh-viên cũng không có một căn-bản ngoại-ngữ vững-vàng, không có khả-năng dôi-dào về Pháp-ngữ, Anh-ngữ, cho nên sự học hỏi không sao tiến-bộ được theo kịp với các lớp thanh-niên Đại-học của các cường-quốc Âu-Mỹ. Sinh-viên Đại-học của nước ta bị thua kém cả các Sinh-viên Đại-học Nhật-bổn và Ấn-Độ.

Vì thế, nên hiện nay có một số thanh-niên Việt-Nam hiếu học phải tự học thêm Pháp-ngữ và Anh-ngữ ở trường tư-thực có các giáo-sư Pháp, Mỹ chuyên-môn dạy hai môn ấy, hoặc ở Pháp-văn Đồng-minh hội (Alliance Française) và Việt-Mỹ hội. Nhưng chỉ là những con cháu các ông lớn và các gia-đình khá-giả mới được đeo đuổi các lớp ngoại-ngữ kia. Còn đại đa số thanh-niên ta đành chịu dốt ngoại-ngữ vậy.

Tất cả những người biết lo cho tiến-độ Dân-tộc, đều băn-khoăn tư hỏi : một Quốc-gia muốn hùng-cường, tiến-bộ, muốn vươn lên dài vinh-quang quốc-tế, mà cả một đám đông thanh-niên của thế-hệ mới đều không biết ngoại-ngữ, không đọc được các sách báo ngoại-quốc, không giao-thiệp được với người ngoại-quốc, đành phải ở co-ró trong xó nhà mình, thì làm sao chen vai sát cánh được với Thế-giới ở thời-đại nguyên-tử và vệ-tinh nhân tạo này ?

**K**

**H Ò N G** ! Phải thay đổi chánh-sách giáo-dục thanh-niên gần như « bẻ quan tòa-căng », đó đi ! Phải mở rộng giới-tuyển ngoại-ngữ cho thanh-niên Việt-nam hiện-đại. Một thanh-niên, một thiếu-nữ Việt-nam ngày nay, phải biết nói, biết đọc và biết viết ít nhất là hai thứ ngoại-ngữ : Pháp, và Anh, là hai thứ tiếng được thông-dùng nhất khắp hoàn-cầu, hai thứ tiếng của văn minh tiến-bộ, hai thứ tiếng của Khoa-học loài người.

Những kẻ cứ bo-bo lấy tiếng mẹ đẻ của chúng ta làm tiêu-chuẩn duy nhất trong chương trình học-vấn để cố vượt theo cao trào mãnh-liệt của Thế-giới hiện nay, là những kẻ phản-tiến-bộ và phản dân-tộc, vì họ sẽ bị cô-lập trên trường Quốc-tế nếu không bị bỏ rơi.

Không kém gì thanh-niên Nhật-bản và Ấn-Độ, tất cả các lớp thanh-niên trí-thức Việt-Nam đều phải thông-thạo Anh-ngữ hoặc Pháp-ngữ. Họ phải được hãnh-diện đứng ngang hàng với bất cứ thanh-niên tiến-bộ của nước nào. Trên các hội-trường Quốc-tế, nơi các buổi gặp-gỡ thân-thiện, trong các cuộc trao-đổi văn-hóa quốc-gia, họ phải có thể dùng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ để nói lên tiếng nói thuần-túy và anh-dũng của Dân-tộc Việt-Nam, phô-bày tư-tưởng tế-nhị và sâu-sắc của Văn-hóa Việt-Nam, phát-huy tinh-thần mãnh-liệt và vẻ-vang của thanh-niên Việt-Nam. Họ không được thua ai, không chịu khuất-phục trước một người ngoại-quốc nào. Họ phải phô-trương cái hay cái giỏi của người Việt-Nam cho Thế-giới kính-phục nòi giống Việt-Nam.

Đừng để cho thanh-niên Việt-Nam cái tự-ty mặc cảm vì kém trình-độ văn-hóa Quốc-tế.

Hãy mở rộng những đường chân trời mới mẻ, cho tất cả các làn gió của trí-thức được thổi vào đầu-óc thanh-niên Việt-Nam, cho mạch sống của thế-hệ đương lên được thấm nhuần dưỡng-khí của Văn-hóa loài Người.

# 40.000.000

## người Mỹ đã lớn tuổi

### VẪN CÒN ĐI HỌC

☆ T. F. JAMES  
(Cosmopolitan)



THEO NHỮNG LỚP HỌC TRONG THÌ GIỜ NHÀN-RỒI. Hồi trước chiến-tranh chỉ có một phần ba số này thôi. Số giáo-viên và lãnh-tụ phong-trào này hiện lên tới 5 triệu người, đó là chưa kể 100.000 người trông coi về hành-chính, giám-thị và nhân-

**N**GÀNH giáo-dục dành cho những người lớn tuổi đã phát-triển một cách lạ thường từ sau Đệ-nhi Thế-chiến. Theo ông Malcolm Knowles, cựu Giám-đốc Hội Giáo-Dục người lớn, thì hiện nay có trên 40 TRIỆU NGƯỜI MỸ ĐANG viên lưu-động. Sự phát-triển đó là do kết-quả của nhiều yếu-tố; trước hết là do lòng ham học hỏi của người Mỹ trung-lưu đã lớn tuổi và sau nữa là do sự tận-tụy của giáo-giới đối với các người ham chuộng văn-hóa.

Người Mỹ ngày nay đã dần

40 000.000 NGƯỜI MỸ

dần nhận-thức rằng một người tốt-nghiệp nhà trường ra chưa hẳn đã là có học. Giáo-dục không phải là một gói đồ mà là một phương-pháp. Mục-dịch của giáo-dục không phải chỉ là thu-thập một mô-kiến-thức là đủ, mà còn là sự TRƯỞNG-THÀNH TÂM-TRÍ CỦA CON NGƯỜI khiến người đó trở thành một người tốt-đẹp hơn, hiểu biết nhiều hơn, trình-độ văn-minh tiến-bộ cao hơn.

Kết-quả là ngày nay dân-chúng Hoa-kỳ mỗi ngày mỗi tham-gia nhiều những lớp học không có liên-quan gì đến sự học hỏi về công việc làm của họ, và cũng không giúp họ đạt được mảnh bằng cấp nào cả.

Họ chỉ muốn được tự-do học hỏi, được hiểu biết để thưởng thức nghệ-thuật, thưởng-thức những bản nhạc hay, những câu văn đẹp, được thấu-triệt những vấn-đề chính-trị, kinh-tế, khoa-học, và thấu hiểu những vấn-đề bao-la hơn về bản chất của loài người, cũng như của Đảng Tối Cao. Tại sao vậy? Bởi vì học hỏi này có thể giúp cho con người thạo lượm được cái tinh-

túy nhất của đời sống, và quan-trọng hơn nữa, là để thông-cảm thêm hơn những người xung-quanh mình, những người cùng sống, cùng làm việc với mình.

Mỗi ngày mỗi thêm nhiều xí-nghiệp, giờ đây đã nhận thấy rằng con người không hiểu biết và không biết thưởng-thức nghệ-thuật thường là những người không hiểu rõ loài người. Việc đó còn có nghĩa rằng người đó không có tư-cách để trở thành một người giám-đốc, vì rằng con người càng lên cao trên đài danh-vọng bao nhiêu, thì sự làm việc chung đặng giữa người và người lại càng quan-trọng bấy nhiêu.

Các xí-nghiệp lớn bên Mỹ chú-trọng rất nhiều đến vấn-đề này và ngay Công-Ty Điện-thoại Bell năm 1953 đã lập ra Viện nghiên-cứu Nhân-Văn dành cho các vị Giám-đốc tại đại-học-đường Pennsylvania. Công-ty Bell đã gửi một số những vị giám-đốc hứa hẹn nhất đến theo học một khóa 10 tháng chuyên về nghệ-thuật, triết-học và văn-chương. Họ học đủ thứ, nào là Leonard de Vinci, nào là

Sinclair Lewis, nào James Joyce. Và hiện nay khắp nước Mỹ đã có trên 30 trường đại-học mở những lớp học tương-tự dạy các vị Giám-đốc trau dồi thêm Văn-Hóa.

Dần dần giáo-giới đã nhận thức rằng đầu óc của người lớn tuổi khác hẳn đầu óc của thanh-niên. Trung - bình NHỮNG NGƯỜI TỪ 35 TUỔI TRỞ LÊN MỚI BẮT ĐẦU THEO HỌC NHỮNG LỚP NÀY. Như vậy có nghĩa là họ đều là những người đã già dặn việc đời. Họ có thể đang thời-kỳ tạo-lập gia-đình hoặc đang chuẩn-bị hoàn-thành sự-nghiệp. Họ là những người có thể đóng góp nhiều vào lớp học do kinh-nghiệm của họ mang lại, và họ muốn rằng lớp học đó có liên-quan đến đời sống của họ.

Đối với một số người khác thì những lớp học này còn là một cơ-hội tốt để họ được tiếp xúc với đủ hạng người. Trong một lớp có thể có một ông chủ ngân-hàng, một vị mục-sư, vài ba bà nội-trợ, một chủ hãng hoặc một công-nhân bán cây xăng. Một vài học-viên rất hăng

hái có thể là NHỮNG NHÀ BÁC - HỌC HOẶC KỸ - SƯ thuộc các ngành kỹ-nghệ địa-phương; họ thấy rằng những lớp học này là phương - pháp lý-tưởng để TỰ - DO HỌC HỎI NHỮNG ĐIỀU MÀ HỌ THIẾU THỐN TẠI NHÀ TRƯỜNG.

Tại Cleveland với sự bảo-trợ của Hội Phụ-nữ đại-học Cleveland, một nhóm giáo-sư tình-nguyện đã được gửi đi huấn-luyện tại những viện-học cuối tuần do những nhà học-giả tiếng tăm đảm-nhiệm như ông Henry Steele Commager và cô Margaret Mead. Những vị đó đã hướng-dẫn những lớp học « sa-lông » về các môn sử-ký, đầu-tư, Pháp-ngữ, văn-chương v.v. Những lớp học về đầu-tư, do những người giàu kinh-nghiệm về thương-trường hướng-dẫn được nhiều người ưa - thích nhất.

Nhưng đồng - thời, ngành giáo-dục dành cho người lớn cũng không bỏ quên NHỮNG NGƯỜI NÀO MUỐN HỌC ĐỂ KIẾM MẢNH BẰNG

ĐẠI HỌC. Về phương-diện này, thì các giáo-giới đang tìm cách để giúp người lớn theo đuổi việc học theo cách người lớn. ☺

Hàng ngàn người Mỹ lớn tuổi đã nhờ sự giúp đỡ của các trường đại-học này mà thi đậu bằng đại-học hoặc được huấn-luyện về công việc làm quý giá. Ngày nay hầu hết các trường đại-học Mỹ đều chú trọng đến việc giáo-dục của người lớn, mở lớp học thuộc đủ các ngành, từ kiến-trúc đến ngành giao-dịch. Đại-học-đường California có trên 175.000 học-viên ghi tên theo học những lớp tối trong các đô-thị thuộc tiểu-bang này. Đại-học-đường Washington có một ban giáo-sư đặc-biệt thường xuyên tiếp xúc với các học-viên người lớn thuộc 130 đô-thị. Trường đại-học New York còn khuyến-khích các bà mẹ nên đem cả con nhỏ cùng đến trường. Trong khi bà mẹ học lớp văn-chương cận-đại, thì đứa con có thể giải-trí trong một lớp học đặc-biệt về nghệ-thuật chẳng hạn.

Nhiều phụ-nữ theo những lớp học tự cải-tiến nhưng phần

lớn học-viên phải nam thì chăm chú học những môn có liên-quan đến công việc làm của họ.

Đại-học-đường Indiana gần đây cũng mở trên 400 lớp hàm-thụ, và đây cũng là một trong những môn học phát-triển mạnh nhất trong ngành giáo-dục người lớn. Mỗi năm có tới gần 175.000 học-viên ghi tên theo lớp học hàm-thụ của trên 150 trường - học và trường đại - học. Viện quân-nhân Hoa-kỳ cũng có lớp học cho gần 250.000 nhân-viên nhà binh trong nước và hải-ngoại; số học-viên của 450 trường hàm-thụ tư-nhân toàn-quốc lên tới 750.000 người.

Có tới gần 5.000 tổ - chức kỹ-nghệ và thương-mại, trong số đó có những xí-nghiệp lớn vào bậc nhất bên Mỹ, đã ký những hợp - đồng với một trường-học hàm-thụ duy-nhất — trường HÀM-THỤ QUỐC-TẾ ở SCRANTON, International Correspondence Schools, Pennsylvania — để nhờ huấn-luyện. Học-phi từ 25 đến 500 mỹ kim một khóa, và trung-bình mỗi học-viên phải mất 10 giờ mỗi tuần để học. Dù học-

viên là người lớn tuổi, hoặc người niên-thiếu, học có tấn tới hay không là hoàn-toàn do cố gắng của chính mình.

Một trong những trường hàm-thụ thành-công nhất bên Mỹ là Trường Hội-Họa ở Westport, Connecticut. Được thành-lập cách đây 10 năm, trường này mở những khóa học ba năm về môn hí-họa, hội-họa thương-mãi dưới sự điều-khiển của những họa-sĩ tên tuổi như Norman Rockwell, Jon Whitcomb và Dong Kingman. Học-viên thuộc đủ giai-cấp, những nhà buôn nghĩ việc muốn học thêm một môn để giải-trí cũng có, hoặc những thanh-niên muốn trở thành họa-sĩ tương-lai cũng có. Họ có thể theo học lớp hàm-thụ, mà vẫn đi làm việc như thường, vẫn làm được bốn-phận gia-đình, đồng-thời thực hiện được nguyện-vọng của họ và phát-triển được tài-ba của họ.

Chính-phủ Mỹ cũng không kém phần chú-trọng đến việc giáo-dục người lớn. Lớp bổ túc Nông-nghiệp, là tổ-chức giáo-dục người lớn, lớn bực

nhất thế-giới do quỹ chính-phủ dài-thọ có trên 8 triệu học-viên. Tổ-chức này được thành-lập từ năm 1914 và ngày nay số nhân-viên lên tới trên 12.000 người. Tổ-chức này chỉ nhắm vào dân-chúng miền đồng ruộng và tuy rằng hồi đầu chỉ dạy về các môn canh-nông nhưng sau này cũng có dạy thêm các môn kịch, âm-nhạc và nghệ-thuật. Hơn 100.000 nông-dân có chân trong những câu-lạc-bộ chuyên thảo-luận về những vấn-đề công-cộng do chính-phủ cung cấp tài-liệu. Những lớp học về âm-nhạc và chương-trình đọc sách càng ngày càng được phổ-cập với những chiếc xe thư-viện.

Nhưng có lẽ viễn-tượng giáo-dục hứng-thú nhất của người lớn mà từ trước tới nay nhiều người vẫn thường coi là một trở lực lớn lao cho sự học hỏi là **VÔ TUYẾN TRUYỀN-HÌNH**. Cách đây 6 năm một loại máy vô-tuyến truyền-hình mới đã được ra đời cùng với loại máy vô-tuyến truyền-hình thương-mãi thông thường. Đây là loại **VÔ-TUYẾN TRUYỀN-HÌNH GIÁO-DỤC**,

mà khắp nước Mỹ đã có tới 43 trạm. Nhiều trạm khác hiện đang được xây cất, và nhiều đô-thị cũng đang chuẩn-bị quyền tiền để dựng trạm riêng của mình. Chương-trình ban ngày của vô-tuyến truyền-hình giáo-dục này có nhiều khả-năng tiềm-tàng đối với các trường-học, và chương-trình ban tối lại còn là một phương-tiện giáo-dục quan trọng đáng kể của người lớn mà từ trước đến nay người ta chưa hề khám-phá ra.

Cách đây hơn một trăm năm chính ông Henry David Thoreau đã từng viết rằng: « Kể ra cũng đến lúc ta phải lập ra những trường-học khác thường, những trường-học có

thể giúp ta không thể bỏ dở việc học khi ta bắt đầu trở thành người lớn ». Và những cái trường khác thường đó ngày nay đang được phát-triển dần dần, tuy chậm, nhưng rất vững chắc. Với những trường-học đó, ngày nay người ta có thêm được một quan-niệm giáo-dục mới, coi sự học hỏi là một phương-pháp gồm có hai giai-đoạn: với giai-đoạn thứ nhất ta thâm-thập được những kiến-thức và kỹ-thuật căn-bản cần-thiết để sống, và với giai-đoạn thứ nhì ta thâm-thập được sự khôn-ngoaan để sử-dụng những kỹ-thuật đó một cách hiệu-quả.



### \* DANH NGÔN

La femme est le plus affreux de tous les maux.  
Đàn bà là cái tai họa ghê gớm nhất trong các tai họa.

EURIPIDE

### \* DANH NGÔN

La femme est le chef d'œuvre de l'univers.  
Đàn bà là kiệt-tác của vũ-trụ.

LESSING. (Văn-sĩ Anh)  
(T.L.L. sưu làm)

# Người phụ trạm



nhân

## \* ĐẶNG-VĂN-NHÂM

*Thương anh, em cũng muốn võ,  
Sợ trưởng nhà Hồ, sợ phá Tam-Giang.*

**C**ÁU ca-dao trên nói lên lòng yêu tha-thiết, chân thành của nàng thôn-nữ đối với tình nhân xa cách, muốn vào thăm nhau để thỏa mãn tình thương nhớ; nhưng lại e nỗi đường xa xôi, quan san cách trở mà phương tiện vận chuyển trong nước ta thời bấy giờ còn quá thô sơ, chậm chạp.

Từ Bắc vào Nam, bây giờ, nếu đi phi cơ chỉ mất mấy tiếng đồng hồ là đến nơi. Còn ngày xưa, nhanh lắm cũng phải hằng tháng. Ấy là chưa kể đến những tai nạn thường xảy ra dọc đường, bị cướp sông, cướp chợ... hoành hành bóc lột, có khi lại còn giết cả người.

Xa nhau, muốn gặp nhau là

## NGƯỜI PHỤ TRẠM

điều "thiên-nan, vạn nan". Còn muốn liên-lạc thư từ thì lại càng khó nữa. Bởi thuở ấy, nước ta— cũng như hầu hết các nước hậu tiến ở Á-Đông— chưa có tổ chức bưu tín cho quần chúng. Nhà nước chỉ có "lính trạm" để liên-lạc trong chính quyền và chạy công văn mà thôi.

Tổ - chức "Lính trạm" là sáng-kiến của vua Lý-thái-Tôn (1028 - 1054). Nhà vua chia những quãng đường dài từ kinh-đô đến các tỉnh-ly xa xôi thành nhiều chặng nhỏ. Mỗi chặng như vậy gọi là một "Cung". Mỗi cung đặt một "cung dịch" tức là một trạm bưu tín.

Ngoài việc chạy công văn, cung-dịch còn là nơi tiếp tế lương-thảo cho quân-đội khi cần đến. Dọc đường quan-lộ từ Huế ra Bắc hay vào Nam, đều có những Cung dịch làm bằng lá đơn sơ. Mỗi trạm có độ bốn hay năm phu trạm hoạt-động dưới sự chỉ-huy của một trạm trưởng. Trong số, lúc nào cũng phải có một người hoàn-toàn rảnh rỗi, túc trực để xử-dụng trong những trường-hợp cần thiết cấp bách. Tất cả đều trực thuộc Bộ Binh. Mỗi tỉnh đặt dưới sự quản-đốc

của một vị An-Sát, lãnh lương như "lính cơ" (lính hầu) và được miễn dịch.

Các công-vận do phu trạm chuyên đi đều được mật phong trong những "ống công văn" bằng tre to, hai đầu gắn si-kỹ-lưỡng. Người phu trạm, đeo những "ống công văn" trên lưng và cỡi ngựa. Ngựa là phương-tiện vận chuyển thông-dụng nhất ở xứ ta. Ngoài ra, phu trạm còn phải chuyên-vận hành-ly hay khiêng kiệu, khiêng cáng cho các vị quan trong Triều. Và mỗi năm, còn phải lo chuyên vận các thứ thồ sản quý của quan địa - phương dâng lên nhà vua, như: gạo Bắc Ninh, Chuối Nam-Định, Cam Vinh, mía Thanh-Hóa và vịt trời ở Hồ tây...

Phu trạm phục-sức tầm thường cũng như dân-chúng, chỉ mang trên vai 1 cái lục-lạc hay cái chuông nhỏ để báo-hiệu cho mọi người biết mà tránh, vì họ có quyền ưu-tiên đặc biệt khi đi đường cũng như lúc qua đò.

Trong việc quân cơ cấp bách, người phu trạm mang một huy-hiệu đặc-biệt là: "Hòn than, lông gà". Tay cầm một lông gà,

tay cầm một cây đuốc cháy, tượng trưng cho chữ « Hỏa tốc ». Thời gian di-chuyển công-văn



cũng được ấn-định rõ-ràng : Từ Huế ra Hà nội là sáu ngày. Gặp trường hợp « thượng khẩn », chỉ có 3 ngày thôi, người phu trạm phải thay phiên nhau chạy suốt ngày đêm, băng rừng vượt núi. Nếu chậm trễ sẽ bị chiếu theo quân luật mà xử phạt. Điều 211 trong quân luật thời xưa có ghi : « Mọi sự chậm trễ trong việc di-chuyển công văn sẽ bị phạt đòn trung bình từ 20 đến 50 roi. « Ông Công Văn » bị mở ra mà Công Văn bên trong còn nguyên

nếp thì bị phạt đòn 20 roi. Hình phạt này tùy theo trường hợp, có thể tăng lên đến 60 hèo.

Nếu Công-Văn bị mất nếp thì bị phạt đòn từ 60 đến 100 hèo. Hình phạt này có thể tăng bội nếu là công văn quân-sự ».

Ngoài ra, điều 216 quân luật còn ghi : « Mọi chậm trễ của phu trạm làm thiệt hại cho việc binh bị sẽ có thể xử tội chém. »

Luật gặt gao là thế ! Nhưng trong thực tế, ai cũng phải nhìn nhận phu trạm rất lười và hay phá khuấy, sách - nhiều dân chúng : gây ồn ào, phá phách trong các hàng cơm, quán rượu dọc đường, hoặc gheo gái lúc qua đò...

Bởi vì, họ là những con người sống không có ngày mai. Trách nhiệm quá nặng nề, nguy hiểm trên những con đường xuyên sơn hiểm trở !

Bây giờ, giữa thời đại vệ-tinh nguyên tử, phương tiện vận chuyển được cơ khí hóa đến cùng cực, nên hình ảnh « người phu trạm » đã bị xóa mờ trong quần chúng.

XI/59

Từ-Quyên

ĐẶNG-VAN-NHÂM

con  
chó  
thiến



★ BĂNG-SƠN

**N**Ó là một con chó Tây của người ở cạnh nhà tôi. Thân hình to lớn nhưng hiềm một nỗi là ốm quá. Nó thường qua nhà tôi để chờ những cơm thừa cá cặn. Tôi thấy tôi thương nên tôi thường cho nó ăn. Tôi cũng hay đùa với nó nên nó rất mến tôi. Mỗi lần tôi quăng cho nó một miếng xương là nó nằm xuống nhẩn nại gặm từng vụn thịt hoặc gân dính ở kẽ xương. Có một lần tôi ném cho nó một khúc xương ống; miếng xương này đúng nghĩa với danh từ xương vì ngoài xương ra không còn một tí thịt dính vào; tuy xương cũng đã moi hết cả rồi.

Trước khi quăng cho nó tôi không quên nhúng vào nước canh để rửa sạch những màng

mỡ bám xung quanh. Vừa quăng xuống, nó liền ngoạm lấy và tha vào trong xó chẹt để thưởng thức. Ai thấy cũng đều bật cười. Nhưng thấy như vậy tôi lại càng cảm thấy thương nó hơn lên, vì không biết với miếng xương còn cứng hơn đá nó có ăn được gì không ? Mới sống gần nó chừng vài tháng nhưng tưởng như đã lâu lắm, vì giữa tôi và nó có rất nhiều kỷ niệm.

Ki-ki tuy cao lớn nhưng rất ốm, mà chủ nó lại muốn nó mập, muốn lông nó mượt. Nhưng mập sao được vì nó đã quen sung sướng rồi, ông bà cha mẹ nó sống sung sướng đầy đủ; đến phiên nó lại sống cực khổ tại xứ nóng bức này thì làm sao lông cho mượt



được. Và lại nó là con trai trời còn bắt nó làm tròn bốn phận, là duy trì nòi giống; nó còn lo chuyện ái tình. Làm sao mà mập cho được.

Nhưng mà ông chủ lại muốn nó mập, thế mới biến. Tôi nghĩ tôi lại càng thương con chó Kiki.

Một buổi tôi cùng gia đình đang ngồi ăn trưa ở nhà sau; bỗng nghe tiếng kêu la của nó. Nhìn qua nhà bên kia, tôi thấy ông chủ nó bẹp vào giữa hai tấm ván hai tay nắm hai chân nó kéo lên, nó vùng vẫy nhưng vô ích, hai chân sau bị kéo lên bên trên, ở dưới là đầu và hai chân trước. Những tiếng cười, tiếng khóc của trẻ con xen lẫn. Trong giây lát tôi đã đoán biết chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi khép vội cánh cửa nhà tôi. Tôi cố quên hình ảnh ấy để khỏi xốn xang trong khi ăn; nhưng tiếng la của nó làm tôi sốt ruột. Tiếng kêu của nó mỗi lúc mỗi quyết liệt; tiếng kêu dài và liên tiếp nhau, đôi khi đứt đoạn và ngưng một lát, rồi tiếng kêu như nghẹn lại. Tất cả người trên bàn ăn đều ngưng đùa. Tiếng kêu lại rít như tiếng cưa chạm phải đinh lại lần với tiếng cười. Sau đó tiếng kêu ngưng

lại và tiếp theo là tiếng người nói «xong rồi». Tôi sai người



lên đóng cửa trên nhà kéo nó chạy qua nhà tôi; vì thường

ngày hề bị đánh hay bị đuổi là nó chạy sang nhà tôi, xem nhà tôi như một chỗ ẩn náu nhưng khi hoạn nạn. Nhưng kia; tôi quên đóng cửa sau, nên nó đã chạy vòng ra phía sau nhà tôi để vào và bây giờ nó đứng kia; tiếng kêu đau đớn vẫn còn; trông đôi mắt nó thiếu nào quá! Trời ơi! máu chảy đầm đìa, đọng cả vũng, bệt trên nền xi-măng. Nó vừa liếm vừa ngoáy cổ nhìn tôi. Thằng em tôi bỗng la lên: «Coi kia nó liếm». Nó liếm chùng nào thì máu ra chùng đó. Tôi nghĩ thầm không khéo nó chết mất. Cả nhà rên rĩ: «Làm sao mà nuốt cơm cho xuống». Tôi nói để mọi người khỏi ghê. «Cố gì mà gớm, người ta uống máu chó, ăn tiết canh chó thì sao». Nói thế, nhưng tôi cũng gắng nuốt những miếng cuối cùng để đứng dậy.

Tôi chán ngán lên giường

nằm trong khi con ở nhà tôi rên rĩ lấy khăn lau nhà và đuổi con chó đáng thương đi.

Tôi nghĩ tôi lại càng thương con chó Kiki.

Người ta coi thường sự đau đớn của nó, người ta tưởng rằng nó là khúc gỗ chẳng biết xúc động. Người ta bắt nó không được nghĩ đến chuyện ái tình, người ta bắt nó hy-sinh ái tình.

Những ngày sau đó con ở nhà tôi thường đóng cửa vì sợ nó vào nhà; nhưng nó đã đi rồi; ba bốn ngày tôi không thấy nó. Bỗng ngày thứ tư, tôi lại thấy nó chạy ngang nhà tôi; sau đuôi máu vẫn còn rĩ. Tôi

chạy ra để trông nó cho rõ. Thân hình tiều tụy, đuôi quặp xuống, phía sau vẫn nhầy nhụa máu; nhưng rồi nó lại bỏ đi và mất hút vào sau cụm cây. Tôi bước ra ngoài, đến gần táy máy lấy cây vách những giọt máu đưa lên mắt xem, tôi thấy máu tươi quá và giống như máu người.

Qua hai ba ngày thấy vắng con chó, con ở nhà tôi không để ý nữa. Sáng ngày mai vừa thức dậy, con ở nhà tôi chạy lên nói có vẻ bực dọc lắm. «Cậu cậu, con chó nó lại đến nằm chết dưới gầm giường nhà mình».

Trời ơi, cả một buổi chiều tôi khóc con Kiki!



### \* TUỔI TRẺ.

Nữ-sĩ Y-pha-Nho, Susanna March, tác giả quyển «Les Ruines et les Jours» nói về thanh niên như thế này:

— Tuổi trẻ là tuổi không ngần-ngại gì cả, vì không nghĩ-ngại gì cả.

(L'âge où l'on ne doute de rien parce qu'on ne se doute de rien).

B.T.

## gặp nhau

Anh qua Tiền-giang, em về Kê-cá  
 Chúng mình gặp nhau trên chuyến đò ngang  
 Anh kể cho nghe tâm-tình mái rạ  
 Vui vui câu chuyện lúa vàng  
 Trên đàng sỏi đá...  
 Anh nói ròn tan...  
 Năng đỡ đồng hoang

Dừa xanh giăng khắp xóm làng...  
 Quê em có dòng Sông Trúc  
 Có cầu rạch Nhúc bắc ngang  
 Bên này nhà sèn chợ Gạo  
 Phú-Nhiên lúa chín phơi vàng  
 Cô em có dòng tóc mượt  
 Soi mình bờ nước trong xanh  
 Diệu-hiền cô gái Bến-Tranh  
 Quanh năm bên khóm dừa xanh  
 Vui niềm thôn-dã mộng-lành thắm-tươi  
 Quê em là cả cuộc đời...

KIỀU.MAL.HƯƠNG



## Cô Giáo

.....  
 của chúng tôi

★ NỮ SINH  
 PHÙNG TUỆ CHÂU

**H**ÔM ấy, khác hẳn ngày thường, cô tôi tới trường trễ lắm. Chúng tôi đã yên-trí cô nghỉ vì hôm trước, cô than hơi nhức đầu, chóng mặt. Giữa lúc chúng tôi đang xôn-xao, trò chuyện cô lặng-lẽ đi vào, đập thước lên bàn ra hiệu cho chúng tôi im.

— Hôm nay cô mệt và buồn lắm, các em đừng nghịch, hãy chịu khó chép bài cho cô yên.

Tôi ngược mắt nhìn lên thấy cô tôi kém vui thực. Đầu người chãi không được gọn, mặt thâm lại, da nhợt-nhạt, môi tái hẳn. Người vận cái áo tím cũ, quần

đen chân lê guốc, trông tiêu-tụy, không còn vẻ duyên-dáng như trước. Điều tôi ngạc-nhiên nữa là không thấy người gọi ai lên trả bài như mọi khi. Chúng tôi chỉ giờ sách ra chép sử-ký theo người đọc. Giọng người hơi run-run, nhiều lúc như hết hơi, phải ngừng lại thở. Sau, cô tôi không còn đủ sức đọc nữa, người nhờ anh Tuấn tiếp hộ. Trong lúc chúng tôi viết, người ủ - rù, gục đầu xuống bàn, trông thảm-thương hết sức.

Sao lúc ấy tôi cũng nôn-nao quá, ngồi viết không yên. Thịnh-thoảng

tôi nhìn lên thấy cô tôi mà lòng xe lại. Cả các bạn tôi cũng vậy, nhiều anh, chị chờ ra nhìn người một cách ái-ngại. Cả lớp không ai bảo ai mà cũng có một ý-nghĩ muốn lên an-ủi cô cho người bớt một đôi phần đau khổ.

Bài sử-ký vừa chấm-dứt, cô tôi ngừng đầu lên kết-luận :

— Các em có kính phục cái chết của Hai Bà không ? Nếu hai Bà là người ham sống sợ chết, chịu nhục, sớm hàng quân địch, có lẽ người cũng còn được quyền cao chức trọng. Nhưng người đề cái danh-dự của người lên trên mọi sự. Các em ơi cái danh-dự ấy mới đáng quý là bao ! Cũng là một cái chết, sao có cái vinh, cái nhục, cái thường. Nhưng cũng có cái làm cho người ta ái-ngại, xót-sa, thương cho những người bị oan-ức không chịu nổi sự nhục-nhã, đề nên lên mình.

Rồi cô tôi lên bảng, cổ nắn nốt hai chữ Danh-Dự cho bài tập viết tiếp theo.

Trong lớp không một tiếng vang nào khác ngoài tiếng ngòi viết lê trên giấy. Một đôi bướm ngũ-sắc xô đuôi nhau trên trần không làm cho ai chú ý bằng những nét mặt

của cô tôi lúc ấy. Vần nét mặt bờ phờ rầu-rĩ ấy, người dăm-dăm nhìn ra sân rồi quay vào mọi phía trong lớp. Sau cùng người chú-ý tới chúng tôi hơn cả. Người chăm-chú nhìn từng đứa, một và tôi có cái cảm-tưởng như người muốn thu hút hình ảnh chúng tôi vào trong trí người. Nghe tiếng người thờ dài, tôi không dẫn lòng được nữa, liền đứng lên hỏi :

— Thưa cô, sao bữa nay cô buồn quá vậy ? Cô tôi ngần-ngại chưa định trả lời, thì anh Ba lại đứng lên hỏi :

— Hôm nay, chúng con thấy cô khác thường quá, xin cô cho chúng con biết nguyên-do. Trước khi trả lời, cô tôi ngấp ngừng, mím chặt lấy môi, mắt hơi rơm-rớm rồi người lại thờ dài. Chao ôi ! Cái tiếng thờ dài ấy mới nào nuốt làm sao !

— Các em ơi, mai cô phải đi xa, xa lắm, có lẽ không bao giờ chúng ta gặp nhau nữa vì thế, cô thấy lòng cô đau như cắt ...

— Sao cô không cho chúng con biết trước. Chúng con quyết làm đơn đồng ký, xin cô ở lại dạy chúng con.

— Không, không thể được.

không tài nào xin được đâu, các em ạ, vì lẽ gì các em sẽ rõ. Lịnh trên đã ký xuống rồi, chúng ta chỉ còn cách tuân theo, mặc dầu cô không muốn. Cô biết các em thương cô lắm, cô cũng vô cùng quý mến các em vì trên đời này, cô không còn ai gần hơn các em cả. Cô không quên các em đâu, không bao giờ quên được đâu. Hình ảnh các em, cô đã in sâu trong trí nhớ vì chưa bao giờ, cô thấy lớp nào làm cho cô quyến-luyến hơn các em. Cô... cô...

Cô tôi nghẹn-ngào không nói được nữa, người gục đầu xuống nức nở. Hầu hết chúng tôi đều cảm-động muốn khóc.

Tuy vậy, cô vẫn can-đảm dạy tiếp bài luân-lý cho đến hết giờ. Bài ấy dạy về danh-dự của con người là thế nào. Trước khi chép bài, cô tôi giảng hay lắm, có lẽ chưa bao giờ cô tôi giảng hay như vậy và cũng chưa bao giờ làm cho chúng tôi chú ý hơn. Đột nhiên cô tôi hỏi :

— Nếu ai làm mất danh-dự của các em, các em sẽ xử trí ra sao ?

— Con sẽ trả lời bằng việc làm của mình.

— Con sẽ kiện họ.

— Con phải đánh người ấy, đánh chết, tù cũng cam.

Cô tôi ngắt lời :

— Nếu không thể kiện, không thể đánh và không thể bào chữa ngay được ?

— Con sẽ tự vẫn chết.

Câu trả lời của chị Oanh làm cô tôi cúi đầu xuống suy nghĩ. Tay người cầm sách, tôi thấy run, đáng diệu người có vẻ bối rối hơn trước. Người lại đưa bài cho Tuấn đọc để chúng tôi chép. Bài luân-lý vừa xong, tiếng trống tan giờ học cũng vừa nổi. Cô tôi đứng lên muốn nói nhưng vì xúc động quá người nói không nên câu, phải quay vào bảng viết vội mấy chữ :

“ Chào vĩnh biệt các em thân mến ”.

Sáng hôm sau, cô tôi không đến trường thực. Chúng tôi chờ đến hơn 9 giờ cũng chưa thấy ai đến thay. Chợt ông Đốc trường hốt hơ hốt hải vào báo một tin gửi :

— Cô Giáo các em đã tự vẫn đêm qua tại nhà riêng. Người ta đem vào nhà thương cứu chữa không được. Có lẽ cô đã nằm trong nhà xác.

Trời ơi, cô tôi tự vẫn chết rồi !

Cả lớp đều nhao nhao lên bàn tán. Mấy cô bạn gái tôi đã òa lên khóc. Vài anh cứng đầu cũng nước mắt chạy quanh. Sau, chúng tôi quyết định xin phép cho cả lớp kéo nhau vào nhà xác thăm cô tôi lần chót.

Xác người đã đặt trên một cái ghế bố, mặt phủ một cái khăn màu trắng đã đốm vàng. Cái không khí trong nhà xác mới lạnh lẽo làm sao ! Giá không có truyện gì, thực tình tôi không đủ can đảm vào đấy. Nhưng hôm ấy, tôi không biết sợ là gì. Tình thầy trò đã khiến cả lớp chúng tôi đều mạnh rạn xúm quanh người mà không thấy ghê. Một anh gan nhất, vừa nhắc cái khăn phủ mặt người lên, mồm người tràn ra ít máu còn tươi đỏ. Chúng tôi không ai cảm lòng được nữa, đều ngậm ngùi rơi lệ.

Đám tang cô tôi được cất một cách đơn giản, nhưng không kém phần trang nghiêm do một người lạ mặt đứng lên lo cả. Dẫn đầu là một vòng hoa cườm lớn của nhà trường viếng; rồi đến 6 vòng hoa kết trắng chính tay chúng tôi mang đến huyệt. Chiếc quan tài của người bạc mệnh đặt trên chiếc xe trắng, hai ngựa. Theo sau là các

giáo viên cùng tất cả học trò trong trường. Cô tôi không có một người họ hàng bà con nào ở gần. Bạn người cũng ít, tôi chỉ thấy lơ thơ vài người đàn bà lạ mặt hình như ở cùng nhà, cùng phố.

À, còn một người đạo mạo, chạc 30 tuổi, bận âu - phục toàn đen, nét mặt hết sức buồn thảm làm cho chúng tôi chú ý lắm. Nhất là lúc hạ huyệt, người ấy đứng ra chỉ mọi việc cho phụ làm. Khi cô tôi đã nằm sâu dưới đất, mồ đã đắp chặt và cao, cũng người ấy, đứng ra đầu tiên thắp hương, cúi đầu khóc lể. Giọt nước mắt của người đàn ông ấy đã làm cho chúng tôi xúc động mạnh và thầm hỏi : ai thế nhỉ ?

Sau chiều hôm đưa đám, các báo đều đăng cái chết bi thảm của cô tôi gây nên do vợ một ông bác sĩ vì ghen bậy, muốn người chủi đánh cô tôi khiến người uất ức, xấu hổ quá mà tự vẫn. Người có đề lại một bức thư tuyệt mệnh bày tỏ nỗi oan ức của mình, nhưng vẫn sẵn lòng tha thứ cho vợ viên bác sĩ kia và yêu cầu nhà chức trách đừng làm khó khăn ai cả.

Sáng hôm sau, tôi nhận được

một bức thư gửi đến trường. Vừa cầm phong thư, tim tôi đập mạnh, người tôi run lên vì thoáng trông nét chữ ngoài, tôi biết ngay là của cô tôi viết lại. Tôi đọc đi đọc lại bức thư ấy mấy lần không biết chán. Mỗi một dòng của người quá cố làm tôi nghẹn ngào, khóc lên nức nở, khiến các bạn tôi bu lại xem và một anh đành lấy đọc :

" Các em thân mến,

Khi các em nhận được bức thư này thì có lẽ các em đã đưa chị đến nơi an nghỉ cuối cùng rồi nhỉ. Chị thành thật cảm ơn các em nhiều lắm. Các em hãy hiểu dùm chị vì chị không làm hồ danh nhà trường và chị cũng không làm xấu các em ; chị tự hào là người xứng đáng để diu dắt các em trên một quãng đường đời, các em ạ. Nhưng, tiếc thay quãng đường ấy quá ngắn vì chị chưa đưa các em được đến nơi thì đời chị đã chấm dứt bởi một nỗi oan ác nghiệt.

Các em có tin rằng chị đi cướp chồng và phá tan hạnh phúc nhà người không ? Không, chị lấy danh dự thề rằng không bao giờ chị có cái dã tâm ấy. Vậy mà người ta đã đánh chị,

chửi chị, bêu xấu chị nhiều quá, chị chịu sao nổi. Thật chị không muốn nhìn thấy mặt ai nữa. Ra đường, gặp ai nhìn chị, chị có cái cảm tưởng như họ vô cùng khinh-bị chị. Ai cũng ghêra hiểu chị là một nhà mô phạm ở cái tỉnh nhỏ này, mà cái danh-dự của chị bị người ta chà đạp lên như vậy, chị chịu làm sao nổi ! ... Chị đau đớn và buồn quá các em ạ. Chị nghĩ mãi chỉ còn một cách là chết đi mới tỏ hết được nỗi oan của mình.

Các em ơi, chị thương các em lắm vì trên đời này chị không còn ai gần hơn các em. Các em là nguồn sống của chị, nay chị đành bỏ các em lại, tim chị đau nhói như bị một vết dao đâm. Máu đã tràn ra mắt, chị mệt, mệt lắm rồi, các em ạ. Lát nữa chị sẽ uống thuốc ngủ để ngủ một giấc dài. Ngủ cho quên nỗi đau, nhưng còn các em, chị không bao giờ quên được. Các em ngoan lắm. Chị chưa gặp được lớp nào hơn các em. Các em cần phải cố-gắng hơn lên nhiều nữa, và khi nào có dịp đi ngang qua «nhà» chị, có nhớ tới chị, các em hãy ghé vào thăm, đốt giùm cho chị một nén nhang, bới giùm cho chị

## CÔ GIÁO CỦA CHÚNG TÔI

ít cô dạy. Mồ của chị đỡ hiu-  
quạnh được phần nào, ơn ấy,  
chị xin nhớ mãi.

Các em ơi, thôi chị mệt lắm  
rồi, chị xin ngừng bút để vĩnh biệt  
các em. Đời chị như cây liễu nhỏ,  
cây liễu ấy đã gặp cơn gió to làm  
bật rễ, nằm ẹp xuống, xuống mãi.  
Các em có phương thuốc nào cứu  
lại được nó. sống không các em,  
các em thân mến?

Chị yêu dấu của các em, »

NHUNG

### \* CÁI SÚNG BẮN CHIM

Một nữ ca-sĩ mập thù-lù đứng trên sân khấu, cất tiếng ca ò-ò :  
— Ước gì ta hóa thành con chim hoàng-anh bay lên mây xanh..

Một thính-giả ngồi dưới, liến la to lên :

— Thì tôi sẽ hóa ra cái súng bắn cho cô rớt xuống đất bùn !  
Cả rạp cười rồ lên, khiến nữ ca-sĩ mắc cỡ cúi mắt !

### \* LỘN CỎ MỘT CHỮ

Thi-sĩ Pháp Scarron (Thế kỷ XVII), hồi còn thương chị, thấy chị  
quý một con chó, có làm một bài thơ nhan-đề là :

« Tặng con chó của chị tôi »

(À la chienne de ma sœur)

Sau đó, Thi-sĩ cãi nhau với chị, tức giận chị, liền làm một bài thơ  
khác, nhan đề là .

« Tặng con chó chị tôi »

(À ma chienne de sœur) !

B. T.

Đây là một câu chuyện có thực  
xảy ra đã quá mười năm ở một  
tỉnh nhỏ bên kia vĩ tuyến. Nay tôi  
mới có dịp viết lại để thân oan  
cho cô tôi. Tôi mong ai dính líu  
đến vụ này, có đọc tới, xin hãy  
cúi đầu im lặng vài phút để mặc  
niệm người tài hoa, đã vì mình  
mà mệnh bạc.

PHÙNG-TUỆ-CHÂU

(nữ sinh)



Thi-Ca  
của Rừng Núi

« Cheng mboat kewao  
Den sonan khae kao klao ! »

★ Y - TLONG

Bạn Y Tlong là một người Việt-Nam-Một, thuộc về hàng trí thức của dòng dõi Thiệu số Radhés, ở vùng Cao Nguyên Darlac, Banmethuôt, Lang-bian.

Bạn Y-Tlong thông-thạo về Việt-văn và Pháp-văn. Trong bài này, Y-Tlong muốn trình bày cùng bạn đọc PHỔ-THÔNG vài bài thơ và bài hát của người Kohos, những bài hát đầy thi-vị ngây thơ mà các chàng trai Kohos và Radhés ưa ngâm-ngã nhập hòa với tiếng Kewao (1) và tiếng sáo, những đêm lặng-lẽ trong Rừng sâu Núi thẳm...

P.T.

— Chi aê kô' lui olo, aê dit?  
(Em mơ-tưởng cái gì đó, em)  
Chàng Y-Jang thấy nàng J'ong Jirai ngồi mơ-màng trên bờ suối, thì hỏi. Nàng tủm-tủm cười, đáp :

— An o' yang mô' aê  
(Không có anh, em buồn quá)

Rồi Y-Jang rủ J'ong Jirai về nhà.

Cuộc tình-duyên giữa đôi

trai-gái Radhés không phiền-phức như giữa cặp tình nhân Việt-nam đã mất nhiều ngày giờ để trao đổi với nhau những lời nói yêu-đương, văn-hoa mơ-mộng thiết, nhưng không chắc gì đã thành-thật với nhau lâu. Đối với Radhés, mộc-mạc chất-phác, ái-tình là tiếng nói chân-

(1) Một chiếc đờn riêng biệt của Radhés

THI CA CỦA RỪNG NÚI

« hình của trái tim. Hễ yêu nhau là cứ tỏ thiết nỗi lòng cho nhau biết, không dấu-diếm chi. Yêu nhau rồi thì dựng 3 cây nêu, giết ba con trâu và bày những chén rượu gạo, rượu bắp, mời họ hàng làng xóm đến ăn say sưa và hát... say sưa, ai nấy ngồi chòm hóm chung quanh những đồng lửa ngo chói lóc, ánh sáng rực-rỡ khi thì cháy bùng lên như tiếng cười của ông Yang, khi thì cháy riu-riu như tiếp đón những vong-hồn kẻ chết kéo về dự-tiệc.

Bỗng một chàng trai, hai tay đập trên mặt trống da cá-sấu, hoặc da nai, miệng cất tiếng hát ru-đương :

Dân me bơ tap o ting dân bap boto

Dân lo borchai o ting kiu dam tru

Kiu dam tru o ting royu bohui

Kiu dam tru o ting royni bebrae.

Kiu dam tru o ting toyai beniong

Om bū kôh o ting tongâr me bo

Om tam phô o ting tongâr me bla

Om tam ja o ting tongâr m' lung

Om tam mir o ting tongâr dũng

s'rong

Om tam dor o ting tongâr mach

mae

(Nghe lời mẹ dạy, ai ơi, nghe lời cha dạy,

Nghe lời chị biết, ai ơi, Kiu lớn ơi

Kiu lớn ơi, như sợi cỏ lung-linh,

Kiu lớn ơi, như sợi chỉ rung-rinh,

Kiu lớn ơi, như chuỗi hạt long-

lanh,

Trên chót núi thấy Me Bo,

Trên sườn núi thấy Me Bla

Trong nhà tranh thấy Me Lung

Trong ruộng thấy cây nân Quy

Thần,

Vào rừng sâu, thấy trăng sao long-

lanh !)

Nhưng ăn-uống say-sưa cũng phải nhớ đến các người đi xa, tiếng hát vang lên như để gọi về: «Hãy về hết, đem cỏ về, đem ốc về, về ru cho người đẹp ngủ, về đan gùi cho nàng, về đem mỏ xức tóc nàng,» v.v...

Ri hê tai tam só rê bot gah

Ri hê tai tam só rê kah ar

Ri hê tai tam mô mê tam to

Ri hê tai tam sa só rê bar lo,

Đến lượt chủ nhà bước ra đứng cạnh đồng lửa ngo (ngo = cây thông), cất tiếng hát, trong lúc mấy chàng trai đập trống, đánh phèn la, và thổi sáo. Đây



là lời mời các vị Thần Núi,  
Thần Rừng, Thần Đá, về uống  
rượu :

*Yang bó nóm Sólut*

*Lu Pômpil*

*Lot niu (1)*

*Bó nóm Gungreh*

*Bó nóm Gungrang*

*Yang Gungkla*

*La Gunggong*

*Tong Bel*

*O' Yang*

*Bó nóm K'yah*

*Brah-Yang*

*Bó nóm Sóngrah*

*Lat niu*

*O Yang ! (2)*

Và bây giờ muốn cho đôi  
trai tài gái sắc được hưởng  
đầy đủ hạnh-phúc, một chàng  
trai khác cất giọng ca, nhịp với  
tiếng đờn Kow'ao. Chàng kêu  
gọi Trời, Mây, Gió, Núi, các vị  
Nữ-Thần Brong-Mê-Yang trao  
cho các loài chim đem về cho

(1) *Lot niu* : về uống rượu

(2) *Yang* : ông Thần. Những  
chữ viết hoa là tên các ngọn núi  
ở Lang biang, Djiring...

nàng các thức ăn, « con chim  
chích-chòe đem về hoa, cỏ, con  
quạ đem gạo, con sáo đem  
nước, đem về cho Jang Jirai » :

*O'n biap dó ur só'njang*

*O'n piang dó ur Kónđa*

*O'n da dó ur bórling*

*tus dao ó K' Jang Jirai !*

✱

Nhưng không khỏi có một  
chàng trai khác ở sườn núi  
kia, buồn-bã không đến uống  
rượu mừng đám cưới của nàng.

Đáng lẽ nàng Jong Jirai là  
vợ chàng, vì chàng đã yêu say  
mê, nhưng tại chàng sao đó nên  
nàng tức giận, không yêu chàng  
nữa, mà yêu Y.Jang. Đêm nay  
nghe tiếng trống, chàng rầu-rĩ  
cất tiếng lên ca :

« Ai đánh trống ở nhà ai  
bên làng em, hỡi ai đánh trống  
ở nhà ai bên làng em ? » :

(*Chau đi só, ngór duk ró duk  
tam hin boum mi duk ró dung  
tam hin boum ?*)

Chàng ứa nước mắt, muốn  
khóc, nhưng rấn ca lên cho  
gió nghe, để gió đưa lời than  
thờ đến tai nàng :

— Không có em, anh buồn  
lắm, em ơi !

*An Ó yang mó ah !*

*An Ó yang mó ah !*

Tiếng hát trầm trầm, lâm-lý,  
bay theo cánh gió...

Nàng Jong Jirai âu yếm gục  
đầu vào vai chồng, lặng-lẽ không  
nói gì.

Người chồng cũng nghe được  
lời ca văng-vẳng, nhưng làm  
thình để rồi một tháng sau,  
chàng hãnh diện hát một câu,  
để đáp lại người tình cũ tuyệt  
vọng của vợ mình.

Chàng lập đi lập lại hai  
ba lần :

« Nàng Yong Jirai bảo ta đi  
hái cho nàng trái cam, nàng  
thèm cam chua vì nàng có chữa !  
Vì nàng có chữa !

« *Yong Jirai sur lot joé plaé*



*Kroach lang so to'hir bun*

*Khae ! to'hir bun khae ! »*

.....  
Rồi chín tháng sau, chàng lại hát câu khác, vừa hát vừa thổi sáo :

(Ai ơi, sáo ai đâu, thổi lên !

Để mừng cho Y.Den, con trai ta, nàng mới sanh)

Để mừng cho Y.Den con trai ta, nàng mới sanh).

*Chang mboat kewao*

*Den sonan khae kao klao !*

*Den sonan khae kao klao !*

Ilát xong ba lần, chàng cười lên một chuỗi cười vang dậy cả góc rừng khuya... Rồi chàng lại thổi sáo.., rồi lại hát tiếp, say sưa dưới ánh trăng vàng :

*Chang mboat kewao !*

*Den sonan khae kao klao !*

*Den sonan khae kao klao !*

.....  
Y. TÔNG



THÀNH  
BẮC - KINH

là công - trình  
của một người

VIỆT - NAM



**B**ẢO rằng chính một người Việt-Nam đã xây dựng thành Bắc-Kinh của Tàu, hẳn làm ngạc nhiên lắm người. Vì ai chẳng cho rằng mọi ngành học-thuật của người Việt là chịu ảnh hưởng của người Tàu. Nhưng, sự thật thì thành Bắc-Kinh quả là do một người Việt xây nên. Người Việt ấy là NGUYỄN-AN sang Tàu về đời nhà MINH vua ANH TÔN, và làm quan Thái-Giám, triều Minh. Trong quyển « Kinh thành ký thắng » của DUONG-SĨ-KỶ, một quan lại triều Minh có tiếng thời-ấy, có ghi thuật rành rẽ, cùng ca ngợi cái tài của Nguyễn-An trong công cuộc kiến trúc đại qui-mô và lộng lẫy ấy.

NGUYỄN-AN sao lại sang Tàu và làm quan bên nước ấy?

Trước kia, người Trung-Hoa phát minh ra cách chế tạo giấy, họ dẫu vững độc-quyền, không cho người nước ngoài biết, cho mãi đến khi có cuộc chiến tranh giữa người Trung-Hoa và người Thổ-nhĩ-Kỳ. Trong số tù binh Trung-Hoa, có những người thợ làm giấy, do đó nghề làm giấy mới truyền sang Trung Á rồi dần dần, lan đi sang Âu. Có lẽ cũng do một trường-hợp tương tự, lúc nhà Minh chiếm lấy nước ta,

có bắt đem về Tàu một số người, nào nhà sư, nào thợ thuyền. Lúc ấy là đời Minh Thành-Tồ, trước đời Anh-Tôn không bao lâu. Ông Nguyễn-An có lẽ ở trong số người bị bắt ấy, và cái tài của ông hẳn được người Minh chú ý và cất nhắc vào làm quan.

Thành Bắc-Kinh, trước đó xây theo kiểu-mẫu thành cũ của nhà Nguyên, nhưng các thể thể chưa được hoàn toàn. Đầu niên hiệu Chinh - Thống, vua Anh-Tôn mới hạ chiếu xây dựng nó lại cho hoàn hảo. Khi lệnh ban xuống. Công-bộ thị lang là THÁI-TÍN có lời tâu rằng công-kuộc tu sửa thành cho hoàn hảo, ít ra phải dụng đến mười tám vạn phu mộ, còn phần phí tổn cũng rất to tát.

Vua Anh-Tôn nghe thế, chẳng giao công việc ấy cho bộ Công-nữ, dùng riêng ông NGUYỄN-AN cho sung chức TÔNG-ĐỐC CÔNG, đốc xuất quan Đô-đốc Ngô - Trung khởi việc. Ông Nguyễn-An chỉ dùng hơn một vạn lính đang tụ tập ở kinh thành để thao luyện, khởi sự từ đầu niên hiệu Chinh-Thống (1436) đến năm thứ tư (1439) thì xong tất. Công trình ấy có những kiến-trúc như sau :

## THÀNH BẮC KINH

Nội thành gồm hai cung, ba điện, năm phủ, sáu bộ và các công thự, các ty. Ngoại thành, có cửa Chánh-Dương gồm một Chính-lâu và ba gian Nguyệt-thành-lâu, và tám cửa phụ mỗi cửa có một Chính-lâu và một Nguyệt-thành-lâu. Ở ngoài các cửa đều có một cái bi-lâu. Góc thành Tây có dựng một gác lâu. Bốn phía thành đều có đào hào sâu bao bọc trọn vẹn, hai bên bờ hào đều xây gạch. Trước kia, chín cửa đều có một cầu gỗ, giờ phá cầu gỗ xây cầu đá vào ; dưới các cầu đều làm cống nước, khiến nước trong thành hào, từ mé tây-bắc thành theo con đường vòng thành chảy qua phía đông, chui qua chín cầu chín cống, đến mé góc đông nam thành rồi đổ ra cầu Đại-thông.

Khi đã hoàn thành, thành Bắc-

kinh trông rất rực rỡ nguy nga, mọi người đều tán thưởng và thán phục tài người xây cất là ông Nguyễn-An. Với công tác ấy, ông có công to với triều Minh, ông rất được nhà vua trọng đãi và tin dụng.

Ông mất vào năm Cảnh-thái thứ tư (1453), vua nhà Minh rất thương tiếc. Tài của ông đã được sách sử Tàu ghi chép ; lại bình sinh ông sống liêm khiết, không ham phú quý, nhà vua thường ban đồ vật cho, ông đều đem sung làm của công nên người Tàu rất kính phục phẩm cách của ông.

Đề kết thúc bài này, ta có thể nói rằng : ở bất cứ ngành nào, nếu có hoàn cảnh cho ta thi thố thì người Việt ta đều khiến kẻ ngoại quốc nể mặt, kiên tài.

TRẦN LỆ LANG



## \* KHÔN NGOAN

Có người hỏi nhà Văn Groucho Marx :

— Tại sao anh cứ chạy theo đàn bà hoài vậy ?

Văn-sĩ trả lời :

— Chạy theo họ, họ mới không bắt được mình !

B. T.

Chung quanh một bài của giáo-sư  
BỬU-KẾ trong tạp-chí ĐẠI-HỌC, Huế

## Giặc Chày vôi của Đoàn - Trưng mưu toan truất phế vua Tự - Đức như thế nào ?

★ NGUYỄN-QUANG

(Tiếp theo P.T. số 31)

### VUA TỰ-ĐỨC TỰ GIẢI OAN . . .

**S**AU khi dẹp được GIẶC CHÀY VÔI nổi dậy giữa kinh thành, nhớ tới, nhà vua đem lòng kính khứng, nên để dụ lòng bá tánh đã ra dụ rằng :  
« . . . Các Triều vương trước đều có dự trù xây lăng mỗi khi bắt đầu lên ngôi. Nay

Trẫm, hay đau ốm, phải lo trước hậu sự. Triều thần, nhiều lần nhắc nhở việc ấy, nhưng Trẫm chưa nhứt định. Thử coi 19 năm ngồi trên ngôi, trong cung điện, các vườn Ngự-uyển Trẫm không lo sửa sang nơi nào cả, quý hồ ăn ở được thời thời. Thậm chí trong cung nội có nhiều chỗ dột nát, Trẫm cũng không thêm cho sửa chữa.

### GIẶC CHÀY VÔI

Vì một nỗi, Trẫm sợ hao phí tiền của và lo sợ dân quân khổ cực.

Nói cho đúng, theo tục lệ xưa nay, bao giờ cũng vừa xây lăng và điện thờ. Song Trẫm cho làm chung một lần, kéo hao tốn. Nếu xây lăng, thỉnh linh Trẫm băng hà, Triều thần, theo lẽ luật phải xây thêm điện thờ. Cho nên, Khiêm Lăng, tiếng nói rằng mới, kỳ thật, chỉ có 2 điện trước và sau.

Tại sao công việc kéo dài ra? Vì thiếu tài liệu vật liệu và gió to nước lớn, lụt bão, chớ Trẫm mong muốn công việc xây cất được nhẹ công bớt của, cho đỡ khổ dân quân. . . »

(Khởi công xây cất Khiêm Lăng tháng 9, Tự-Đức thứ 17 đến tháng 8, Tự-Đức thứ 20 — 3 năm — 1864 — 1867 dương lịch).

Đây, chúng ta hãy nghe thêm nhà vua nói tiếp : « . . . Phàm những kẻ có tai để nghe, mắt để thấy, chắc thấy rõ lòng chân thành thương dân thương nước của Trẫm. Nếu có lỗi hay không, thì sao che đậy được.

Còn những kẻ có bốn phận đứng trông nom công việc xây

cất, tốt xấu thế nào, quả thật Trẫm không được rõ, và cũng chẳng ai tâu cho Trẫm hay biết. »

Đó, nhà vua đã tự thú nhận không hề hay biết những người dưới tay mình tốt xấu thế nào, làm khổ dân cách nào, trong khi xây cất Khiêm Lăng.

Thảo nào, công việc xây cất Khiêm Lăng làm khổ cực dân chúng, nhà vua không thấu rõ thì làm gì nhà vua lại triệt thâu những thời cuộc quốc-tế ?

Bởi thế, quân Pháp và quân Y Pha Nho đem binh chiếm lần đất đai, nhà vua vẫn chưa chịu thôi việc giết đạo.

Trung-Úy Gosselin đã phê bình vua Tự-Đức, mấy lời như sau : « . . . Vua này (vua Tự-Đức) cơ hồ như bị giam lỏng trong cung cấm, chỉ được phép tiếp xúc với Hoàng thân và vài quan đại thần. Còn khi ra khỏi cung điện — đi săn bắn chẳng hạn — đi tế Nam-Giao, hoặc đi thăm lăng-tẩm của Tiên-vương, hay đi tuần du, nhà vua đi tới đâu, già cả lớn bé, dân chúng đều phải trốn tránh, các quan đều cúi mọp, cúi mặt, không dám nhòm lên.

Vua như thế, làm gì có thể

chống lại chúng ta? Nhà vua chỉ nghe thấy nhớ ở Cơ Mật Viện»

(« *Việt-Nam trên đường suy vong* » của Bùi quang Tùng)

**CÁI CHẾT KHẢ NGHI...**

Cần lập lại một lần nữa, Hồng-Bảo là con trưởng vua Thiệu-Trị, lẽ tự nhiên, theo luật nước xưa nay, được lên ngôi báu, sau khi vua cha mất.

Ấy thế mà, sau khi vua Thiệu-Trị mất, Hồng-Nhậm — con bà Từ-Dũ — con thứ được lên ngôi, xưng hiệu là Tự-Đức.

Sau khi vua Tự-Đức lên ngôi, một điều thắc mắc nhất là Trương - Đàng - Quế được trọng dụng và được phong chức tước cao nhất Triều.

Điều đó có thể cho mọi người có quyền ngờ vực rằng dư luận cho rằng, Trương-Đàng-Quế thông dâm bà Từ-Dũ là đúng được phần nào.

Cũng như đời nhà Trần, Trần Canh lấy bà Lý - Chiêu-Hoàng đó vậy.

Ông Bùi-quang-Tùng (*Trăm Thương*) nhìn nhận Hồng-Bảo là người hay chữ nhất, hơn Hồng-Nhậm (Tự-Đức), mà lại

có óc tân tiến hơn.

Đúng như thế, sử chép, 2 ông Hoàng này đều là học trò của Trương - An quân công (TUƠNG - AN) là con vua Minh-Mạng và chú của hai ông này).

Theo « *Trăm Thương* » của Bùi-quang-Tùng, Hồng - Bảo học giỏi, thức thời, giao du rộng rãi, thân thiện với các thương gia ngoại quốc, hoặc Hoa-kiều, Pháp, Y-pha-nho và Bồ-đào-nha... thường lui tới mua bán ở Huế và Đà-Nẵng.

Nhận thấy như thế, nên các Triều-thần lo sợ, mai kia, Hồng Bảo lên ngôi sẽ theo Tây mắt?

Hơn nữa, lúc này, các quan Triều thần vẫn giữ lập trường bài ngoại, thiết lòng tả đạo, nên mới có việc loại Hồng-Bảo?

Hồng-Bảo cảm thấy bị truat phế là do Trương-Đàng-Quế, nên đã cùng Tôn-thất-Bật thành lập hội kín, cùng nhau mưu đồ đại sự. Cho người bí mật sang Xiêm và Cao - Miên xin viện binh, nhưng nửa chừng bị bại lộ.

Các người chủ mưu đều bị

đem ra xử cả.

Theo bản án, An-Phong-Công trở thành thứ dân, không thuộc Hoàng-gia, phải mang họ mẹ là Đinh tộc và bị xử tử.

Nghi tình huynh-đệ, vua Tự-Đức tha chết, nhưng An-Phong-Công bị cấm cố.

Giả thuyết khác nói rằng Hồng-Bảo thất cố tự tử. Thiết là một cái chết khó hiểu.

Người ta không thể dễ quyết, Hồng-Bảo tự sát được. Mà chắc chắn Trương-Đàng-Quế và phe đảng ông này ra lệnh bí mật giết Hồng - Bảo, hoặc nhà vua nghe lời siểm nịnh giết Hồng-Bảo.

(*Hoài Cổ Ngâm của Bửu-Cầm*, trang 12).

Bởi vậy mọi người đều không có quyền phủ nhận công cuộc âm mưu lật đổ ngai vàng Tự-Đức của Hồng-Bảo là:

a) Hồng-Bảo muốn tranh ngai vàng của em là Hồng-Nhậm. Vì lúc này ông đang tức bực cả một chế-độ Triều thần siểm nịnh đang nằm trong tay Trương-Đàng-Quế.

b) Hồng Bảo thường thổ-lộ, muốn làm vua một ngày, để xử-tử Trương-Đàng Quế cho hả dạ.

Xem sự căm hờn của Hồng-Bảo như thế, người ta dễ quyết việc loại Hồng Bảo là do Trương-Đàng-Quế.

c) Hồng Bảo âm-mưu lật-đổ Tự-Đức và sau này vụ Đoàn-Trung đã nói lên cả sự vụng-về của vua Tự-Đức trong việc trị nước.

d) — Nếu vua Tự-Đức quả thật em vua Thiệu-Trị, em Hồng Bảo, thì dù sao, Hồng-Nhậm vẫn còn chút tình máu mủ thương anh mình?

e) — Tại sao Hồng-Nhậm lại không cho anh mình một chức tước trong Triều. Và, sau khi bị xử-tử, tha chết, giam lỏng, lại để cho Hồng-Bảo chết trong ngục?

Đó là những điều đáng nói, để minh-xác cái chết khả-nghi của Hồng-Bảo và trình-bày lại cả chế-độ bất công của triều-đình Tự-Đức.

**TRƯƠNG - ĐÀNG - QUẾ và TỰ-ĐỨC là hai anh em ruột?**

Theo sách sử và những lời truyền khẩu, vua Tự-Đức là con Trương-Đàng-Quế thông-

dâm bà Từ-Dũ.

Có người cho rằng vua Thiệu Trị có 60 người con — cả trai lẫn gái — ít tuần du, thì việc thông-dâm nói trên, e không có.

Người khác lý-luận rằng, đã có tình thông-dâm, mặc dầu nhà vua không ra khỏi cung-điện, bà Từ-Dũ vẫn thi-hành được dễ-dàng, mỗi khi Trương-Đặng Quế tự-do ra vào cung cấm.

Có kẻ lại nói rằng, Trương-Đặng-Quế và Hồng-Nhậm là hai anh em ruột, vì 4 câu thơ như sau :

— Câu chuyện như thế này, vua Tự-Đức trong yến-tiệc vui vầy với Triều thần tại vườn ngự uyển, khi ngài nhai miếng thịt, răng cắn phải lưỡi, nên ngài sinh các Triều thần, lấy đề tài — răng cắn lưỡi — làm thơ.

Trương-Đặng-Quế làm 4 câu thơ như :

*Ngã sinh vi tiền cánh vị huynh,  
Nhữ sinh vi hậu cánh nan huynh.*

*Tùng cam vị khởi đồng quân tử,  
Hà nhân tương đồng cốt nhục-tình.*

Tạm dịch :

Ta đẻ trước, ta là anh.

*Chú đẻ sau, sao chú làm anh được ?*

*Miếng ngon bùi ngọt cùng nhau chia mới phải.*

*Hà có sao lại cắn lẫn nhau đó mà ?*

Theo ông dư-luận kia thì răng và lưỡi là anh em, là ám chỉ Trương-đặng-Quế và Tự-Đức là anh em ruột đó.

Ghi lại đây để độc-giả phán xét, thực hư thế nào, còn đợi các sử gia trả lời.

Nhưng, theo thiên-ý chúng tôi, 4 câu thơ kia, có thể không phải của Trương-đặng-Quế, mà là của một vị đại thần khác, sau khi đau đớn cảm thương cái chết của Hồng-Bảo, có ý mượn thơ, để nói lên những lời trách móc nhà vua không biết thương anh mình ?

### CAO-BÁ-QUÁT

Sử còn ghi lại, Cao-bá-Quát là một văn-nhân tài ba lỗi lạc trong thời, chỉ làm tới chức Hành-Tầu bộ Lễ, thì đủ rõ phương pháp tuyển lựa nhân tài ra giúp nước của triều Tự-Đức là thất sách.

Tại cửa nội, vua Tự-Đức có

cho dán 2 câu đối như sau đây do Vua đặt ra :

*Thần khả báo quân ân.*

*Từ năng thừa phụ nghiệp.*

Nhìn thấy, ông Cao-bá-Quát liền lấy bút ra viết dưới 2 câu đối đó, mấy hàng chữ : « Luân thường đảo ngược ». Như thế, theo thiên kiến chúng tôi nghĩ rằng, ông Cao-bá-Quát muốn ám chỉ cái chết oan uổng của Hồng-Bảo hay muốn nói, em lại được làm vua, anh bị loại, là luân thường đảo ngược ?

Ông Cao-bá-Quát lại sửa 2 vế ấy là :

*Quân ân thần khả báo*

*Phụ nghiệp từ năng thừa.*

Bảo rằng vua Tự-Đức hay chữ hay thơ, khi làm ra không ai có thể sửa chữa được. Chó thơ của nhà vua lại bị Cao-bá-Quát sửa, thì hẳn nhà vua chưa toàn hay chữ vậy.

Vì những cái «ngổ» của Cao bá Quát, nên vua Tự-Đức đem ra «trù» ông mãi, để sau này, Cao-bá-Quát đứng lên phất cờ khởi nghĩa, chống nhà vua.

Dưới triều Tự-Đức, khắp nước đều có giặc già nổi lên và

giữa kinh thành, Đoàn-Trung lại dấy binh công hãm thành nội, xô ngã Tự-Đức, phò ỨNG-ĐẠO lên ngôi, cho phù hợp tình thế mới.

ỨNG-ĐẠO về sau bị bắt buộc đổi mẫu tách là ĐÌNH-ĐẠO, làm cho chúng ta sực nhớ tới BỬU-ĐÌNH cũng phải thay họ là TẠ-ĐÌNH.

### TƯƠNG - AN Quận Vương khóc nhớ HỒNG BẢO

Như đã nói ở đoạn trước, từ Gia long xuống Tự-Đức, mới có 4 đời, vua Tự-Đức đã viết lại nhiều trang sử đen tối nhưt.

Trong nước, khắp nơi, đều có giặc nổi lên chống nhà vua. Bên ngoài, giặc Pháp và Y-Pha-Nho đem binh vào đánh chiếm lần đất đai.

Theo Bửu Cầm (một người Hoàng tộc), trong bài tựa « Hoài Cổ Ngâm » do ông chú thích, trang 4, có đoạn : « ... Hồng Bảo, học trò Tương An quận vương. Tương An quận vương húy là Miên Bửu, tự Duy Thiện, hiệu Khiêm Trai, thụ Cung Nghi, con thứ 12

vua Minh Mạng, mẹ là Hồ-An-Tân, người huyện Gio-Linh, tỉnh Quảng Trị (Trung Việt).

Quận Vương sanh ngày 19 tháng 4 Minh Mạng nguyên niên (1820 dương lịch) là chú và thầy học của Hồng Bảo... Chú cháu và thầy trò. Trương An coi Hồng Bảo là người bạn tương tri, đồng quan niệm xã hội mới. Khi Hồng Bảo bị hại, Trương An vô hạn đau thương, nguyện chết theo bạn theo cháu, để khỏi trông thấy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái.. »

Ông Bửu Cầm đã nói « *Khi Hồng-Bảo bị bắt...* », cũng đủ cho ta thấy rõ, việc âm mưu loại Hồng Bảo, và giết ông là do Trương Đăng Quế và Tự-Đức?

Nhưng, theo Bửu Kế (tạp chí Đại Học số 6 và 10) nói, vua Tự-Đức tha chết Hồng-Bảo, là rộng lượng. Hai ông Bửu Cầm và Bửu Kế đều là người Hoàng tộc, nhưng nói tới cái chết của Hồng Bảo thì Bửu Cầm khách quan. Còn Bửu Kế lại chủ quan.

Ung-Đạo mang họ mẹ là Đinh-Đạo, về sau, bị giết

và nhà vua cho lùg bắt người con Đinh-Đạo tại nhà ông Phò-Mã Nguyễn-Đình-Tứ.

Không giết Thế-Cúc (vợ Đoàn-Trung, con gái Tùng-Thiện-Vương), thì nhà vua vẫn chưa hẳn rộng lượng.

Có phải nhà vua, hay phe Trương-Đăng-Quế với bà Từ-Dũ, theo thiện ý chúng tôi, muốn bứng tận gốc dòng giống Hồng Bảo một cách khéo-léo, kéo sau này, sanh ra nhiều hậu hoạn làm mất ngôi báu của mình đó chăng?

Tập *Hoài-Cổ-ngâm* của Trương An, trang 5 có những câu thơ :

*Cơ chi có đá ba sinh,  
Dập sâu lấp thẳm cho đành dạ nhau.  
Mở quyển vàng trước sau gấm-ghe,  
Chanh ngàn xưa nhớ kẻ tri-âm.  
Xiết than, khóc tử buồn thẳm.*

Tiếng tiêu Ngũ Tứ khúc  
cầm Ung môn  
(TUƠNG-AN QUẬN-VƯƠNG)

Bửu-Cầm bình. — Rồi cứ theo giọng của kẻ bắt đắc chí ấy, tác giả lần lượt dẫn ra những điển tích về các bậc trung lương xưa, vì bị hạnh thần đồ kỵ phải chịu tội tình oan. Có lẽ lúc đó, vua Tự-

Đức đã sơ viển Trương-An, như Sở-Hoài-Vương từ bỏ Khuất Nguyên, khi người bị đại phu Cận-Thượng dèm pha...

Bửu-Cầm tiếp theo : «... Trương-An thương nhớ Hồng-Bảo chết oan. Để thương nhớ, Vương đã làm ra tập *Hoài-Cổ-Ngâm*, cho ta nhớ tới câu chuyện Bá Nha đoạn tuyệt đường tơ, khi nghe Chung-Tử-Kỳ đã thành người thiên cổ. Cao-Tiệm-Ly ôm cây đàn trúc sang đất Tần, để mong rửa hờn cho liệt sĩ Kinh Kha... » (Hoài-Cổ-Ngâm trang 6, 7).

Bửu-Cầm khi ghi lại cái chết oan của Hồng-Bảo, đã nói lên cả chánh sách độc tài của một triều đại, với một khách quan hoàn toàn khác hẳn Bửu-Kế.

### HỒNG-BẢO SỬA SOẠN SANG SINGAPORE ĐỂ CẦU VIỆN NGƯỜI ANH

Xét ra, Hồng-Bảo cảm tức không được lên ngôi thì ít, nhưng tức giận cả một chế độ bất công đang để cho Trương-Đăng-Quế lộng quyền thì nhiều.

Trong một lá thư riêng gửi cho giáo sĩ PELLERIN, Hồng-Bảo cam kết, khi lên ngôi, sẽ ngưng hẳn việc cấm đạo.

Chúng tôi xin nói, đó là một việc thức thời của Hồng-Bảo.

Cuối giềng người bắt được Hồng-Bảo đang dự-bị xuất-ngoại, qua Tân-Gia-Ba cầu người Anh viện-trợ.

Một chiếc tàu cập bến đợi đưa ông sang tàu lớn, để xuất-ngoại. Trong chiếc tàu này có khí-giói, lương-thực. Nhưng, việc này bị bại-lộ, Hồng-Bảo toan tự-tử.

Vua Tự-Đức đã tha Hồng-Bảo và hứa sẽ bao bọc anh toàn vẹn, thì tại sao lại để anh chết trong ngục?

Theo lá thư của Galy đề ngày 15-1-1852, tạp chí *Les annales de la propagation de la foi*, bộ XXV, 1853 những trang 35, 38 nói rằng : «... Hồng-Bảo không cố ý dành ngôi em. Nhưng, lại muốn được làm vua một ngày, để giết Trương-Đăng-Quế cho hả dạ... »

Nếu đúng như thế, Hồng-Bảo đã căm-tức cả một chế-độ lỗi-thời rồi.

Giáo-sĩ Pellerin, trong một bức thư viết năm 1854 (*Les an-*

nales de la propagation de la foi, bộ XXVIII, năm 1856, những trang 114—117, cho một vài chi tiết: «... ông Hồng-Bảo bị kêu án tử hình, tuy được nhà vua tha nhưng bị tống giam. Ông Hồng-Bảo không chịu nổi, bèn xé mùng ra thắt cổ chết. Nhà vua cho chôn cất không có nghi lễ, Thi hài ông bỏ trong quan-tài đơn-sơ và hạ xuống một cái huyệt tầm-thường, lấy đá và đất đắp lại. Theo tục lệ xứ này, mai táng cách ấy là sỉ-nhục người chết.»

Nhà vua sợ lòng dân hoang-mang, giả nhân giả nghĩa tha anh, nhưng rồi anh lại bị giết oan. Tại sao Đinh Đạo lại bị giết và cả nhà bị xử tử?

Tại sao Đoàn-Trung, chủ-động trong việc lật ngai vàng, mà vợ lại không bị giết, để rồi về sau bà phải tự-tử?

Tuy rằng, bản án do Hội-đồng nhiếp-chánh xử. Nhưng nhà vua có quyền can-thiệp tha cho Đinh-Đạo và cả gia đình cháu mình, mới gọi là rộng lượng.

Tại sao nhà vua lại làm ngơ, để cháu và gia đình phải bị tử

hình một cách thương tâm?

Đưa con của Ưng-Đạo còn nhỏ dại, biết gì lại bị bắt, nên quan đại thần Trần-tiền-Thành phải bị giáng chức.

«... il fut rétrogradé d'un degré pour n'avoir pu en sa qualité de ministre de la guerre, découvrir l'enfant Đinh-Đạo...»

(Tiểu sử Trần-tiền-Thành do Đào-duy-Anh viết).

Bửu-Kế nói: «... vua Tự-Đức không phải một ông vua độc tài chuyên chế như người ta bảo, là phần đông công việc đều do đình thần quyết nghị. Còn nếu quả là một vị vua độc tài, tại sao khi bắt được giặc, thì chém đầu, hà tất phải thanh minh làm gì cho mệt...»

Ông Bửu-Kế nói như thế cũng phải, nhưng theo ý chúng tôi, vẫn chưa phải chút nào cả. Bởi chưng, dù mau dù chậm, thế nào Đoàn-Trung cũng phải lên đoạn đầu đài, thì việc đem Đoàn-Trung ra chém liền, khi bắt được, chưa nên làm vôi. e sợ công luận hoang mang, buộc nhà vua phải tự mình oan đó.

Qua những lời minh oan của vua Tự-Đức, người ta thấy rõ, nhà vua đã vụng về trong

việc giữ nước.

Hơn nữa, không phải chỉ một việc xây cất Khiêm-Lăng khổ cực, mà Đoàn-Trung mượn cớ, để khởi nghĩa chống nhà vua, mà cả một trang lịch sử đen tối nhất — đối nội và đối ngoại — khiến cho toàn dân đem lòng phẫn uất, để rồi khi Đoàn-Trung đứng lên, mọi người đều theo vậy.

Khi đem Đoàn-Trung ra hỏi cung, Trung nói rằng: «... vì nhận thấy Ưng-Đạo tướng mạo khôi ngô, nên phò lên ngôi, để nhờ hưởng lộc cả...»

Câu nói của Đoàn-Trung, nghe qua, rất chất phác, nhưng bao hàm một ý nghĩa lớn lao. Nghĩa là Đinh-Đạo còn khôi ngô hơn Hồng-Nhậm (Tự-Đức) còn khôn ngoan, còn thông minh, còn hiểu thời thế hơn Tự-Đức.

Vua chỉ ngồi trên ngai vàng, để xem râu só, các quan tha hồ

nói khoác lác, lập phe đảng bưng bít những điều ai oán của dân.

Khắp nơi trong nước đều có giặc giã nổi lên. Ở ngoài giặc Pháp và Y-pha-Nho nã súng chiếm lần đất đai.

Hỏi nhà vua như thế, làm sao không có Đoàn-Trung được?

Sống giữa thời ấy, nếu không có Đoàn-Trung, chúng tôi tin chắc, sẽ có Đoàn-Trung khác đứng lên khởi nghĩa vậy.

Thế nên, người ta thấy CAO-BÁ-QUÁT, một văn nhân lỗi lạc sanh ra không gặp thời may vận đỏ, làm nên sự nghiệp công ích lợi cho nước non nhà, thì đã rõ cái chế-độ Tự-Đức ra sao rồi.

Cứ xem mấy lời của nhà vua ở đoạn trước, phê vào só tướng Hoàng-kế-Viêm gửi về xin binh tiếp viện, đủ rõ quan-niệm vị kỷ của nhà vua chỉ lo cho «mẹ con Trẫm».



★ TÍNH KHIÊM NHƯỜNG

Nhà văn-hào Pháp Henry de Montherlant nói:

— Tính khiêm-nhường đáng khen thật, nhưng nó chỉ là một tính tốt, chứ không phải là một sức mạnh.

(La modestie est une vertu, ce n'est pas une force).

Con

chim sẻ

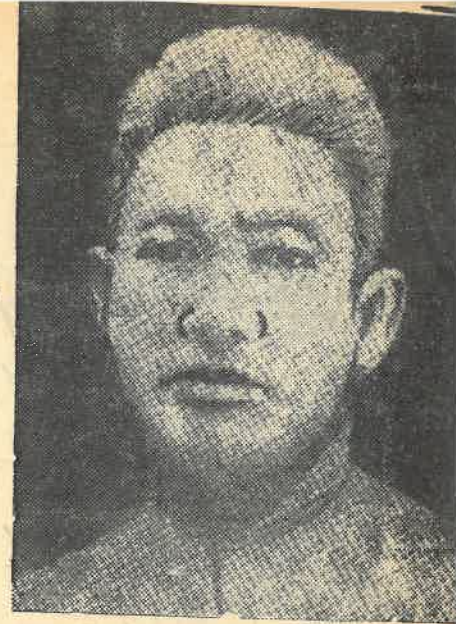
Nó bắt đầu  
sống đời bơ vơ  
lặng lẽ  
Nó bay từ núi đồng  
qua sông bé  
Thu đi  
rời thu về  
Thu đi  
rời thu về  
Ngày nó nghe  
lá vàng kể lễ  
Đêm  
tiếng than đùn dề  
Nó từ chối  
Nó hoadi nghi  
mọi cuộc sống tập thể  
Nó THƯỜNG  
cuộc sống lẻ thê  
YÊU  
những ngày buồn tẻ  
Rời một ngày kia  
(nó không ngờ như thế)  
khi nó qua một quãng rừng  
một quãng rừng vắng vẻ

Nó gặp  
Lão Điều Hầu  
(mà nó cho là Chúa Tể...)  
Nó run sợ  
nhìn những nanh vuốt khoé  
(những khi giới sát sinh thật dễ)  
Nó tỉnh thoát thân  
Nhưng  
Lão thật lạ  
Vờ được ngay lấy nó  
mà cầu xé  
mà cầu xé  
mà cầu xé  
(tuy miếng mồi quá bé)  
Nó quần quai  
trong xơ xác máu me  
trong chiếc mồm ngạo nghệ  
Nhưng nó chột hiếu  
Nó kêu thật khê  
(tiếng cuối cùng):

— Mẹ!

NGUYỄN ĐÌNH GIANG  
(DALAT)

TẢN  
ĐÀ



Nguyễn-khắc-Hiếu (1)

★ Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-CỔN  
(Paris)

**L**ÀN đầu tiên ở Pháp,  
ngoài các lớp học chuyên  
ngữ, người ta làm lễ truy-niệm  
nhà Thi-hào Nguyễn-khắc-Hiếu,  
chúng tỏ rằng « Hội Thân-thiện  
Pháp-Việt » vẫn tôn-kính các giá  
trị tinh-thần và học-thuật của  
hai nước chúng ta.

Nguyễn-khắc-Hiếu thuộc về  
Thi-phái nho-gia đã được cấu-tạo

ở Việt-nam trong hai-chục thế-kỷ  
Văn-học. Nhờ mười Thế - kỷ  
Độc lập (907 — 1884), Thi-phái  
Nho gia đã dần dần thoát-ly

(1) Thuyết-trình trong đêm Dạ  
hội kỷ-niệm Tản-Đà tại Đại-  
học xá Paris, do hội Amitié  
France-Viêt-nam tổ-chức.



ra khỏi ảnh-hưởng Trung-Hoa. Nó đã tự rèn luyện lấy một văn - chương riêng biệt, vững chãi, mặc dầu phải dùng các điển-tích, hình ảnh và lối hành-văn của các sách cổ-diễn Tàu, như quyển *Thi-Kinh* của *Khổng-Tử* chẳng hạn.

Xây dựng căn bản trên một gia-tài quốc gia dồi-dào phong-phú, và nhờ khả-năng sáng-tác truyền-thống của dân-tộc, Nho-phái đã ngự-trị trên Văn-đàn Việt-Nam cho đến khoảng năm

1920, và đã sản-xuất rất nhiều kiệt-tác.

Nguyễn-khắc-Hiếu, con một ông Ân-Sát, đã học chữ Nho thông-thạo dưới sự dạy-dỗ của người anh là Đốc-học Nguyễn-đài-Tích, nhưng ông thi rớt tại Nam-Định năm 1912. Đồng thời, Hán học bị bãi bỏ, thay thế bằng chữ « Quốc - Ngữ », và Nguyễn-khắc-Hiếu xoay sang nghề viết báo. Ông chủ-trương kể tiếp tạp-chí *Hữu-Thanh* và *An-nam tạp-chí* (1921 và 1931). Làm báo bị lỗ lã, Nguyễn-khắc-Hiếu chuyên về Văn-Thơ nhưng cảnh nghèo túng đã ảnh-hưởng rất nhiều vào sự-nghiệp của ông. Tính khí-khái, ông ít giao-thiệp với người đời và sống trong cô-độc của nghèo-nàn và những ảo-mộng.

Cho nên THƠ CỦA NGUYỄN KHẮC HIẾU HOÀN - TOÀN LÀ THƠ NỘI TÂM, lồng trong những hình-ảnh trừu-tượng, còn cảnh ngoại giới đối với ông chỉ làm khung cảnh cho sự phát-triển tâm tình và trí-óc của Thi-sĩ mà thôi.

Trong cảnh cô-độc, Nguyễn-khắc-Hiếu còn làm quen với một thế-giới khác, thế-giới say. Ông

cũng muốn như Lý-thái-Bạch làm bạn với bầu rượu túi thơ, và do đó nảy ra đôi phần ngông-nghênh nữa.

Chúng ta có thể toát ra vài trạng-thái của cá-tính Tản-Đà, và tìm ra các nguồn thi-hứng của Thi-sĩ:

a) NGUYỄN-KHẮC-HIỆU  
NHÀ THƠ HOÀI CẢM :

Cũng như các nhà thơ danh nho ở thời đại ấy, ông nhớ tiếc dĩ-vãng, lịch sử độc lập quốc gia, trong những bài « *Bức dư đồ rách* » « *Con Tàu Việt-Nam* » « *Thề non nước* ».

« *Nước non nặng một lời thề,  
Nước đi đi mãi không về cùng non* »

b) NGUYỄN-KHẮC-HIỆU  
NHÀ THƠ SAY :

Ta nhận xét một cách lý thú rằng trong những thơ say của TẢN ĐÀ, người đã hoàn-toàn cảm hứng theo thi-vị thần tiên mà quên cái « hình phè du » trên trần giới :

« *Rượu thơ mình lại với mình  
Khi say quên cả cái hình phè-du,  
Trăm năm thơ túi rượu vò,  
Nghìn năm thi-sĩ tửu-đồ là ai ?* »

c) NGUYỄN-KHẮC-HIỆU,  
NHÀ THƠ ÁI TÌNH

Ái tình của Tản-Đà chỉ là một ái tình riêng biệt của ông với những tình nhân không quen biết, những người đẹp của thời xa xưa như Chiêu-Quân và Tây-Thi, hoặc những bóng dáng thướt tha của một cô hàng bán rau, một cô gái hái lá dâu trên một bờ sông, v.v

« *Bình bông mặt nước chân mây  
Đêm đêm sương tuyết, ngày  
ngày nắng mưa  
Ấy ai bến đợi sông chờ  
Tình kia sao khéo hững hờ với  
duyên* »

Cho đến những ngày tàn, thơ của Tản-Đà vẫn được truyền tụng trong dân-chúng. Lý do là thơ ấy đầy màu sắc và hình-ảnh. Lời thơ giản-dị, tự-nhiên, thích hợp với trí tưởng tượng văn-hóa của dân tộc.

Năm 1940, Tản-Đà từ biệt cõi trần, không tiếc, không hận. Tuy bị ám ảnh bởi cuộc đời ngắn-ngủi, mọi vật vô thường và kiếp người đau khổ. Nguyễn-khắc-Hiếu vẫn đem hết thân-thể của mình mà dâng lên xứ sở.

(TẢN-PHONG lược dịch)



Thơ PHAN-KHÔI

Chơi Thuyền  
sông Tân-Bình



Lời người chép lại. — Bài này, Thầy  
tôi làm năm 1930, nhân một hôm buồn  
bực đi chơi với người bạn trên con  
sông « Tân Bình » thuộc vùng Cà mau.

PHAN THỊ MỸ-KHANH

Eo đất vất rừng già ra nước,  
Thành con sông xanh biếc dài ghê !  
Khí ho cò gáy tư bề,  
Ta đem thân đến chốn này làm chi ?  
Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải,  
Bước gang hồ bước mãi chưa thôi.  
Mảnh thân còn chơi với đời,  
Hiềm nghèo là bạn chơi với là nhà.  
Cảnh hieu-quạnh, có ta có chủ,  
Bằng không ta chẳng phụ Hóa-công.

Vẽ ra cái cảnh lạ lùng,  
Làm cho cộp biển cá đồng hay  
sao ?  
Xuồng ba lá đầu nào chàng Thồ,  
Rượu để mang theo mỗ lưng bầu.  
Mùi chàng trước, lái ta sau  
Mái chèo khoan nhặt con trào  
ngược xuôi,  
Bóng chèo nhuộm lau mùi vàng  
úa,  
Khói, nước, trăng, mây bủa lưng  
chừng.  
Vạch lau, rẽ khói tung tăng,  
Trên trời dưới nước bên rừng  
giữa ta.  
Ló túp lá xà xà trong ngút,  
Chợt thuyền con vùn vụt ngang  
giòng,  
Nguồn đào có phải đây không ?  
Vầng Lương - sơn phảng phất  
cùng là đây.  
Vầng ác lặn, chòm cây đen sẫm,  
Vào càng sâu càng lẫm vè u  
Rặng dừa lướt gió vi vu,  
Chim về ò thốt, vượn ru con  
chuyền,  
Bồng cái sạt, mái thuyền hùm vọt,  
Sáng lập lòe ngọn đuốc ma trời,  
Ó vùng dậy, khi reo cưỡi,  
Trăm yêu ngàn quái nhè người  
mà trêu.  
Sạt dăng mũi, mái chèo toan đánh  
Lái phất ngang, đường tránh con  
nàn,  
Ủy kìa, rần hồ phùng mang,  
Vượt sóng, rẽ sóng băng ngàn như  
tên.

Vút đáy nước tròng lên cây trụ,  
Hắn đây rồi cá sấu quách đuôi.  
Trăm cái sợ cướp cái vui,  
Tới đành chẳng tiện muốn lừ  
chỉn khôn.  
Sờn tóc gáy, bồng chồn tắc dạ,  
Vững tay chèo nấn ná hồi lâu.  
Vầng trăng như hẹn hò nhau,  
Trời lên mặt biển dọi vào găm  
hang,  
Gợn nát bóng, cá vàng dợn nước.  
Lá lật sương, chim bạc đeo cành.  
Xa trông rừng thắt khung xanh,  
Sóng phoi giải lụa trắng tinh một  
màu.  
Rỏ muôn tượng như chào lại  
khách,  
Lặng một chiều, đường trách lấy  
nhau.  
Cảnh sao biển đổi quá mau,  
Rõ hai thế giới trước sau nửa  
giờ.  
Cảnh đổi cảnh những ngờ mộng,  
mị.  
Họac là do tâm lý mà ra,  
Tâm u bước đã quá xa,  
Canh khuya trăng lặng liệu mà  
về đi.  
Xoàng hơi cúc khi khi cười mãi  
.....  
Người như rõ biết ý ta,  
Thì nâng chén rượu mà ca khúc  
này.

PHAN KHÔI

(Tiếp theo kỳ trước)

## TÌM EM

**B**ỐN năm sau, giữa một mùa thu gió nhẹ nhẹ thổi Gustave già nhà lên Ba-lê để tiếp-tục cuộc học văn. Chân ướt chân ráo nơi kinh-thành, cậu trai 19 ấy đã nghe theo tiếng gọi của tình yêu, đến phố nàng ở để mong tìm lại một bóng hình xa-xôi.

Ngang cửa kính nơi hiệu tạp hóa đường Ri-so-li-ơ, Gustave nghe thấy quả tim đập rộn-ràng, chàng tưởng-tượng bóng người thon thôn của Elisa đang đứng trong hiệu. Chàng cúi xuống vờ cột lại giày giầy, mắt liếc nhanh vào tiệm. Nhưng đau đớn làm sao, qua đám người rộn-rịp, Gustave không sao tìm thấy hình ảnh của người yêu.

Vài ngày sau, trong một rạp hát, chàng thanh-niên si-tình thoáng thấy bóng Maurice Schlesinger. Chàng liền nom theo, nhưng tìm chàng bỗng se lại : một băng đen — biểu hiệu sự tang-tóc, đã được Maurice cung-kính mang trên tay và

## NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY-MÊ, ÊM-ĐẸP CỦA VĂN - NGHỆ - SĨ X U A - N A Y

### M ó i - t ì n h t u y ệ t - v ọ n g CỦA



VĂN-HÀO  
G. FLAUBERT

★ TRÚC-VIỆT

VĂN HÀO G. FLAUBERT

suốt đêm hát, chàng không thấy Elisa đâu cả.

Như vậy, phải chăng là Elisa đã chết, một cái chết mà chàng không được hay biết ?

Thế là suốt những ngày hôm sau, Gustave cứ lang thang khắp hè phố, lòng mang nặng một niềm tang khôn tả.

Nhiều lúc nhìn nước sông Seine cuộn cuộn chảy, chàng đã muốn trảm mình để mong rửa sạch bụi trần duyên, để theo người chàng yêu qua bên kia thế-giới, nhưng rồi chàng lại thôi.

Ngồi xuống một chiếc ghế đá, cạnh bờ sông, chàng bờ-phờ suốt đêm, nhiều khi lệ tràn ướt cả đôi má thanh-xuân.

Sáng sớm hôm sau, lòng định-tĩnh hơn, Gustave mạnh-dạn bước vào hiệu Schlesinger gặp gã bán hàng, chàng trịnh-trọng hỏi :

— Xin lỗi ông nhé, ông có thể cho tôi biết ông Schlesinger mang tang từ bao giờ không ?

Gã bán hàng im lặng giây lát, rồi như chợt nhớ ra, mới đáp :

— Gần một năm rồi...

— Con bịnh có trầm trọng, dai dẳng không ?

— Đúng thế...

— Thời gian qua chắc ông ta cũng khuây khỏa nỗi lòng chứ ?

— Phải. Có gì linh-nghiệm hơn là liều thuốc của Thời-Gian ? Nó xóa mờ tất cả những gì thân yêu nhất, đau đớn nhất.

— Bà nhà có trời trần gì lại không ?

Gã bán hàng trở mắt nhìn Gustave :

— Ông hỏi lạ quá ! Bà ấy có chết đâu mà hồng trời với trần chứ ?

— Vậy chứ năm vừa qua, ai đã chết ?

— Như thế là ông làm to rồi. Băng tang mà ông chủ đã mang là để tang cho ông cụ thân-sinh của ông ấy...

Gustave không chờ gì hơn... Chàng cúi đầu chào gã bán hàng, bước ra ngoài, lòng thờ-thối, trong khi gã bán hàng rùn vai, lẩm bẩm :

— Mấy cha nghệ-sĩ quả thật là kỳ cục ! Người ta bảo họ sống ở một thế giới khác cũng là phải.

THẨM TÌNH TRONG ĐÊM TỐI

Vào tháng 10 năm 1843, Gustave cùng anh là Achille đi trên một cỗ xe ngựa từ cầu Andemer trở về nhà. Ngồi bên cạnh Gustave là ông cha hiền lành dễ mến.

Xe chạy ngon lành trên khoảng đường trống, gió mát thổi hây hây. Ngồi trên xe hai anh em Flaubert không trao đổi nhau một lời nói nào. Đúng ra kể từ vài tuần nay Flaubert đã tỏ ra âu sầu, biếng ăn biếng nói.

Bỗng nhiên, trong cái im lặng của đêm khuya, vang lên tiếng lạch ngựa rồn rảng, tiếng vó câu gập ghềnh, tiếng bánh xe nghiền sỏi. Lâu lâu, lại có tiếng hò hét của anh phu xe để cho ngựa phi nhanh hơn. Đoàn xe vượt ngang cỗ xe của Flaubert rồi khuất dần.

Flaubert chợt rú lên một tiếng rồi lịm dần giữa sự kinh ngạc của cha và anh. Achille lật đật gõ cương ngựa lại, rút dao ra cắt một nhát thật mạnh vào tay Gustave. Một giòng máu bầm từ

vết thương chảy ra và Gustave lần lần hồi tỉnh. Năm ấy Gustave vừa được hai mươi hai tuổi và lần đầu tiên, cậu đã bị trúng phong. Giây thần kinh sớm bị căng thẳng đến tột độ vì một mối tình lãng mạn và vô vọng đã đến lúc hao mòn.

Rồi sau đó, chứng kinh phong lại tái phát nhiều lần khiến Gustave phải bỏ sự học nhiều tháng trời để tịnh dưỡng.

Năm trên giường bệnh, lần tay tỉnh lại, thì đã tám năm qua rồi kể từ buổi mai chàng gặp nàng trên bãi biển Trouville. Suốt tám năm ấy, nào chàng đã thu được kết quả gì trong con đường tình ái khúc khuỷu? Thế mà chàng vẫn yêu, yêu một cách vô vọng để rồi phải ngày đêm sống đau khổ âm-thầm; thảo nào cân não của chàng không phát sinh bệnh cho được?

Nhiều phen, chàng cố xua đuổi ám ảnh, nhưng chàng vẫn không thành công. Chàng đã định thay thế hình ảnh xưa bằng

những ảnh hình mới, song le, tìm ai khác một chữ tình, thì tìm chàng cũng một chữ tình khác theo. Càng ngày càng sâu đậm, chàng cố tìm một vài nguồn an-ủi, nhưng thất vọng vẫn là thất vọng.

Mãi cho đến khi bình kinh phong phát lên dữ dội, bất ngờ,

trong thâm tâm của chàng trẻ ấy mới xuất hiện một vài thay đổi. Biết là chàng đã lỡ lầm, Gustave định rời hẳn tháp ngà để trở về với thực-tế. Chàng cố đẩy lui tình xưa vào dĩ vãng, không mơ tưởng đến nó nữa, nhưng dù chàng cố tâm cách mấy, quả tim chàng vẫn còn rỉ máu đôi giòng.

MỘT MỐI TÌNH VÔ VỊ

Ba năm sau, nhân khi viếng thăm một người bạn làm nghề điêu khắc. Gustave tưởng đã gặp được một người bạn lòng mới. Với Louise Colet, chàng đã sống êm đềm suốt mấy năm trời.

Lúc đầu cuộc tình duyên giữa Gustave và Louise cũng thomộng lắm. Nhưng lần lần, các sự bất đồng-ý kiến xuất hiện và đôi uyên-ương này đã phải nhiều phen trải qua sóng gió ba đào. Họ quen nhau vào năm 1846 để rồi chín năm sau (1855) họ xa nhau, sau một cơn cãi vã. Gustave đã chán hẳn những tính quá lỗ của cô nhân tình khá đẹp kia.

Thật ra, trước khi gặp Gustave, Louise cũng tập-tính bước vào làng văn, nài được nhiều người chú ý không phải nhờ văn nài dệt gấm thêu hoa mà vì thời ấy ở Pháp rất hiếm nữ-sĩ. Rồi nài lại dạy sang làm chính-trị, một loại chính-trị trở cờ theo lối đàn bà. Lúc phục-hưng để quyền, nài ra mặt bênh vực để chế rất hăng hái cũng như sau đó, nài lại quay bút-bình vực nhiệt-liệt chế-độ cộng-hòa. Lúc Nã-phá-Luân đệ tam thành-công sau cuộc đảo-chính, nài cũng là một kẻ bênh-vực chế-độ ấy để rồi sau khi Nã-phá-Luân bị lật đổ, nài không ngượng mồm mặt sát kẻ đã rơi

khỏi vũ đài chính-trị.

Louise còn quá quắc hơn, nhút nhát là khi bị địch-thủ dùng ngòi hút chế diễu nàng. Một hôm nàng rút dao ra định tìm địch thủ để rửa vết hận máu. Dù nàng không đâm trúng kẻ thù, nhưng mưu định bất thành ấy đã gây ra một phẳng-ứng mãnh-liệt.

Riêng Gustave Flaubert, nếu chàng không thoả mãn vì tính tình hung hăng của cô nhân tình ấy, chàng cũng phải nhận ra trên phương diện xác thịt, chàng đã tìm được một vài an ủi. Có lúc chàng ngỡ rằng tâm hồn chàng đã được giải phóng sau bao năm đau khổ nào nề.

Nhưng, nếu xác thịt chàng lảng xuống thì trí óc của chàng lại thêm đau khổ. Vốn giàu tưởng tượng, nên nàng dễ đâm ra ghen tuông. Và mỗi lần nàng nổi ghen lên là nhất định cả hai có cãi nhau, Louise lại

càng quá lắm vì nhiều lúc nàng ghen cả bóng người xưa.

Nhiều lần chàng phải thanh minh với nàng là : vết thương lòng xưa không còn rỉ máu nữa, là câu chuyện tình cũ chỉ là một câu chuyện tình của một chàng thanh niên 15 tuổi, mà chàng thanh niên ấy dường như đã chết rồi. Chàng giờ đây như một người khác nhiều khi có quay lại nhìn về quá khứ cũng là để nhìn một Gustave kia đã chết lịm. Cuộc đời xưa cũ đã chết từ lúc chàng được hai mươi hai tuổi.

Những lời nói trên, chàng đã thú thực với nàng khi chàng mới gặp nàng. Còn gì rõ ràng hơn ? Năm hai mươi hai tuổi, chàng đã trót yêu, một mối tình yêu sâu xa, thắm thiết, một mối tình mà suốt đời chàng không sao tìm được một mối tình thứ hai.

.....  
**Bóng người bên nhà thờ La-Mã**  
 .....

Ngày thứ ba của tuần lễ chân bên thành La - Mã, sau thánh, năm 1851, Flaubert dừng một cuộc du - hành qua

suốt cả vùng cận đông. Sau bao ngày chung đụng với các nền văn-minh xa lạ và cổ-kính, óc tưởng tượng của Flaubert càng tăng thêm. Trước sự đổ nát điêu-tàn của thành Carthage, Flaubert đã cảm-xúc mạnh và sau đó quyền Salammbô đã ra đời, để tiểu-thuyết hóa mối tình sâu đậm của chàng đối với Elisa.

Buổi trưa ấy, Flaubert đã đi bộ hàng giờ trong thành La-mã thành kính, chàng để chân vào giáo đường SAINT - PAUL HORS - LESMURS, nơi thanh-tĩnh mà lòng chàng có thể cõi mở. Đây đó trong giáo đường đầy bóng người đang quỳ gối trước pho tượng Đức Mẹ tắm trong ánh-sáng màu tím.

Bỗng nhiên gần nơi chàng đang đứng, chàng bỗng thấy bóng một người đàn bà. Đó là một thiếu phụ mặc áo choàng đỏ với sợi tóc huyền buông xỏa ngang lưng. Mặt nàng tím trong ánh sáng màu tím và trán nàng một màu ngà ngà. Trước nàng là một người đàn bà khác mặc toàn đen, một bóng sẫm trong ánh chiều sắp tắt.

Rồi cả hai đứng lên, lặng-lẽ đi như hai bóng ma. Flaubert

cảm động trước dáng đi dịu-dàng của người đàn bà trẻ tuổi. Và trong một lúc mất tự-chủ, chàng dơ hai tay ra toan đón lấy nàng nhưng chàng bỗng trở mất. Nàng đã biến mất như hơi sương buổi sáng.

Flaubert từ từ ngồi xuống ghế và lòng khe hở lòng bóng ấy là ai ? Và ai mới có mãnh-lực khiến lý-trí của chàng bị mù, quáng đến nỗi chàng đã toan ôm nàng vào lòng ?

Phải chăng đó là một ảo-tưởng ? Một ảo-tưởng có hình-dáng quá rõ-rệt. Chàng nhớ rõ lúc ấy chàng còn thức và chân chàng vẫn còn bám vững trên mảnh đất này... Nếu chàng có thể chịu ảnh-hưởng uy nghiêm của giáo-đường thì ảnh-hưởng ấy vẫn không thể làm chàng một phút trở nên điên dại.

Chàng đứng dậy, bước đi vài bước. Bên ngoài, cách chàng độ hai thước, lũ trẻ nhìn chàng một cách lạ lùng rồi lại tiếp tục nô đùa. Ánh sáng bên ngoài làm chàng lóa mắt, chàng bước gần lũ trẻ mà không hề thấy chúng. Chàng nhìn quanh cố tìm một bóng người vừa xuất hiện. Trong đám người đến dự lễ, chàng không tài nào tìm thấy

bóng người lạ lùng ấy. Trong rừng người của thành La-mã, làm sao chàng tìm cho ra một bóng lẻ loi?

Chàng biết làm sao hơn là đành phải chịu thua Định-mệnh? Và sự bí mật ở giáo đường La-mã lại bí mật hơn bao giờ cả.

Trên bờ xưa

Vào mùa hè năm 1853, chàng lại tìm về chốn cũ, nơi đã phát hiện một mối tình thắm thiết nhất của thế-kỷ.

Nhìn lại cảnh cũ, lòng chàng không sao dẫu được về bồi-hồi, chua xót. Chàng đi hàng giờ giữa đám người nô-đùa cùng sóng gió mà dường như không trông thấy một ai. Chàng lấy làm đau đớn nhìn cảnh Trouville đổi khác, mà không sao tìm lại được cảnh xưa, nơi mà buổi thanh xuân chàng đã phí hàng giờ để mơ-mộng. Cả lữ quán Bellevue, nơi mà ngày xưa Elisa cùng chàng đi ở trọ, giờ đây cũng mất hẳn về âm cúng.

Chàng bần thần nhớ lại bóng người vừa xuất hiện, chiếc áo choàng màu đỏ, suối tóc màu đen, nét môi đỏ mọng, làn mắt thu thủy ấy, phải chăng là của nàng, của bóng người mà chàng đã được gặp một lần trên bờ biển Trouville?

Chàng đi ngang quán trọ đã bao lần, dù chỉ là để nhìn lại song cửa nơi nàng một sáng kia đã để tóc bay theo làn gió thoảng.

Ôi! biết bao kỷ-niệm! Biết bao chuyện xưa giờ chỉ còn trong ký ức!

Mười bảy năm sau, mối tình xưa tưởng chừng như là đã chôn lấp đi ngờ đâu chỉ trong giây phút lại bùng lên dữ-dội như phong ba bão táp.

Trong lúc đó, tình cảnh của Elisa lại càng thê-thảm hơn.

Công việc của chồng nàng đã bắt đầu lổ lổ. Không thể sống nổi ở Ba-Lê, cả hai dựa

nhau về Đức. Được biết chỗ ở mới của Elisa, Gustave dự-định một chuyến xuất ngoại để

mong tìm gặp nàng. Hoàn cảnh không thuận tiện, Flaubert đành phải dời mãi ngày lên đường.

Chàng và nàng

Mùa thu năm 1864.

Hoàng hôn đã rớt trên biệt thự Croisset, nơi Gustave Flaubert dùng làm nơi cư ngụ những phút không du-lịch phương xa. Lúc ấy chàng đã là một người tuổi đã chín mùi. Với bốn mươi ba tuổi, nhưng vì quá lo âu về sinh kế, quá mệt mỏi vì tinh thần, nên trong Flaubert quả là già trước tuổi.

Chàng sống độc thân trong biệt thự Croisset như một tu-sĩ ẩn mình trong am vắng.

Chiều thu ấy, chàng đang mãi miết viết một đoạn tiểu thuyết thì có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Lúc đầu, chàng không cần ngước mặt lên vì ở nơi thanh tịnh ấy ít có ai đến quấy rầy chàng cả. Lâu lâu chỉ có đứa cháu gái thân yêu mới đi vòng ghé đến thăm

chàng và với cô gái ấy, chàng không hề có lời gì để oán trách. Cửa mở, nhưng không ai bước vào phòng.

Người mở cửa vẫn đứng ngoài thềm.

Lúc đầu, Flaubert ngỡ là cô cháu gái muốn phá chàng, nên chàng chờ đợi vài phút rồi lại cúi đầu xuống bàn chăm chú viết.

Có tiếng chân người trên vầng, chàng ngước mặt lên. Tim chàng bỗng như muốn ngưng đập. Người đang đứng trước mặt chàng là một thiếu phụ rất đẹp với đôi mắt buồn như vạn cổ. Chàng lâm bảm:

— Chính bà đó ư?

Họ nhìn nhau yên lặng, cảm xúc không thốt nên lời... Elisa đến đây bất ngờ quá... Làm sao

nàng lại có thể đến mà chàng không hay biết gì cả. Giữa lúc đó, chàng nghe như vũ-trụ lặng im hẳn... Chàng hoàn toàn đang sống dưới sự cảm động không cùng...

Rồi chính nàng tiến đến, dịu dàng lấy tay đặt lên vai chàng.

Chàng lẩm bẩm một câu :

— Hỡi ơi ! Sống bao lâu năm là để có phút này thôi ư ?

Nàng nhẹ nhàng đáp :

— Phải. Sở dĩ trước kia em không dám gặp chàng, chỉ vì em e rằng chúng ta sẽ đau khổ hơn. Lúc ấy em biết tình ta là tình vô vọng và càng gần nhau là chỉ để gây phiền muộn cho nhau. Dù thế, em không làm sao tránh khỏi dục vọng nó bắt buộc em phải gặp anh một lần cuối cùng, dù rằng để rồi phải xa nhau mãi mãi. Em muốn là lúc xa nhau, ta sẽ giữ được một mối tình sâu đậm.

Flaubert đứng dậy rồi cùng Elisa, chàng bước ra vườn. Tiếng chân họ rào rào trên đá sỏi. Giữa sự im lặng của buổi tối, nàng bảo chàng :

— Đời ta đã đau khổ nhiều quá rồi..

Và nàng sẽ kể lại cho chàng nghe những lúc đau hận, khi nàng phải sống xa chàng suốt bao nhiêu năm tháng.

Khi sương xuống lạnh cả đôi vai, nàng mới cùng chàng vào phòng. Mãi lúc ấy chàng mới nhận thấy thời gian đã nhuộm bạc mái đầu đen huyền ngày nào. Trên bàn viết, hãy còn la liệt những giấy má của Flaubert đang viết dở.

Nàng mỉm cười khe khẽ :

— Chàng có thể cho em xem là chàng đang viết gì không ?

Chàng lắc đầu bí mật :

— Về sau, anh sẽ cho em rõ.

— Bí-mật đến thế à ?

— Không hẳn. Nhưng hiện nay anh chưa hoàn-thành tác phẩm đó ? Ngày nào xong, anh sẽ gửi đến biểu em và em sẽ rõ nội-dung của nó, và chừng ấy sự bí-mật sẽ được tỏ rõ.

Vài tháng sau quyển Giáo Dục Tâm-Tình hoàn tất.

Chàng không quên gửi đến nàng quyển sách nói rõ nỗi lòng của chàng đối với nàng.

Đêm ấy, dĩ nhiên là nàng lưu lại tại biệt-thự.

Sáng hôm sau, mặt trời chưa lên hẳn, nàng đã vội vàng rời gót, không quên cất tặng chàng một vài lọn tóc.

Đấy chàng ơi ! Tâm hồn em đấy ! Nó sẽ theo chàng mãi mãi bất chấp không gian và thời gian.

Ngày tàn của một  
mối tình

Ngay lúc chia ly, mắt còn ràn rụa lệ, chàng đành phải nhận là mối tình của họ từ nay chỉ còn trong mộng. Họ chỉ còn có gặp nhau trong ý nghĩ và họ không mong gì gặp nhau nữa. Định mệnh khác nghiệt đã buộc họ như thế. Họ chỉ biết cố gắng chịu đựng.

Ngày tháng vội lẩn. Thoảng Flaubert mới tiếp được vài tin tức của người yêu. Vận đen của chàng lại đến khiến chàng không thể cưỡng chế nỗi số mệnh. Mẹ chàng khuất bóng, đứa cháu thân yêu thì nghèo túng vì bị thất bại trong kinh-doanh, ôi bao nhiêu là việc rũi ! Vì thương cháu, nên còn bao nhiêu của cải, chàng đều tặng cả cho đứa cháu ấy, chỉ mong cháu thoát khỏi bước ngật nghèo.

Tin tức giữa Elisa và chàng

bật hẳn. Nhiều phen chàng cố tìm hiểu tại sao Elisa lại chôn mình trong yên lặng, nhưng chàng không sao hiểu nổi. Việc gì đã xảy đến cho nàng ? Hay là nàng đã quên chàng sau đêm tự hiến cho chàng xác thân ? Hay là nàng quá hối-hận vì dù sao, nàng cũng trở thành một người đàn - bà thất - tiết với chồng ?

Flaubert không làm sao hiểu được...

... Chỉ biết là vào tháng chín năm 1881, tại phố Illenau một đoàn phụ-nữ sắp hàng dài dạo trong một công-viên kín cổng cao-tường. Trong số phụ-nữ ấy có một cụ già đời mắt như hết thần luôn luôn nhìn về cõi xa xôi, miệng luôn luôn không thốt một lời nào. Cụ già ấy chính là Elisa một người

dàn bà bị Định Mệnh hất hủi cho đến mờ cả trí nhớ, mất cả trí khôn. Sắc đẹp ngày xưa giờ còn gì nữa?

Đạo nhiều đau khổ đã biến cảnh hoa thiên - hương xưa thành một con người thừa của xã - hội, sống nhờ một nhà thương điên, chết cũng trong nhà thương điên.

Chi-tiết thâm-thâm này làm sao Flaubert biết được? Chỉ vì chàng đã chết trước nàng vài năm, chỉ vì chàng đã chết trước khi nàng hóa điên hóa dại.

Đối với mỗi tình vô-vọng và cũng là duy nhất của đời

chàng, Flaubert để lại rất nhiều bức thư tỏ bày tâm-sự u-uất chàng đã viết :

Tương-lai của ta là một sự mờ-mịt, không hề có lấy một giấc mơ hồng chả bằng những ngày xa xưa, khi mà ta sống trong huy-hoàng, khi mà ta như tằm trong hơi vàng rực-rỡ. Trên màu sắc quang minh ấy, kia là muôn cánh tay của những bóng ma thân yêu đang vẫy. Nổi bật lên trên cả, là người, phải chính là người đó, thành-phố Trouville khốn nạn của ta, oi!



### CHUYỆN LẠ BÊN MỸ

Viên Cảnh Sát Trường John Bruke, giáo sư dạy lái xe hơi ở các trường tại thành phố Philadelphie (Hưê-kỳ) đã tám năm nay, vừa bị phạt và bị đuổi vì người ta vừa khám phá ra rằng mười năm nay ông lái xe mà không có bằng « Permis ».

B. T.

## những áng thơ hay

### ★ THẨM THỆ HÀ

#### MỘT MÙA ĐÔNG

Đôi mắt em lặng buồn  
Nhìn thoi và chẳng nói.  
Tình đôi ta vời-vợi  
Có nói cũng không cùng.

Yêu hết một mùa đông  
Không một lần đã nói ;  
Nhìn nhau buồn vời-vợi,  
Có nói cũng không cùng.

Trời hết một mùa đông  
Gió bên thềm thổi mãi ;  
Qua rồi mùa ân-ái :  
Đàn sếu đã sang sông.

Em ngồi bên song cửa,  
Anh đứng dựa tường-hoa ;  
Nhìn nhau và lệ ứa  
Một ngày một ngày xa.

Đây là gái Ngân-hà,  
Anh là chim Ô-Thước  
Sẽ bắt cầu nguyện-ước  
Một đêm một lần qua.

Đề mặc anh đau khổ,  
Ai-ân giờ tận số.  
Khép chặt đôi cánh song,  
Khép cả một tấm lòng.

Em là gái trong song cửa,  
Anh là mây bốn phương trời.

Anh theo cánh gió chơi-vời,  
Em vẫn nằm trong nhung-lụa.

★

Em chỉ là người em gái thót,  
Người em sâu mộng của muôn đời  
Tình em như tuyết giăng đầu núi  
Văng-vặc muôn thu nét tuyết vời.

★

Ai bảo em là giai nhân  
Cho đời anh đau khổ.  
Ai bảo em ngồi bên cửa sò  
Cho trong-viu nợ thi-nhân ?

★

Ai bảo em là giai-nhân  
Cho lệ tràn đêm xuân,  
Cho tình tràn trước ngõ,  
Cho mộng tràn gối chẵn ?

★

Ngày hôm tiễn-biệt buồn say đắm  
Em vẫn đùa nô uống rượu say.  
Em có biết đâu đời vắng lạnh,  
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.

★

Môi em đượm sắc mùi nho tươi,  
Đôi má hồng em chúm nụ cười  
Đôi mắt em say mùi sáng lạn ;  
Trán em để lỏng làn tóc rơi.

★

Tuy môi em uống lòng anh say,  
Lời em càng nói càng chua cay.  
Anh muốn van em đừng nói nữa,  
Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.

★

Hãy xếp lại muôn vòn ân-ái,  
Đừng trách nhau, đừng ái-ngạt  
nhau.

Thuyền yêu không ghé bến sâu,  
Như đêm thiếu-phụ bên lâu  
không trăng.

Hãy như chiếc sao băng băng  
mất,  
Đề lòng buồn, buồn mất không  
thôi.

LƯU-TRỌNG-LƯ

Có những bài thơ tình đắm-đuối làm say lòng người như vừa nhấp phải những cốc rượu men nồng. Có những bài thơ tình thanh-cao thấm-đượm những cảm tình trong sáng, khiến cho lòng người dẹt-mộng, theo mơ. Có những bài tình-thơ cao-siêu thoát-tục, tình-cảm vương-vương theo trăng gió, mộng hồn gởi tận nơi nước Nhược non Bồng.

Lưu - Trọng - Lưu cũng viết những bài tình thơ. Tình của thi-nhân mơ-mơ màng - màng, thăm-thiết như tình-cảm của

những kẻ hào-hoa, diễm-lệ như lý-tường của những trang tú-sĩ. Một mùa đông xưa, thi-nhân đã vương một mối tình rất thể-tục. Khác với thể-tục là chàng chỉ xây tình trong tâm-tướng, mơ-tình qua khoe mắt giai-nhân và dẹt tình thành những lời thơ diễm-tuyệt.

Thi-nhân đã bắt gặp một mối tình đầu ngây-thơ nở hoa trên khoe mắt :

Đôi mắt em lặng  
buồn

Nhìn thối và chẳng  
nói.

Tình đôi ta vời-  
vời

Có nói cũng không  
cùng.



Chàng đã gặp Nàng vào một mùa đông, và suốt một mùa đông, họ chỉ nhìn nhau buồn vời-vời. Đó là một mối tình câm, vì họ nghĩ : « Có nói cũng không cùng » Mà cần gì phải nói nữa ? Khoe mắt lặng buồn của Nàng chẳng đã nói rất nhiều rồi ư ? Những cái nhìn trong im-lặng chẳng đã cười-mở rất nhiều rồi ư ?

Yêu hết một mùa đông  
Không một lần đã nói ;

Nhìn nhau buồn vời-vời,  
Có nói cũng không cùng.

Lưu-Trọng-Lưu dùng hai đoạn thơ để diễn-tả tâm-tư của đôi lòng thông-cảm. Mối tình của giai-nhân, tú-sĩ thật là đẹp như thơ và buồn như một mùa đông ủ-dột. Chỉ hai đoạn thơ ngắn mà điệp-vận đến 3 lần. Những vần điệp « nói, vời, cùng » tạo thành một âm-hương lê-thê như nỗi buồn dằng-dặc kéo dài suốt cả một mùa đông.

Trời hết một mùa  
đông

Gió bên thềm thổi  
mất

Qua rồi mùa ân-  
ái :

Đàn sếu đã sang  
sông.

Thế rồi mùa đông đã tàn, mùa ân-ái đã qua, mà giai-nhân và thi-sĩ vẫn kẻ dựa tường hoa, người ngồi bên cửa sò. Họ vẫn im-lặng nhìn nhau, nhưng lần này trên khoe mắt lại long-lanh ngăn lệ. Giữa họ, dường như có cái gì ngăn cách. Họ vẫn ngồi đó, đứng đó, nhưng cả hai đều có cảm-giác như « một ngày một cách xa ». Tình cảnh ngang-trái



ấy khiến thi-sĩ nghĩ đến câu chuyện bi-tình của Chức-nữ và Ngưu-Lang mỗi năm chỉ được gặp-gỡ nhau một lần vào đêm Thất-tịch. Thi-sĩ không dám cho mình là bậc trích-tiên và nàng là cháu của Thượng-Đế ; chàng chỉ khiêm-tốn ví mình như con quạ đội đá bắc cầu qua sông Ngân đê cùng nàng gặp-gỡ, và những hạt lệ long lanh kia có khác gì những hạt mưa ngâu của đôi kẻ chung-tình.

*Em ngồi bên song cửa,  
Anh đứng dựa tường-hoa ;  
Nhìn nhau và lệ ứa  
Một ngày một cách xa.*

★

*Đây là giải Ngân-Hà,  
Anh là chim Ô-Thước  
Sẽ bắc cầu nguyện-ước  
Một đêm một lần qua.*

Nhưng mộng vẫn là mộng và chàng chẳng bao giờ được làm chim Ô-Thước. Dầu là thi-nhân, chàng vẫn không thể thoát-ly

được thực-tế. Trở về với thực-tế, chàng cảm thấy đau-khò, khi đôi cánh song khép lại như khép cả một tấm lòng. Cái gì ngăn-cách giữa Chàng và Nàng ? Đó là bức tường vô-hình chia hai cảnh gió mây và hung-lạ. Chàng là mây bốn phương trời ; Nàng chỉ là cô gái ngồi bên song cửa. Mây mãi-mãi chơi-vơi theo gió ; Nàng mãi mãi nằm trong nhung ấm lụa êm. Mây nhìn Nàng qua song cửa ; Nàng nhìn mây phiêu-dạt khắp phương trời. Có bao giờ mây chịu dừng lại trên một cánh cửa vì cái nhìn luyuển của giai-nhân ?

*Đề mực anh đau khô,*

*Ái-ân giờ tận số.*

*Khép chặt đôi cánh song,*

*Khép cả một tấm lòng.*

★

*Em là gái trong song cửa,*

*Anh là mây bốn phương trời.*

*Anh theo cánh gió chơi-vơi,*

*Em vẫn nằm trong nhung lụa.*

Nhưng bởi vì mây bay mà tình nàng mới đẹp. Nàng yêu mây và gửi mộng hồn theo mây. Nếu Chàng và Nàng yêu nhau, rồi gặp nhau, rồi đắm-duối nhau trong bề ái-ân, dan-dịu nhau giữa những đêm hoan-lạc, mối tình của họ đã trở nên quá tầm-thường và đã vẫn đục mất rồi. Thi-sĩ vốn yêu cái ĐẸP tuyệt-đối. Chàng muốn tình của nàng trắng trong như tuyết giăng đầu núi. Rồi chàng là mây, chàng sẽ gặp tình nàng trên đỉnh núi, vì đó là nơi của mây, tuyết bện hồ.

*Em chỉ là người em gái thôi,*

*Người em sâu mộng của muôn đời.*

*Tình em như tuyết giăng đầu núi*

*Văng-vặc muôn thu nét tuyết-vời.*

Muốn tìm cái đẹp tuyệt-đối, thi-nhân vẫn không thoát khỏi cái đau-khò vì yêu. Tuy muốn thoát-tục, đôi khi thi-nhân vẫn vướng mùi tục-lụy. Thi-nhân vẫn rung cảm những cái rung cảm

của con người, và cũng nhờ vậy mà sự rung cảm của thi-nhân mới có giá-trị đối với con người. Bị ràng-buộc trong tình-trường, người thơ thường hay đồ thừa cho số mệnh. Lời của thi-sĩ Chu-Mạnh-Trinh ngày xưa : « Cho hay danh-sĩ, giai-nhân cùng một kiếp hoả-nghiêm nặng nợ », Thật đã nói đúng tiếng nói của thi-sĩ họ Lưu ngày nay :

*Ai bảo em là giai-nhân*

*Cho đời anh đau-khò.*

*Ai bảo em ngồi bên cửa sổ*

*Cho vương-viú nợ thi-nhân ?*

✧

*Ai bảo em là giai-nhân*

*Cho lệ tràn đêm xuân*

*Cho tình tràn trước ngõ*

*Cho mộng tràn gối chăn ?*

Cái phạm-tục của thi-nhân — và cũng là sự rung-cảm chân thành của con người — được thể hiện rõ-rệt nhất qua những cuộc chia ly, tan vỡ. Chính những sự-

kiện muôn thuở ấy đã khơi nguồn cảm phong-phú cho người thơ. Cho nên ngày tiễn biệt, chàng cảm thấy buồn say đắm; nhìn môi nàng nhấp rượu mà cảm thấy như lòng mình say.

Chàng yêu, chàng muốn thi-vị hóa tình yêu để nó trở thành cái ĐẸP. Chàng sầu, chàng muốn thi-vị-hóa cái sầu để nó trở thành cái ĐẸP :

*Hãy xếp lại muôn vàn ân-ái,  
Đừng trách nhau, đừng ái-ngại  
nhau.*

*Thuyền yêu không ghé bến sầu,  
Như đêm thiếu-phụ bên lầu  
không trăng.*

Dưới ngòi bút tài-hoa của Lưu-Trọng-Lư, YÊU và SẦU là hai cái ĐẸP song hành. Tình

yêu là chiếc thuyền mà sầu tư là cái bến. Thuyền không ghé bến như lâu đêm thiếu bóng trăng, còn gì là đẹp là thơ! Thật là một lối so-sánh ngộ-nghĩnh và quyến-rũ lạ-lùng.

« MỘT MÙA ĐÔNG » là một bài thơ tình lãng-mạn, có một năng-lực truyền-cảm sâu-sắc một nhạc-điệu uyên - chuyển, phong-phú vô cùng. Tiếc thay màu sắc lãng-mạn của nó chỉ là màu sắc của một thời-đại đã thuộc về dĩ-vãng. Ngày nay ta không thể bị quyến-rũ theo thi-sĩ :

*Hãy như chiếc sao băng băng mắt,  
Đề lòng buồn, buồn mãi không  
thôi.*

THẨM THỆ HÀ

★ TRỌNG - TÀI

*Cu.Tý, 6 tuổi, con một ông trọng-tài bóng tròn, bảo với bạn nó :*

*— Ba tao không biết đá bóng. Ông cứ chạy theo quả bóng hoài mà không đá được một cú nào hết.*

B. T.



(Tiếp theo P.T. 31)

★ NGUYỄN - VỸ

VỀ tình cảm, có thể nói tổng quát rằng số đông Văn Thi-Sĩ Tiên chiến đấu lãng mạn nhưng không truy-lạc, không bị đời sống bê-bối làm cho con người hư hỏng, về tư cách cá nhân cũng như về tinh thần hay thể-chất.

Trừ một số nhà Văn có chức nghiệp khác, công chức, giáo viên, hoặc có gia-đình hân-hoi, hoặc sống trong một khuôn-khò trường giả nào đấy, như NGUYỄN - VĂN - VINH, NGUYỄN -

CÔNG - HOAN, TÚ - MỞ, VŨ-NGỌC-PHAN, PHẠM-HUY-THÔNG, v.v... còn đa số thích sống cuộc đời tự-do phóng-túng, xa gia-đình, hoặc không thích ở trong khuôn-khò gia-đình như LAN - KHAI, MỘNG - SƠN, VŨ-BẰNG, LƯU-TRỌNG - LƯ, NGUYỄN - TUÂN, TRƯƠNG-TỬU v.v. Lư, Tuân, Tửu, và một số khác lại còn thích sống lang-thang, nay đây mai đó, « lang-bạc kỳ-hồ », đời sống của những kẻ mà anh

em thường gọi là « Bohémiens », phiêu-lưu-tử. TRƯƠNG-TỬU lãng-lẽ theo gót một người yêu (đã có chồng làm nghề xem tướng số) từ Hà-Nội, xuống Hải-Phòng, đi Đồ-Sơn, biệt tích hơn một tháng trời, gia-đình và bạn làng vẫn chẳng ai biết anh đi đâu. Nhưng lúc trở về Hà-Nội, anh đem theo về bản thảo một quyển nghiên-cứu văn-học mà anh viết trong một chồi lá ở bãi biển, Đồ-Sơn bên cạnh « người yêu của một tháng ». Và chỉ một tháng thôi. VŨ - BẢNG gần bó khá lâu với một bà tình-nhân và cũng nhờ đó mà đã viết ra nhiều chuyện ngắn rất hay. NHƯỢC-PHÁP đeo đuổi một cô nàng mà anh chỉ say-mê vì một chiếc áo đen và đôi mắt đen như hai hạt huyền. Vì nàng mà anh có viết mấy bài thơ tuyệt diệu.

Xét kỹ, thấy rằng đại để những cuộc tình duyên của Văn Thi-Sĩ Hà-Nội hồi Tiên-chiến gần như hình ảnh của những cuộc tình-duyên lãng-mạn của các Văn Thi Sĩ Âu-châu hồi Thế-kỷ XIX, như Lamartine, Hugo, Musset, Alexandre Dumas, Balzac, G. Sand, Chateaubriand chẳng hạn. Những

cuộc tình duyên ấy ly-kỳ, lý-thú, có vẻ « tiểu-thuyết » nhiều hơn là thực-tế.

Một bài thơ, một quyển truyện của các anh ấy phần nhiều là đầu giây mối nợ của những gặp gỡ ngẫu-nhiên, mà chính họ cũng không ngờ. TẦN-NGỌC của HUY THÔNG, Thanh của NHƯỢC PHÁP, Mộng-Hoàng của VŨ-ĐÌNH-DY, Tuyết-Anh, của LAN - KHAI, Angèle của TCHYA, Lan của NGUYỄN TUÂN v.v... và v.v... đều là những nhân vật xinh-đẹp tuyệt trần, mà người ta chỉ có thể gặp được trong Văn-chương mà thôi, vì họ lộng lẫy như Tiên, ảo-huyền như Mơ, rực-rỡ như Sao, vì họ là hình-ảnh của Văn-Thơ, và họ chỉ có thể là những người yêu của Văn-Sĩ Thi-Sĩ mà thôi. Đến khi chạm phải các khía cạnh của thực tế, các cuộc tình duyên kia dù phải tan vỡ, nhưng bóng dáng yêu kiều của ai ai, nụ cười duyên dáng, đôi mắt mộng huyền, vẫn còn mãi mãi trong Thi-Văn của Thời-đại.

Các bạn cứ tin rằng đa số các nhân-vật phụ-nữ đáng yêu nhất mà các bạn gặp trong các quyển tiểu-thuyết của thời Tiên-chiến

và trong những bài thơ ru dương thuở ấy, đều không phải do ngòi bút của các Thi-Văn Sĩ thêu dệt ra đâu. Các hình ảnh diễm-lệ kia hiện trong nét chữ, trên văn thơ, là bởi Thượng-Đế đã đặt họ vào đây, để cho nhà Văn nhà Thơ, trong giấc mơ say huyền linh của Văn-nghệ, nhìn họ mà ca ngợi những cảnh đẹp trên trần ai, và cũng nhìn họ mà than khóc những đau khổ của loài người, những đau-đớn bi-thương của xã-hội.

ANGÈLE, TUYẾT - ANH, MỘNG - HOÀNG, TẦN - NGỌC... và các nàng Thơ khác, cũng như Elvire, như M<sup>me</sup> de BO-VARY đâu có phải chỉ là người yêu của các Văn-sĩ Thi-sĩ. Họ chính là hồn thiêng của Thượng-Đế. Họ chính là ngân lệ sầu-bi hoặc nụ cười an-ủi của Loài người.

Xét về Văn-học-sử, người ta có thể nói chung rằng thời - kỳ 1925 - 1940 là thời - kỳ Văn-chương lãng mạn, theo đúng nghĩa « lãng mạn » trong Văn-học Pháp, Anh, Ý, Đức, hồi Thế-kỷ XIX. Điều đó rất dĩ-nhiên, vì thế-hệ Văn nhân Thi-sĩ Việt - nam ra đời sau Đệ-

nhất Thế-chiến, đã chịu ảnh-hưởng của Văn-học Âu - Tây rất sâu đậm của thế-kỷ trước. Và chẳng những riêng ở Việt-nam, mà cả văn-học-sử của các nước Á-Đông vừa tiếp-xúc với Âu-Tây, nhất là Nhật-bồn, Nam-Dương, Trung-Hoa, Thái-Lan, Ấn - độ, đều chịu ảnh-hưởng của Văn-chương và Tư-tưởng Âu-Tây đồng một loạt như nhau cả. Thời-kỳ mà nước ta nảy ra phong trào « THƠ MỚI » và tiểu - thuyết lãng mạn thì Văn-học-sử Nhật-bồn cũng đang trải qua phong trào SHIN-TAISHI, ở Nam-Dương phong trào PUDJANGGA BARU, ở Xiêm đã có từ thời - đại NARAI, chịu ảnh - hưởng văn học Pháp của thời Louis XIV. Bởi làn sóng Văn-chương lãng-mạn của Thế-kỷ XIX Âu-Tây không riêng gì của Pháp, mà cả Anh, Ý, Đức, tràn qua Á-Đông trễ gần một thế-kỷ, đến khi nó ào-ạt ngập cả địa - hạt Văn-chương và Tư-tưởng Việt-nam, thì sức lôi cuốn của nó vô cùng mãnh-liệt.

Hậu quả là sự xuất-hiện thế-hệ Văn-sĩ Thi-sĩ lãng mạn giữa

bai Thế-chiến.

Lãng mạn trong Văn Thơ, lãng mạn trong tư-tưởng, lãng mạn cả trong đời sống tinh-thần và vật chất của Văn-nhân.

Tuy nhiên, sinh - trưởng nơi nguồn-gốc Nho-giáo và Phật-giáo, các nhà Văn nhà Thơ kia vẫn còn giữ được phong-độ con nhà Nho. Có điều rõ-rệt là thế-hệ Văn-sĩ Thi-sĩ Việt-nam thời Tiền chiến không chịu ảnh-hưởng của Gia-tô-giáo.

Trừ một số rất hiếm trong đó có HÀN-MẶC-TỬ ở miền Trung-Việt, còn thì hầu hết làng Văn ở Hà-nội thời bấy giờ đều là những người có gốc Nho-giáo và Phật-giáo.

Bởi vậy, không những trong Văn thơ mà cả trong đời sống tinh-thần và vật chất, làng Văn ở Bắc Việt vẫn dung-hòa được tư-tưởng lãng mạn, phóng dăng, trong Văn-chương Pháp với nề-nếp lễ-giáo cổ-truyền của Dân-tộc ta.

Hai chữ « Làng Văn » rất là thông - dụng thời bấy giờ, « làng » chính là ngụ ý đại-gia-đình, ý-nghĩa anh em thân-thuộc.

Cho nên, trong sự thù-tiếp xã-giao, anh em trong Làng Văn làng Thơ Bắc Hà vẫn giữ được một chút tình thân - thiện. Thí-dụ như việc đòi báo và biểu sách cho nhau.

Một bạn chủ trương một tờ báo bất luận hằng tuần hay hằng tháng, hằng ngày, là rất sẵn sàng vui vẻ trao đổi với tờ báo khác của bạn đồng-nghiệp, mặc dầu không đồng một khuynh-hướng hay một tôn-chỉ. Không so-đo giá tiền hơn thua. Không câu nệ vì tồn-phí lật-vật. Chỉ giữ tình đồng-nghiệp cho tốt đẹp là được rồi. Nhờ vậy, các báo vẫn được trao đổi lẫn nhau, hoặc biểu cho những bạn không có báo, và tình thân-hữu văn-hóa vẫn duy trì được mãi mãi giữa anh em làng Văn. Mặc dầu có cuộc bút-chiến về lý-tưởng, về văn nghệ, về tôn-chỉ, hai tờ báo vẫn không vượt qua lễ-độ của « con nhà văn ». Đó là nói về phần đông. Dĩ nhiên cũng có vài ba người đứng hẳn ra ngoài vòng xã-giao thanh-nhã ấy, và đối với anh em họ, vẫn muốn « riêng biệt » trên một địa điểm để họ tự-phụ với bộ mặt kiêu-căng mặc dầu tài năng và trình-độ học

thức của họ cũng chẳng hơn ai.

Về việc biểu sách cũng thế, Mỗi khi một bạn làng Văn vừa xuất bản một quyển sách, thì hầu hết các nhà văn nhà thơ đã quen biết nhau và thân nhau, đều nhận được một quyển sách tặng. Ít khi do nhà xuất bản biểu. Chính tác-giả viết lời tặng đàng hoàng thân mật, trân-trọng ký tên, rồi mới nhờ nhà xuất bản gửi đến tận tay các nhà văn. Vì thế, một quyển sách ra đời, là được anh em sốt-sắng giới thiệu ngay và được nhiều báo nói đến, phê-bình, khích-lệ.

Lời biểu sách mà gửi đến các báo, với mỗi một con dấu đóng : « Sách biểu » chứ không có một lời đề tặng ân cần, không có chữ ký của người gửi tặng, là một hành-động kém lễ-độ văn-hóa của vài kẻ không biết tự-trọng như người ta thấy hiện nay, tuyệt nhiên không bao giờ có trong thời Tiền-chiến. Và các nhà Văn của các nước văn-minh tân tiến cũng không bao giờ tặng tác-phẩm của mình theo kiểu đó.

Trong các hợp-đồng xuất-bản giữa tác giả và nhà xuất - bản,

đều có ghi rằng ngoài số tiền bản-quyền, tác-giả còn được một số sách đặt biệt không dưới 100 quyển, để tặng các bạn làng Văn, và các thân hữu.

Thường thường số sách tặng này đều được in trên các loại giấy đẹp, *glacé, surglacé, vergé, baroque crème, alpha, impérial Japon, bouffant, v.v...*

Chỉ một đôi kẻ không biết tự-trọng, hoặc kém lễ-độ văn-hóa, mới gửi tặng những quyển sách in trên giấy thường là những sách để bán. Ngày sách được phát hành là một ngày long-trọng. Thường thường nhà xuất bản mời tác-giả và một số Văn-hữu thân nhất của tác-giả đến nhà dự một bữa tiệc kỷ-niệm long-trọng. Chính trong bữa tiệc ấy, tác-giả ký tên để tặng sách của mình. Ấy là những giờ phút cảm-động đón mừng đũa con tinh-thần được ra chào đời, và được trình - diện với các bạn Thi-Văn.

Rồi ngày hôm sau chính các bạn ấy niềm - nở giới - thiệu nó với công chúng.

# ĐẶNG - THỨC - LIÊNG

(1867-1945)

## MỘT BẠC TIÊN PHONG



trong làng báo Sài Gòn

(Tiếp theo P. T. số 31)

### \* ĐẶNG CÔNG THẮNG

**Đ**ẶNG - THỨC - LIÊNG,  
Trúc-Am, năm 1890, đời  
biệt-hiệu ra là **MỘNG-LIÊM**.

Ban đầu, trong các thi-văn của  
Mộng-Liêm ta đều thấy những  
tiếng chuông cảnh-tỉnh, kêu-gọi,  
so-sánh và nhen-nhúm lại lò lửa  
nho-giáo và máu trung-nghĩa cõ-  
truyền của dân-tộc Đại-Nam.

Trong một loạt bài đăng vào  
*Nông-Cô Mìn Đam*, Mộng-Liêm

điều-hòa Không-học với tư-tưởng  
cấp-tiến đề-cao trong sách-vở của  
Voltaire, Jean Jacques Rousseau,  
Lincoln, v.v... mà học-giả cải-  
cách Trung-Hoa đã dịch ra chữ  
Hán. Mộng-Liêm lần-lượt viết ra  
những ký-ức của mình về cuộc  
bút-đàm thảo-luận triền-miên với  
các văn-hào cách-mạng như  
Khương Hữu Vi, Lương Khải  
Siêu, Tôn Dật Tiên, Hồ Hán  
Dân, và cộng - sự - viên của  
Thượng-Vụ-Ấn-Thơ - Quán ở  
Thượng-Hải.

Trước kia, nhờ lắm lần ra Bắc,

## ĐẶNG-THỨC-LIÊNG

về Nam, Mộng-Liêm đã kết-chặt  
đây thân-ái tâm-giao, đồng-chí  
với những mầm già cách-mạng dù  
khuyh-hướng nhưng nhằm một  
mục-phiêu tranh-thủ độc-lập, tự-  
do. Các cụ PHAN - CHÂU -  
TRINH, PHAN-BỘI-CHÂU,  
HUỲNH - THỨC - KHÁNG,  
PHẠM-DUY-TỐN và rường-  
cột của đoàn - thể Đông-Kinh  
Nghĩa-Thực đều khấn-khít với  
Đặng-Thức-Liêng.

Đồng-chí đặc-lực với Đặng-  
Thức - Liêng là cụ TRẦN-  
CHÁNH-CHIẾU. Nhà chí-sĩ  
này có học-thức tân-tiến, nhiều  
của cải và làm chánh - tổng ở  
Rạch - Giá. Cụ Chiếu lại nhập  
Pháp-tịch, lấy tên là GILBERT.  
Là dân Pháp, Gilbert Chiếu  
hoạt - động dễ - dàng vì được  
hưởng tự-do dân-chủ của Pháp.  
Trương - đặc với nhau trong  
những ngày dài, đêm quạnh tại  
nhà riêng của Gilbert ở Rạch-  
Giá và của Mộng - Liêm ở Sa-  
Đéc, hai đồng-chí mới nghĩ ra  
một đường lối thoát : kinh-tế và  
lý-tài. Vì phải làm giàu cho  
nước nhà trước hết để khỏi bị  
ngoại-quốc lũng - đoạn thương-  
trường, nhưt là Chệt và Chà-và,  
kẻ cho vay thắt họng, bọn con  
buôn tráo trở.

Kế-hoạch được thực-hành dưới  
nhãn hiệu *Minh-Tân Công-Nghệ*,  
một Công-ty kinh - dinh công-  
thương kiểu-mẫu đầu tiên. Hoạt-  
động ráo-riết, Minh-Tân Công-  
Nghệ đặt trụ-sở tại một căn phố  
ở đường Charner (nay là Nguyễn  
Huệ, ngang hàng xe Renault);  
sản-phẩm nhưt của công-ty là sà-  
bông-hiệu Con Vịt, được đồng-  
bào nhiệt-liệt hoan-nghinh. Kế đó  
Mộng-Liêm toan lập một xưởng  
chế-tạo diêm quẹt tại tỉnh-ly Mỹ-  
Tho. Hiên nhiên, vì hai hóa-  
phẩm rất thông-dụng đã làm giàu  
cho ngoại-kiều, cho nên bọn này  
cương-quyết phản-động. Nhưng  
họ phá-hoại ít hơn bọn Việt-gian  
do Đốc-phủ TRẦN BÁ THỌ  
cầm đầu. Thọ là con duy nhưt  
của Tổng-đốc TRẦN BÁ LỘC  
khát máu đã chém giết và đập  
quét hàng vạn dân Việt-Nam.  
Thọ luôn luôn âm-muru hãm-hại  
Đặng - Thức - Liêng và Gilbert  
Trần-Chánh-Chiếu. Năm 1902,  
Thọ đòi về làm tri-phủ quận Tân  
Bình, Sa-Đéc; quen thói tàn-  
bạo và đa - dâm, Thọ hay bắt  
con gái mà cưỡng-bức. Thọ lại  
ở gần Đặng-Thức-Liêng, vì ông  
này đã lập-nghiệp nơi quê vợ ở  
tại làng Tân-Quy-Đông tỉnh Sa-  
Đéc. Thọ nhìn-mò hành-vi của

Liêng và toan gài bầy Liêng. Cụ này mới từ chức chủ-bút của tờ *Lục-Tỉnh Tân-Văn* do ông huyện Nguyễn-văn-Của xuất bản, ở tại gốc đường Catinat (nay là Tự-Do, tức là Phòng Thông Tin bây giờ). Sản-dị có tham-biện Pháp tên là André Mast yêu cầu, Liêng bèn nhận lãnh làm giáo sư cho quan cai-trị ấy. Hai thầy trò vận-động đổi về Sa-Đéc. Trong khi Mast có oai-quyền trong tỉnh thì Liêng, với chức cố-vấn, lại được thêm thế-lực. Nhờ đó mà Liêng thi ân bố đức triệt-đề. Thọ bực-bội lắm ! Nhưng Thọ chẳng biết làm gì.

Ngày nọ, nghe tin Thọ cưỡng-đoạt vợ người giữa tiệc cưới ở làng Tân-Dương, tức-khắc Liêng đề-nghị với tham-biện Mast điện-tín về Phủ Thống-đốc Nam-Kỳ mời một thanh-tra Pháp xuống dò-xét cái tội-bại của Phủ Thọ. Vừa hỏi xong khâu-cung của Thọ, thanh-tra liền hạ lệnh ngưng chức và giam Thọ như một tên trượng cướp hèn-mạt. Rồi giải Thọ về Saigon, cho ở tù vài tháng, rồi đá đít nó luôn. Cha của Thọ, là Tổng-đốc TRẦN-BÁ-LỘC, kê-lễ bao nhiêu công-trạng Việt-gian của mình để chuộc tội cho con, mà chẳng được. Lý-do : bên

phe của Mast, dân-chủ xã-hội đã phúc-trình và yêu-cầu trừ-khử bọn, sâu-mọt đề trăn-tĩnh nhân-tâm, theo lời đề-nghị của Liêng. Ít năm sau, Thọ phát điên vì thất-chí. Rồi, một ngày nọ, chàng lấy súng lục tự-tử trong biệt-thự ở quận-ly Cái-Bè, tỉnh Mỹ-Tho !



Sau năm 1905, Nhựt-Bồn, thắng Nga-Hoàng. Vinh-diệu cho người Á-Đông ấy làm cho chí-sĩ Việt-Nam bùng-bột và mong-mỏi sự cứu-trợ của Phù-Tang. Phong-trào Đông-Du phôi-thai, và bành-trướng chủ-ý hướng về Tokyo (Đông-Kinh).

Hơn 100 thanh-niên tuấn-tú do đồng-chí của Liêng và Chiêu, tình-nguyện xuất-dương, trong bầu không-khí hăng say hy-vọng phục-vụ tổ-quốc. Họ đã ở đó gần hai tháng. Nhựt, vừa mới lên chân, lại ký-kết với Pháp một điều-uớc-trung-lập. Tức thời thủ-tướng Ito hạ lệnh trục-xuất thanh-niên Việt-Nam. Các ông này tản lạc qua Tàu hay là Tây và phần nhiều ở luôn đó mưu-đồ cách-mạng : một số ít người như NGUYỄN-HÁO-VĨNH và TRƯƠNG-CÔNG-THOẠI trở về nước lo kinh-dinh thương-mại và nghị-

luận chính-trị công-khai, gây sôi-nổi trong những năm sau 1920. Học-sinh Việt-Nam vừa bị ngược-đãi bên Nhựt thì Liêng và bốn mươi đồng-chí bị thực-dân Pháp tống-giam trong khám-đường ở tỉnh-ly Mỹ-Tho, vào tháng năm dương-lịch 1905.

Bị đảng cấp-tiến của cựu tham-biện Pháp, Landes và Mast, đê-tử của Liêng trước đây, can-thiệp chính-phủ thuộc-dịa buộc lòng phải phóng-thích Liêng và bốn-mươi đồng-chí, sau bốn tháng giam-cầm.

Mới có 39 tuổi đầu mà lại còn thừa nhựa sống và học-thức uyên thâm. Đặng-thức-Liêng đã rõ cần khôn cần-chấn .. và thảo lại kế-hoạch xuất xứ ... Bấy giờ Liêng quây theo nghề y-dược mà lập một tiệm thuốc Bắc đặt hiệu là «Phước Hưng Đông» trú tại đầu cầu sắt làng Vĩnh-Phước, thành-phố Sa đéc; một thời gian sau, Liêng phó thác tiệm ấy, vài chục mẫu vườn đất và năm dứa con thơ cho người vợ hiền, nhũ-danh là Nguyễn thị Nhơn. Xách va-ly đi chơi và làm thuốc, khi thì Liêng dạo khắp lục-tỉnh, khi thì thăm viếng cố-đô Huế và Hà-Nội.

Đến năm 1923 trên tờ *Trung-Lập báo*, *Đông-Pháp thời-báo* và *Công Luận* biệt-hiệu LỤC HÀ TÀU của Đặng thức Liêng đã xuất-hiện sau bút hiệu Mộng-Liêm mà tuyên-truyền tiếp-tục những lý-trưởng xưa kia với nội-dung và thể-tài mới-mẻ.



## VĂN - NGHỆ và TƯ-DƯƠNG TINH-THẦN

Trong các giới Việt-Nam, 50 năm về trước, đi tới đâu mà chẳng nghe cái tạt hào-hoa phong nhã của cụ Đặng thức Liêng, «ông già Ba-Tri số 2» nổi nghiệp cho «ông già Ba-Tri số 1» đã ra Huế làm náo-động triều-dình để xin ân-xá cho thủ-khoa BÙIHỮU NGHĨA bị vua bắt tội. Trong giới tài-tử phong-lưu, mãi mãi có tiếng ngâm:

«...Họ đồn Đặng-Thức-Liêng  
chơi quá lối..

...Có hay không? — Già ngộ  
đó mà thôi!

...Gầm bao lâu sống sót trên  
đời?

Nhịn hóa đại, chơi đi, kéo  
uồng!

Nhưng trách-nhiệm chớ nên  
bỏ lưỡng,

*Đúc-tài rèn đem cống-hiến nhân-dân.*

*Làm sao cũng giữ tinh-thần,  
Có giải-trí ăn, mần mới giỏi !»*

Sau khi chấn-chỉnh hát-bội trong cái rạp hát mà Liêng rủ tri-âm lập ra ở làng Vĩnh-Phước. tỉnh Sa-đéc, Liêng mới sáng-kiến áp-dụng nghệ-thuật đờn ca Trung Nam mà diễn-kịch, sau này gọi là hát cải-lương.

Kết quả là anh André NGUYỄN VĂN THẬN bắt chước lối cải-lương ấy trong gánh hát xiếc của anh cũng lập ra ít năm sau tại thành phố Sa đéc. Rồi đó, nổi danh là các gánh hát của THẦY NĂM TỬ ở Mỹ Tho, VĂN HÍ BAN, HUỖNH KỶ (chỗ đào-tạo chị Bảy Phùng-Há) v.v... kể ra chẳng hết.



*Thuở trước*, người Việt trong ba kỳ coi nhau tự người dung kẻ lạ. Đến năm 1926 Bắc-kỳ bị vỡ đê nên đói-khát. Cụ Liêng lãnh một phần lớn đi quyên tiền để cứu-tế, và thảo ra "Quốc-Vấn-Hồn" làm bài diễn-văn đọc ở nhiều chỗ đò-hội cho đồng bào nghe. Đại-khái cụ Liêng nêu văn-hóa nước nhà, viết bằng tiếng Việt thông-dụng cho ba kỳ và

những thời-cuộc lịch-sử mà giải-thích nhằm mục-dịch nhấn mạnh vào tình tương-thân tương-ái của con cháu Lạc-Hồng.



Thi-văn, tuồng truyền và luận-thuyết của Đặng-Thức-Liêng đã in ra và phát-hành buổi xưa ấy rất nhiều. Nhưng, trải qua các biến-cổ gần đây, phần lưu-trử tại nhà của chúng tôi đã bị bà Hỏa, thời tiêu mất hết.

Năm 1931, thân phụ chúng tôi xin được phép xuất-bản tờ báo hàng ngày nhan-đề « Việt-Dân-báo ».

Khởi đầu từ năm 1930, phong-trào quật-khởi của thanh-niên Việt-Nam càng tăng-gia, cho nên chính-phủ thuộc-địa càng thắt-chặt xiềng-xích, nói rộng ngục-thất và trại-giam. Trong Nam-kỳ hội-kim do NGUYỄN-AN NINH lãnh đạo hoạt-động ráo-riết, có những phần-tử khuyh-cực-tả tham-gia như TẠ-THU-THẦU, NGUYỄN-VĂN-TẠO, và NGUYỄN-VĂN-THẠCH, đã dùng báo Pháp-ngữ *La Lutte* và Việt-ngữ, là tờ *Tranh-Đấu* làm cơ-quan tuyên-truyền. Nguyễn-An-Ninh là con trai lớn của bác NGUYỄN-AN-KHUÔNG ở

Hốc-Môn, một đồng-chí của thân phụ tôi. Từ ngày 16 tháng 3 năm 1925, sau khi bị đuổi khỏi trung-học Chasseloup-Laubat, Sài-gòn (tức là trường Jean-Jacques Rousseau ở đường Hồng-Thập-Tự bây giờ) vì cái tội đưa báo « *La Cloche fêlée* » (*Cái Chuông Rạn Nứt*) của anh Ninh viết bằng chữ Pháp cho bè bạn ở ban tù-tài xem, anh Ninh thích tôi lắm. Cộng sự với tờ *La Cloche Fêlée* của anh và cụ luật-sư Phan văn Trường, tôi được cơ hội tản bộ về văn-chương Anh-Pháp bổ thêm vào một mớ Hán-học của thân-phụ tôi tập-truyền.

Trên diễn-đàn Việt-Dân báo tôi chẳng ngớt công-kích đảng lập hiến của lãnh-tự thân-Pháp là Bùi Quang Chiêu, bấy giờ có tờ *La Tribune Indochinoise* làm cơ-quan phản động, chống đối hăm-hại thanh niên cách mạng. Nhờ uy-tín của Đặng Thúc Liêng, nhiều bực lão thành cách-mạng ủng-hộ chúng tôi. Những hoạt-động từ năm 1930 của Đặng-Thức-Liêng đều có tôi nài ni thúc giục.

Đến năm 1941 Nhật-Bồn chiếm cứ Việt-Nam; tay sai của chúng cố-gắng o-bế các phần-tử cách-mạng để kể nể cho chúng thỏa-mãn cái mộng xâm-lãng Đông

Nam Á. Biết rõ thâm tâm độc hiềm của thân dân Thiên Hoàn-Hiro-Hito, thân phụ tôi giả vờ bệnh tật để tránh trở lợi dụng ấy.

Về phương-diện xã-hội khác, Đặng-Thức-Liêng đã dày công sáng lập *Việt-Nam Y-Dược Hội* năm 1934, nhằm mục-dịch bảo vệ lương-y và dược sĩ Đông-Phương đã nhiều phen điều-dứng.

Cuối năm 1944, để tránh nạn bom tàn-khốc ném xuống Sài-gòn Chợ-lớn mỗi ngày, thân phụ chúng tôi cùng gia-đình về quê ngoại tôi, ở làng Tân-Quy-Đông, châu-thành Sa-Đéc. Dưỡng-nhàn một ít lâu, chúng tôi lo tổ-chức ò kháng-chiến chống Nhật sau ngày đảo-chánh. 9 tháng 3 dl. 1945. Một đêm, mồng 10 tháng 7 dương-lich, cụ Đặng-Thức-Liêng về nhà nằm liệt vì cảm-mạo rất nặng. Tuổi già, sức yếu, cụ tạ-thế đúng ngọ ngày 16 tháng 8 dương-lich 1945, và tạm thời an-táng ở làng Tân-Quy-Đông, quận-ly Sa-Đéc. Cụ để lại cho con mấy pho kinh-sử và một gương nho-nhả, quý-báu ngàn lần hơn tài-sản của Thạch Sùng. Hiện giờ cụ còn lại ba người con: hai chị tôi lo tu-dưỡng, và kẻ chép truyện này còn mang lắm nợ văn-chương.

# NGƯỜI THƠ

## XUẤT HIỆN

★ Mặc Thu

### TÓM TẮT CÁC KỶ TRƯỚC

Vào năm 2.000, một Thi-hào Việt-Nam nhân nhìn và nghe hai trẻ nhỏ trò chuyện khi chúng sưởi nắng làm sống lại một xác bướm, tìm ra lẽ sống mới của loài người. Một cuộc thanh-luận của các thi-hào Việt-Nam diễn ra trong một trại hoa. Một bản tuyên-ngôn của năm nhà thơ Việt kêu gọi các nhà chính-khách trên thế-giới rút lui, trả lại nhân-loại cho các nhà thơ, những sử-giả « tin yêu » của loài người, tự điều-khiển lấy nhân-loại đi về một hướng xây dựng mới.

Chính-phủ các nhà thơ của các nước được thành-lập. Một vài văn thơ được gửi ra chiến-trường cuối cùng làm tắt im tiếng súng...

Việt-Nam được coi như Trung-tâm của nếp sống mới.  
Giữa khung cảnh ấy, có hai kẻ yêu nhau.  
Nàng tên Vân. Chàng tên Thi...

P.T.

VÂN là con gái út của thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân mà trong hồi trước ta đã thấy.

Hôm ấy Vân đi giặt lụa bên suối. Còn Thi thì đi tìm tứ thơ bên một rừng mai ngan-ngát trắng nổi lên với chân trời. Nàng đi giặt lụa chính vì trông thấy chàng tha thân đi tìm tứ thơ. Chàng đi tìm tứ thơ vì biết nàng thường lệ vẫn giặt lụa bên bờ suối.

Cả hai cùng đã nhìn thấy nhau.

Nàng Vân e thẹn, khe chớp mắt, gò má đỏ bừng.

Chàng Thi, lòng trai xao động, hải văn ngập ngừng trên lớp cỏ non. Họ, tình trong như đã... nhưng chưa tiện dùng lời. Thi ngọn suối chảy róc-rách, làn gió lướt trên ngàn mai, con chim nhỏ rúc rích trong bụi tầm xuân, chiếc lá run mình trên nhánh cây căng sữa đã nói lênдум họ.

Tất cả đều đồng tình tạo nên một không khí thuận-tiện, vun đắp cho đôi lứa yêu nhau.

Và họ đã yêu nhau.

Thi ngây-ngất, khe cầm lấy tay nàng, mà tưởng chừng như vừa nâng lên một cánh mai. Chàng thi-sĩ trẻ tuổi của cái năm hai ngàn, ấy, ngờ nàng

là một hồn hoa vừa hiện xuống.

Thần tư chợt nảy sinh trong một phút xuất thần. Thi thì thăm bên tai nàng, như ngọn gió thì thăm lướt trên những tróm mai trắng. Mỗi lời chàng nói ra đều là những vần thơ cảm tú.

Vân, dè mê, tưởng như chàng là chiếc bướm phong tình đương làm xao động những búp hoa non trong lòng nàng. Nàng khe hé môi hớp lấy từng lời thơ của Thi như con bướm hút từng giọt mật trong nhị hoa, như cánh hoa non run rẩy hứng lấy từng giọt sương buổi sớm.

Họ rừng rặng chia tay, mà ánh mắt cùng đã hẹn hò tái ngộ. Buổi ấy nàng Vân thân thơ về nhà.

Nhà thi hào Nguyễn-sắc-Xuân đương ngồi đọc âm bên khay trà quỳên ngát hơi sen.

Vân cúi đầu chào cha, toan đi thẳng vào trong nhà.

Thi-hào Nguyễn-Sắc-Xuân bỗng gọi giặt nàng lại.

Nàng Vân mân-mê tà áo, cúi đầu.

Thi-hào Nguyễn-Sắc-Xuân nghiêm giọng :

— Này Vân, con mới ở đâu về ?

Vân thưa :



— Con vừa giặt lụa bên suối  
 — Ừ nhỉ! Ta quên không nhìn  
 thấy mấy tấm lụa còn dẫm nước  
 suối trên tay con. Nhưng, sao ta  
 vẫn thấy con có một vẻ khác lạ  
 ngày thường... Ừ, chẳng có lẽ  
 ta nhầm... Rõ ràng từ người con  
 còn có quện cả một chất hương  
 thơ. Chất thơ châu ngọc! Vân,  
 con cứ nói thực cho ta nghe!  
 Vì đâu mà có chất thơ thần cốt  
 ấy! Không có lẽ đó là hương  
 thơ của núi rừng, của suối, của  
 hoa cỏ. Hương thơ ấy tất  
 phải phát xuất từ con tim của  
 Người, vì nó nhiễm đầy tình  
 Người...

Nàng Vân sợ hãi. Quả thật  
 cha nàng xứng đáng là một thứ  
 minh chủ của thơ.

Vân bèn khép nép kể rõ tình  
 đầu, lại không quên đọc lại  
 những vần thơ của người thơ  
 trẻ tuổi.

Ông già vuốt râu lắng nghe,  
 đầu gật gù bên khói trà thơm  
 ngát.

Khi Vân đọc dứt, thi hào  
 Nguyễn-Sắc-Xuân bảo nàng:

— Người này quả xứng đáng  
 với con. Trời sinh ra người đẹp  
 tuyệt sắc là dành để cho thi nhân  
 chớ không phải cho phường ô-  
 trọc, chỉ ham danh, chuộng lợi.

Người thơ xứng trần là để

làm cho cuộc đời bớt ô trọc.

Người đẹp sinh ra là để gây  
 tứ cho người thơ.

Từ muôn kiếp trước giai-  
 nhân với thi sĩ vẫn là có trái  
 duyên.

Ta cho phép con mời chàng  
 đến đây cho ta hội kiến một lần.  
 Ta muốn đàm đạo với một nhà  
 thơ trẻ tuổi để được biết thêm  
 tình ý của họ. Người này, xem  
 trong cốt cách thơ văn, có thể  
 là sứ giả của những nhà thơ  
 thế hệ mới đây. Thơ không  
 câu chấp khuôn phép, phóng  
 túng mà kỷ luật, buông mà bất,  
 man mác mà không phiêu lưu,  
 dứt khoát mà tự-tin, tối đẫy mà

lại sáng đẫy, là bởi ý thành,  
 ý thành thì tứ thành. Còn  
 nhạc thơ thì tự trong lòng  
 y đã có, ví như một ngọn gió  
 nhẹ chỉ lướt qua sợi giây đàn,  
 là đủ nẩy lên được âm thanh.

Vấn đề này từ bốn năm mười  
 năm trước các nhà thơ nước ta  
 đã nhiều lần bàn tới. Có lẽ ngày  
 nay việc ấy mới giải quyết được  
 chăng?

Vân vừa mừng vừa thẹn.

Nàng quay đi. Thi - hào  
 Nguyễn-sắc-Xuân vẫn còn ngồi  
 rung đùi ngâm lại mấy vần thơ...

(còn nữa)

Kỳ sau: Đôi lứa Vân, Thi

# CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU \* BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 31)

## XIII



THẾ rồi, tối  
 bữa đó, tôi bảo  
 với Hải-Lan  
 rằng, thế nào  
 tối nay, Bạch-  
 Tần cũng sẽ đi,

cho mà xem.

— Cô hỏi lại tôi:

— Sao anh biết?

— Thì tôi cũng đoán chừng

như vậy.

Cô vui vẻ bảo tôi:

— Thế, tối nay, em sẽ giữ  
 nguyên áo quần và giả đồ đi  
 ngủ, để đợi Bạch-Tần, nhá.

— Không, không, cô chớ làm  
 như thế làm gì, vì cô vừa mới  
 khỏi bệnh xong, cô chưa được  
 khỏe hẳn, cô cần phải đi ngủ  
 sớm, tôi tin chắc rằng, tôi sẽ

theo dõi được Bạch-Tần...

— Nhưng em muốn cùng đi với anh, cơ.

— Không nên, cô phải ở nhà mà nghĩ, thì hơn, cô nghe tôi, chớ có xông pha vội.

Hải-Lan chẳng nói sao và tôi cho thế là cô đã mặc-nhiên nghe theo lời tôi.

Nhưng...

Vào khoảng mười một giờ đêm, tôi ngồi ngủ gật ở ghế so-pha, Hải-Lan xuống gõ cửa, làm cheo tôi bừng tỉnh; tiếp đó, có tiếng xe ra. Tôi vội vàng đâm bổ xuống nhà ga-ra. Tôi vừa nhảy lên ngồi trên đệm xe, thì Hải-Lan cũng lảng-lặng leo lên, ngồi bên tôi. Tôi không có thì giờ để ngăn cô lại. Tuy tôi nói:

— Hải-Lan chớ nên đi. . .

— Không, anh cứ để em đi với.

Chẳng biết làm thế nào hơn, tôi đành đóng cửa xe lại, và mở máy cho xe chạy vọt theo xe của Bạch-Tần.

Hình như nàng đã áng chừng rằng chúng tôi đương đuổi theo nàng, nên nàng cho xe phóng đi vun vút. Tôi cũng nhận vào cần ga, phóng theo riết, ở phía

sau. Vốn chiếc xe của nàng khỏe hơn chiếc xe của tôi, tôi phải nhận gần hết chân ga, mới đuổi kịp nàng. Đêm tối như mực, tôi chẳng hề chú ý tới đường sá, mà chỉ nhìn vào chiếc đèn đăng sau của xe nàng, mà cố đuổi theo. Hai chiếc xe lao đi như vũ, như bão, trong vòng ba khắc đồng-hồ, và, lúc đó, tôi cũng chẳng còn nhớ nơi đó là nơi nào, đường đó là đường nào? Tôi chỉ cắm đầu, cho xe đuổi theo chiếc xe kia. Chạy tới một rùng cây, đánh loáng một cái, rồi chúng tôi lại phóng lướt quanh ven bờ hồ, mặt hồ trắng xóa như một phiến bạc lớn mềm mông. Lăn lăn, đường lối cứ chùng như noi lên mỗi phút một cao, ấy thế mà, cả hai chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc-độ. Bỗng, tôi vụt nhận thấy cái cuộc thi đua này sắp sửa tiến tới một sự nguy-ngập, vì lẽ, Bạch-Tần vốn dĩ có tính hiếu thắng, nếu tôi càng tăng-gia tốc-độ, không khi nào nàng chịu thua và cứ như thế, tai nạn có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Tuy nàng lái giỏi, nhưng hiện thời, nàng là một bệnh nhân, sự mệt mỏi có thể làm cho nàng thất thố, mà,

con đường này, leo dốc, lên núi với rất nhiều khúc gấp chữ chi, Bạch-Tần chỉ sênh tay lái một tý, là bao nhiêu trách nhiệm sẽ đổ hết lên đầu tôi.

Nghĩ tới đó, tôi bóp mạnh hai tiếng còi, rồi tôi cho xe đi chậm dần dần lại, bỗng, trong cái chớp mắt tiếng rít của cái hãm xe, tôi thoáng nhìn thấy chiếc xe xaph, lao ra khỏi con đường núi. Hải-Lan hét lên một tiếng thật thanh, tim tôi đập mạnh, mồ hôi tôi đổ ra như tắm, tôi cố chần tỉnh, cho xe từ từ đi tới chỗ tai-nạn. Trời tối đen như mực, nhìn xuống dưới, tôi trông thấy lơ-mờ cái xe Bạch-Tần. Tôi vội vàng xoay chiếc đèn chiếu ở bên, để chiếu xuống mé núi, nhưng tôi chỉ toàn cây cối rậm-rạp đen sì và bao nhiêu cành cội gãy nát vì thân chiếc xe đổ lăn phải. Tôi liền để chiếc xe của tôi sát vào mé đường, rồi tôi dặn Hải-Lan ngồi đó đợi tôi và hề cô thấy có xe nào đi qua, thì cầu-cứu. Còn tôi, một mình, tôi đạp bừa lên cây cối đổ, gãy, cễ dôi theo vết của chiếc xe xanh. Chân, tay, mặt mũi tôi bị gai góc cắt nát, chỗ nào hình như cũng bị rỏ-m máu; áo quần

tôi bị xé rách tả tơi; tôi cứ cắm đầu xuống dốc núi, chẳng thấy đau đớn vì hết, tim tôi đập như muốn phá lồng ngực tôi ra. Trong khi đương mê-man ấy, bỗng tôi nghe thấy tiếng gọi ới ới của Hải-Lan. Tôi đứng chân, quái cổ lại hết cô đứng có xuống, nhưng cô chẳng nghe, cứ lăn xả chạy theo, tôi đành để mặc cô ấy.

Mãi nửa giờ sau, tôi mới lăn mò tới chỗ chiếc xe, nó đổ nằm nghiêng, cạnh một gốc cây lớn, cơ chừng cái cây đó đã ngăn hẳn đà lăn của chiếc xe bị nạn. Nhưng, tôi tìm cả trong xe, lẫn ngoài xe, tuyệt nhiên, không thấy Bạch-Tần. Tôi bèn nằm áp xuống mặt đất để nhìn ở dưới xe xem, nàng có bị đè ở đó không, tôi cũng chẳng thấy gì. Vừa sợ, vừa lo, tôi đỡ chừng, có lẽ nàng đã bị hất ra ngoài, trong khi chiếc xe lăn đi long-lóc. Tôi cố tìm ở chung quanh gần đó và cứ thế, tôi quờ-quạng hết bụi rậm này, đến bụi khác, trời vẫn tối đen; cùng thế, tôi đành tự nhủ, phải mau trở về báo cho người nhà, và đem theo đèn đuốc để tìm kiếm, mới xong. Vừa

nghe tới đó, tôi vụt trông thấy ở phía tả, có bóng người động đậy, tôi cố ngoi lại, vừa đi, vừa gọi. Sau, tôi chợt nghe rõ ba tiếng rên-rỉ: « Cứu tôi với! ». Rõ ràng tiếng kêu của một người con gái. Tôi rất đỗi ngạc nhiên, không lẽ Bạch-Tần lại còn kêu gọi được với một giọng trong-trẻo như vậy. Tôi khi lại gần, tôi mới nhận ra, tiếng kêu cứu đó là của chính Hải-Lan. Cô vừa run-rẩy vừa nói:

— Em bị ngã và cứ thế, lăn tuốt xuống dốc núi...

Toàn thân cô đều nhuộm bùn vấy cát; hai bàn tay cô đều tím máu, y-phục cô rách mướp cả, và, cô chỉ còn có mỗi một chiếc giày ở một bên chân. Không để cho tôi hỏi thêm, cô chỉ về phía trước, và nói:

— Ở đằng kia, Bạch-Tần ở đằng kia, anh mau đi cứu Bạch-Tần!

Theo phía trở của Hải-Lan, tôi bèn tiến tới chỗ có một đồng gì lơ mờ trắng.

Tôi gọi:

— Bạch-Tần!... Bạch-Tần!

Tiến tới bên nàng, nàng khẽ rên rỉ và định nói, tôi lấy tay bịt miệng nàng và bảo nàng

cứ nằm yên, đừng nói làm gì cho mệt. Nàng liền nhắm mắt lại một cách ngoan-ngoãn.

Tôi nhìn thấy vết máu loang trên tay áo nàng, nhưng may vết thương cũng nhẹ thôi, tuy máu ra khá nhiều, làm ướt đầm cả cánh tay. Tôi vội vàng xé một mảnh áo của nàng, để buộc chặt chỗ thương-tích, cho máu khỏi chảy, rồi tôi bế xốc nàng lên trên hai cánh tay và đi trở lại chỗ Hải-Lan ngồi. Tôi bảo Hải-Lan sờ giầy vào chân cho Bạch-Tần, rồi tôi diu cả hai người bước cao bước thấp, lên tới chỗ xe đỗ của tôi.

Liền đó, tôi lái xe đi thẳng đến một y-viện gần đây nhất. Đầu và mặt của Bạch-Tần đều có mấy vết thương nhẹ, duy đuôi bên hữu bị va phải khá mạnh, nên rất đau nhức, nhưng không đến nỗi gãy xương là may, chỉ trong vòng một tháng điều-trị, là có thể vô sự.

Trong khi thầy thuốc băng bó cho Bạch-Tần, Hải-Lan ngồi ở bên cô chẳng nói, chẳng rằng, nhưng, khi cô nhìn thấy bộ mặt nhợt nhạt, thất sắc của Bạch-Tần, thì cô không sao ngăn

nổi nổi lòng, nên cô rung rung đầy mắt lệ. Bạch-Tần thấy thế, cũng cảm lòng chẳng đậu, vừa giọt ngấn, giọt giãi, vừa nắm lấy tay cô và nói bằng một giọng vô-cùng thương-cảm:

— Hải-Lan, em thương chị đến thế kia à? Quả tình, chị đã làm cho em đau khổ quá nhiều vì chị..

— Chị đừng nghĩ thế, chị có lỗi gì đâu! mà, chính em, em đã có lỗi...

— Tại vì em yêu anh ấy, phải không?

— Không phải hẳn thế...

— Chị hiểu rồi, em yêu anh ấy, và, anh ấy yêu em, chứ gì?

— Em nhận thấy rõ ràng, anh ấy yêu chị, nên mới rủ em hết lòng phục-thị chị, mà, sở dĩ tại em yêu chị nên anh ấy mới thành người yêu của em.

— Anh ấy là người yêu của em?

— Vâng, cả hai chúng em đều vĩnh-viễn kính-ái chị, mà.

— Thế, có phải em yêu chị hơn tất cả các cái khác, ở trên đời này không?

— Vâng, em yêu chị hơn tất

cả các cái khác, ở trên đời..

Bạch-Tần khẽ kêu lên một tiếng « á » rồi nhắm mắt lại, tự hồ như tâm-thần nàng đã được, rất đỗi an-úy, vậy.

Mãi tới khi Hải-Lan ra khỏi phòng bệnh, cô mới kể lại cho tôi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện trên đây. Tôi liền bảo cô, mau mau đi gọi điện-thoại, báo tin cho thái-thái Thê-tư-Lăng biết sự thể. Còn tôi, tôi cũng đi gọi dây-nói cho y-sư Xa-lạp-Mỹ, ông hẹn tôi, khi nào thái-thái Thê-tư-Lăng đến bệnh-viện rồi, thì tôi phải đến ngay Ba-Lê, để ông hỏi chuyện.

Chỉ một lát sau, là thái-thái Thê-tư-Lăng tới nơi. Tôi hết bối-rối, chưa biết nói thế nào, thì Bạch-Tần đã kể cho bà mẹ nghe tình đầu tai-nạn, duy có một điều, là nàng không hề đã-động tới việc tôi đuổi theo xe của nàng, mà đến nỗi xảy ra có-sự, nàng chỉ nói, nàng lái xe, đã gặp nạn và may có tôi đến cứu, thế thôi; thái-thái rất đỗi cảm-kích đối với tôi, nhưng, riêng tôi, tôi càng thấy tự thẹn vô-cùng.

Chiều hôm đó, tôi về Ba-Lê để gặp y-sư Xa-lạp-Mỹ. Sau khi nghe rõ đầu đuôi, y-sư đưa tôi cùng đi đến « Thánh-tâm y-viện » để thu-xếp với quan thầy, cùng là thuê bệnh-phòng sẵn, để đem Bạch-Tần về đây điều - dưỡng. Ngay sáng hôm sau, tôi cùng ngồi trên chiếc

xe của bệnh-viện Thánh-tâm, để đi đón nàng.

Từ hôm ấy, Bạch-Tần nằm chữa bệnh ở y-viện Thánh-tâm, có Hải-Lan ngày, đêm, ở bên nàng; còn tôi, cứ một vài hôm, tôi lại đến thăm nàng một lần.

(còn tiếp)



★ CON GÀ MÁI

Một bà mẹ dẫn cô con gái điên đến nhà thương điên :

- Thưa Bác-sĩ, con gái tôi, nó cứ bảo rằng nó là con gà mái.
- Con gà mái ? Cô ấy bảo thế từ bao lâu rồi ?
- Thưa một năm nay rồi.

— Một năm nay cô ấy cứ tưởng mình là con gà mái, mà mất đến hôm nay bà mới đưa cô đến đây chữa bệnh ?

— Dạ, vì một năm nay chúng tôi còn nghèo lắm chưa có tiền đi Bác-sĩ, cho nên chúng tôi tạm chữa bệnh cho cháu bằng cách khác.

— Bằng cách nào ?

— Dạ, cứ mỗi lần cháu kêu « tục-tục... tác ! Tục-tục... tác » thì tôi đưa cho nó một cái trứng cho nó ấp, thế là nó hết kêu, và nó ngồi yên.

Bà mẹ vừa nói xong thì cô gái điên bỗng đứng kêu lên : « Tục-tục... tác ! tục-tục... tác ! » và chạy ra vườn. Bà mẹ lật đật lấy trong bóp ra một cái trứng gà, và chạy theo kêu : « Trứng đây, con ! Trứng đây, con ! » Bà để cái trứng trên cỏ. Cô gái điên ngồi ôm cái trứng vào lòng, yên tĩnh như thường.

Bác-sĩ thấy vậy, liền bảo bà mẹ :

— Được rồi, bà cứ về đi, và nhớ mỗi ngày bà đem đến đây cho nó một cái trứng.

B. T

Thơ

LÊN RUỘT

★ ĐIỀU-HUYỀN ★

Thiên - lô i

Tình-cờ hôm qua tôi gặp một cô có dính-liu trong vụ « Luồn sư » giả, cô cười sằng-sặc và kể-lể với tôi như sau đây :

Tự-dưng bạn gái bị hàm oan,  
Chỉ tại lưu-mạnh mấy chú chàng !  
Kim-cổ, Á-Âu, xin thử hỏi :  
Gái khôn ai chẳng kén chồng sang ?

Đâu phải vì tôi hám bạc tiền,  
Ngồi mơ biệt-thự với buyn-đin !  
Đâu thèm hào-nhoáng xe-hơi Mỹ,  
Mà chỉ ham chàng nghiệp bút-nghiên !

Nếu bạn chăm-lo việc học-hành,  
Tài cao, đức trọng, được thơm danh,  
Hỏi ai, tiên-nữ trên trần-thế,  
Chẳng muốn trao chàng cặp mắt xanh ?

Tướng chàng thi-cử được vinh-quang,  
Đem hết tài-năng chiếm bằng vàng.  
Nở mặt nở mày cùng xã-hội,  
Nở tai nở mũi với bằng-quan !

Tôi chỉ ước mong có một ngày  
Chàng làm quan Trạng để dương-oai,  
Trước tòa bênh-vực bao cô gái  
Bị bỏ bùa mê chết đăm say !

Bởi vì thời buổi lắm lưu-manh  
Dở đủ trò gian bịp gái lành.  
Bởi lắm cô nàng ham lớp vỏ  
Cho nên bị lột sạch-sành-sanh !

Nào có dè đâu, ối bạn ôi !  
Trời tru đất diệt đứ thiên-lôi !  
« Luật-sư » lại chính tên phù-thủy,  
Mà bị bùa-mê lại chính tôi !

Thời-thế chẳng qua hỗn-độn mà !  
« Luật-sư », « Bác-sĩ », « Kỹ-sư » ma !  
Muôn hình vạn tượng kia vênh-váo,  
Đố biết là đâu *chánh* với tà ?

Một lần trót dại, học thêm khôn,  
Nhấn-nhủ ai ai hãy liệu hồn !  
Bao kẻ xưng-hô thần với thánh,  
Coi chừng ! Kẻo trúng lũ quan-ôn ! !

DIỆU-HUYỀN

TRỌNG-TẦU  
và BA TÈO

Chuyện  
CÀ - KÊ

ANH

TRUNG HOA

\* Tặng các bạn ghiền  
rượu Whisky.

Ở bên Anh, tại hải-cảng  
GLASGOW, vừa rồi một hỏa  
hoạn hi-hữu thiêu hủy cả một kho  
chứa rượu Whisky. Có tất cả  
55.000 gallons (mỗi gallon là 4  
lít 54, vị chi 269.900 lít) bị cháy  
phục lên như một biển lửa. Lửa  
rượu bốc lên cao tới 35 thước.  
(Xin nói : Lửa rượu, chớ không  
phải lửa tình !) làm cho nhiều  
người chết trong số đó có 20 lính  
cứu hỏa vì tận tụy nghề nghiệp, đã  
bỏ mình với rượu. Có những kẻ  
chán đời, thấy rượu cháy đỏ rực  
mặt đất, tưởng đã đến ngày tận-  
thế, vội vàng nhảy múa reo cời !  
Trái lại, những bợm ghiền rượu  
« huyết-ki » chỉ muốn nhảy vô chết  
trung thành với rượu !

\* Bợm rượu Lý-thái.  
Bạch.

Ở bên Tàu, đời xưa cũng đã  
có người chết với rượu vì nghiệp  
chương : cái nghiệp THƠ. Đó  
là Lý-Bạch. Ông là một thi-hào  
đời Đường. Được Hạ-Tri-  
Chương tiến dẫn lên Vua  
Đường-Huyền-Tông và được  
nhà vua rất yêu kính. Một hôm  
nhà Thơ uống rượu say (chắc là  
rượu để không phải Uýt-ki) say  
« ba-gay » để cả quần, áo, mũ,  
giày nằm ngủ khoèo. Vua sai  
Cao-Lực-Sĩ cởi giày cho họ Lý.  
Cao tự cho là nhục, bèn tìm cách  
báo thù ; nhân họ Lý có làm bài  
thơ ví Dương-quí-Phi với Triệu-  
phi-Yến, họ Cao vin vào đó để  
dèm pha. Dương-quí-Phi đâm ra  
thù ghét Lý - Bạch. Rốt cuộc

lệnh ông không bằng công bà, nhà vua cũng phải nghe theo người đẹp mà ghét theo. Lý-Bạch buồn chán muốn lên chơi trên cung Trăng, đem bầu rượu túi thơ lên ve vãn cô Hằng Nga. Có lẽ vì ông muốn đi gấp quá mà thừa đó chưa có hóa-tiến, nên một hôm đang uống rượu trên đồ, nhìn ánh trăng dưới sông, ông tưởng đã cùng nàng Nguyệt mặt nhìn mặt, vội vã nhẩy ùm xuống nước. Hằng Nga không gặp, nhưng, than ôi, giòng nước kéo luôn Thi-sĩ họ Lý xuống đáy sông với vua Thủy-tề!

**VIỆT - NAM**

★ **Bán Thơ cho Trời**

Ở bên « Ta » cũng chẳng kém về rượu và thơ. Chiến-sĩ diên-hình, phải kể nhà thơ Nguyễn-khắc Hiếu. Khí thiêng sông Đà, núi Tản đã ụn đúc một thi-sĩ TẢN - ĐÀ bất hủ. Nhà thơ này, khi say thì cũng không kém gì Lý-Bạch, « mô-phú » cả trời, bởi vậy đã có lần ông gánh một gánh Thơ đi lên trên chợ Trời để bán « xôn ».

Nhưng, Trời không mua, chề rằng :

« Văn-chương hạ-giới rẻ như bèo ! »

Tội nghiệp Thi-sĩ Tản-Đà phải gánh lộn về Trái Đất đầy gió bụi, để cho bọn hậu-sinh chúng ta ngâm-ngã chơi vậy !

**ĐẢO SICILE**

★ **Con sư tử mơ-mộng**

Các bạn ơi, không phải riêng gì loài người mới có Thi - sĩ mơ-mộng nhé ! Loài sư tử cũng biết mơ-mộng vậy ! Ở Raguse (Sicile) vừa rồi có một con sư tử cái của gánh xiếc nọ bỗng dựng sộ lông để đi lang thang trong thành phố. Thấy một cảnh nhà đẹp, sư-tử ghé vào thăm. Trong nhà chỉ có một bà già và đứa bé con lên 2 tuổi. Sư - tử có vẻ mơ - mộng, không muốn ngó hai bà cháu kia, mà chỉ ngửi các đồ đạc trong nhà. Thơ thần ở đó độ nửa giờ, thì nhân viên gánh xiếc mới vác lưới, vác súng sáu, đến để mời cô Sư-tử trở về chuồng. Nhưng cô

nàng đã thót lên đi-văng năm ngủ, đôi mắt lửa bập-bùng lim-dim... Ai nấy đề yên không dám phá giấc ngủ của Nàng Sư-Tử.

**MỸ**

★ **Bao giờ tận thế, hả « chị Diệu-Huyền » ?**

Tổng Tham Mưu Trưởng James Ferguson, phó trưởng phòng nghiên - cứu không-gian Mỹ, vừa tuyên bố tại Washington rằng Chính - phủ Mỹ đã quyết định đặt một căn cứ quân-sự tại cung trăng.

Ngoài ra, trong một bài diễn văn đọc trước hội nghị Liên - Hiệp kỹ-sư Quân đội Mỹ, Đại-tướng Fertuson còn nói thêm : Những nghiên-cứu tương-tự cũng đang được khởi-sự để đặt một nhà ga giữa không gian (Space Station) cách xa trái đất năm ngàn dặm, để làm cái trạm dọc đường lên cung Trăng. Có lẽ trái đất muốn thành quả dưa bở, sắp nứt nẻ hết rồi, và đến ngày tận thế hay sao mà các ông đã lo tìm đường di-cư lên Nguyệt-diện ?

Hèn chi « bà Tú » nhà ta đã lo cuống-cuống, chưa chi đã hỏi thăm « ông Tú » đường đi lên Thiên-đàng ở đâu ?

Ông Tú chơi ác, cứ chỉ đường xuống Địa-ngục mà thôi ! Hà hà !

**PHÁP**

★ **105 tuổi mà còn đi học.**

Cái ông cụ già này, tên là Pierre - Jean de Dieu - Besson, không phải là Thi - sĩ, mà là Luật-sư. Ông lại là niên-trưởng các sư luật Pháp, đã già khụ rồi (105 tuổi) mà bày đặt đi học và đi thi như trẻ con. Trong kỳ thi tú-tài vừa rồi, cụ làm một bài dịch tiếng La-tinh được số điểm 14/20, và đỗ vào hạng bình. Cụ Luật-sư Dieu-Besson vừa ăn thượng thọ 105 tuổi, sanh ngày 20 tháng 2 năm 1855. Thưa Cụ, bên nước Việt-nam chúng tôi, có xứ Vương-Hồng-Chương không cần đi thi mà cũng đậu « Luật-sư » đó Cụ ạ ! Còn thì có hàng tá Tú-Tài, Cử-nhân, Bác-sĩ, Kỹ-sư, v.v... chả cần đi thi đi cử mà cũng có « hăng cấp » như Cụ vậy, Cụ ơi !

## PHÁP

★ Dây Thiên-Đường trên  
nóc toa xe lửa !

Ông già Gino Pistarla, 70 tuổi, một nhân viên hỏa xa Pháp hồi hưu, chán đời, hôm vừa rồi, cũng muốn đi lên Thiên-đường sớm, nên đã mượn đầu máy xe lửa để kết liễu đời mình. (Nghĩa là ông Cụ định nhờ chuyến xe lửa chở linh-hồn ông lên Thiên-đường Ông đâm đầu vào chuyến xe lửa tốc-hành Paris-Vintimille. Có lẽ chiếc đầu máy xe lửa vị tình đồng nghiệp (cùng dân « Sơ-manh đờ phe » với nhau mà há!) nên không muốn giết ông già, chỉ cán gậy một cái giò và hất bắn ông lên nóc toa hạng nhì của đoàn tàu đang chạy ngon trớn, để ông nằm bất tỉnh trên nóc toa, máu chảy đầm-dề mà không chết !

Đầu tàu cán gãy 1 giò ông để cảnh cáo : từ nay còn độc có một chun, cho cụ hết đời đi lên Thiên-đường !

## ANH

★ Ông Giáo-sư Văn-  
Chương độc đáo!

Giáo-sư Bonhomme ở Londres (Anh-quốc), được cử vào dạy

lớp Văn-Chương cho tù-nhân gương mẫu tại khám đường Wands Worth. Tất cả các tù-nhân trong khám đều được theo lớp tối về văn chương cổ điển của giáo-sư. Nhưng thay vì dạy chữ, ông giáo-sư lại thích làm liên-lạc-viên cho tù nhân với gia-đình họ và giúp họ thực hành triết-lý « vượt ngục » ! Ông còn lên giúp họ một số dụng cụ cần thiết nữa : nào giấy, nào dao, nào khoan, nào búa, v. v. . . Không dè một đêm nọ lính gác đã bắt gặp 30 tù nhân, đang cưa, đục, đẽo, làm chìa khóa giả mưu toan mở cửa vượt ngục. Thế là 30 anh tù, học-sinh của giáo-sư, vì học chưa thuộc bài nên không vượt ngục được, mà giáo-sư văn-chương lần này lại phải vào ở luôn trong khám lớn !

## BA LAN

★ Tờ di-chức của anh  
ăn mây.

Đề khinh bỉ người nghèo khó, người ta thường mắng : Đồ ăn mây ! Daniel một « đồ ăn mây » thường trực ở những nhà thờ tại Varsovie vừa chết vì đói và rét. Nhưng cảnh-bình hết hồn khi khám phá ra sự lạ sau đây : Một tờ di-chức của anh ! Tờ di-chức của Daniel cho 36 người

bạn nghèo được thừa hưởng gia tài của anh đã dành-dựm được. Những kẻ được hậu đãi thì được chia đất cát ở Bucarest và Varsovie, còn kẻ khác mỗi người hưởng chừng 2 triệu đồng Zlotys (chừng 400.000\$ V.N.) dấu trong bình bông hoặc dưới sàn gỗ ! Các bạn thấy không ? Từ nay có thấy « ăn mây », đừng có khinh họ là « đồ ăn mây » nữa nhé !

## Y

★ Tám nàng Tiên « oánh  
lộn » !

Trong thành phố Palerme, có tám tiên-nữ vừa bà vừa cô, từ 18 đến 54 tuổi vừa « oánh lộn » kịch liệt chỉ vì cãi nhau về màu áo. Các bà lớn tuổi cứ nhất định cho rằng màu đỏ là màu đúng thời trang, trái lại các tiên cô choai choai cương quyết cho màu hoa cà là đúng mốt. Thế là một nọ và một kia, hai phe nữ chiến-sĩ kịch chiến bằng đá, bằng thanh sắt. Báo hại mấy cái áo tả tơi, và người có phận sự lại phải đi « sót » mấy tiền bị lỗ đầu chảy máu vô năm nhà thương ! Xin can trước mấy bà mấy cô tiên-nữ Việt-nam đừng có « oánh lộn » theo kiểu đó ở đường Bô-na !

## ★ Chuyến tẩu hạnh phúc

Đã trễ tàu mà còn chạy kịp tàu đê leo lên, đó là trường hợp

cô em 14 tuổi tên là Cristina Pepe ở Naples (Ý), vừa rồi. Cô em đã nhậy kịp tàu, lại vô tình nhảy trúng lên toa của anh chàng soát vé tên Stefano Chiareli 24 tuổi. Hai người nhìn nhau cười, thế là có tiếng sét ái-tình xoẹt qua hai trái tim. Thế là cô em 14 tuổi nhảy trúng toa rồi lại nhảy trúng luôn vào tim anh chàng soát vé ! Thế mới biết duyên số con người có thể quyết định trong vài giây đồng hồ, chớ không cần lâu. Cô Cristina Pepe vừa làm phép cưới với chàng Stefano Chiareli nhờ chuyến tàu tri ngộ nói trên ! Nàng là người vợ trẻ nhất của nước Ý hiện nay, kém thua chàng 10 tuổi thôi.

## PHÁP

★ Tiền nhuận-bút của  
ông Tổng-Thống.

Tổng Thống de Gaulle có cho phép các báo ngoại quốc đăng trước quyền thứ 3 trong bộ « Chiến-sự Hồi-ký » của ông. Tổng-Thống được tiền nhuận-bút tất cả 100 triệu quan. Vừa rồi, ông lấy hết số tiền này tặng cho 10 cơ-quan từ-thiện của nước Pháp, giúp các phụ nữ và nhi-đồng nghèo khổ. Có lẽ tại vì Tổng Thống de Gaulle ân-cần thương-xót dân nghèo của xứ ông cho nên ông được nhân-dân Pháp hoan-hô ông nhiệt-liệt đó chăng ?

Minh Oii \*

ngày

lời

Gần

tận

thế?





**B**À Tú tánh hay bộp chộp lại ngây thơ, nghe vài tờ báo nói sắp đến ngày tận thế là bà sợ cuống quít lên, tưởng ngày tận thế sắp đến nay mai thật! Bà không muốn thế vì bà đang sống trong tình yêu êm đẹp tuyệt vời. Bà không muốn thấy những bất ngờ ghê gớm đe dọa số kiếp nhân loại và riêng hạnh-phúc của Bà, như đã tả trong một trang sách của Albert Camus...

8 giờ sáng chủ-nhật, Bà nằm đọc báo trong chiếc võng tơ treo dưới bóng mát hai cây lệ liễu ngoài vườn. Con mèo trắng «Mimi» ngồi trên bụng bà, đón lùa gió hiu-hiu nhẹ nhàng, mát mẻ. Dưới chân bà, ánh mặt trời đùa đón với bóng cây bóng lá. Ông Tú ngồi nơi bồn bông gần đấy, tăng tiu mấy khóm hoa hortensia, và hoa pétunia rực rỡ các sắc màu xinh đẹp.

Bỗng bà Tú cất tiếng thỏ-thẻ gọi ông. Tiếng bà trong veo như màu pha-lê của vòm trời tươi sáng:

— Minh ơi!

— Ơi.

— Minh coi tờ báo này rồi chưa?

— Chưa.

— Mấy bữa rày Minh coi báo có thấy gì lạ không?

— Không.

— Trong báo nói quả đất sắp đến ngày tận thế, Minh không thấy sao?

— Tận thì tận! Anh còn mong nữa đó.

— Thế thì hai đứa mình cũng sắp chết queo đến nơi rồi hả?

— Ừ, chết thì chết! Anh tán thành!

— Mà trái đất sắp lộn tung-phèo, bề làm ba làm bốn mảnh, còn loài người thì chết rụi hết, thật không hả Minh?

— Nhưng ai bảo Minh thế?

— Trong báo nói đây nè.

— Nhà báo nói láo ăn tiền... Hơi đầu mà nghe!

— Chớ không phải khoa học tiên đoán được ngày tận thế sao?

— Khoa-học chẳng bao giờ tiên đoán ngày tận thế. Trái lại, khoa học cứ tiến tới mãi, tiến tới hoài, và người ta không thể biết trước đến bao giờ nó mới ngừng. Còn trái Địa cầu đến ngày nào mới ngừng xoay, giờ nào nó sẽ bề nát như trái sung chín rụng xuống đất, thì khoa học làm sao mà biết được! Họạ chẳng một vài tôn-giáo có cho ta biết trước để phòng-bị lo «cứu-vân linh-hồn»...

— Tôn-giáo làm sao biết được, hả Minh?

— Có Chúa bảo.

— Chúa nào, hả Minh? Và Chúa bảo sao?

MINH ƠI!

— Trong **THÀNH-KINH** (LA BIBLE), của đạo Gia-Tô, Đạo Tin-Lành, Đạo Cơ-đốc Phục-Lâm, có nói đến ngày tận-thế. Kinh *Saint Matthieu*, trong bộ **TÂN-ƯỐC**, ở chương «*Phiên xử-tội cuối cùng*» có chép: đến ngày tận số, thì những người được kêu lên đứng bên tay phải của Chúa sẽ được Chúa cho lên ở Thiên-Đàng, sống mãi-mãi, không chết. Còn những người bị bắt đứng bên tay trái của Chúa là những người sẽ bị giết chết vĩnh-viễn. — Nhưng kinh *Saint Matthieu* không nói rõ thiên-đàng ở đâu, và những kẻ bị tội chết sẽ chết cách nào. Đến kinh *Apocalypse*, (của Saint Jean) là quyển kinh chót trong bộ **TÂN ƯỐC**, thì có tả rõ-ràng hơn. Theo kinh ấy, ngày tận-thế sẽ là ngày Thế-giới bị tiêu-tan, Đức Chúa Con (Đấng Christ — Fils de Dieu) sẽ hiện ra trên trời xanh. Chúa ngồi trên một chiếc ngai vàng rực-rỡ và đội mũ vàng. Hai bên Chúa có 24 ông già mặc áo trắng ngồi trên 24 chiếc ngai. Đó là mấy vị Thiên-thần, và cũng là mấy vị Quan Tòa. Chung quanh Chúa có bốn con thú: một con Sư-tử, một con Bò rừng, một

con Kỳ-lân đầu người mà đuôi ngựa, và một con chim Phượng hoàng. Bốn con thú này có vô số con mắt để ngó được khắp các phương trời. Bên chân Chúa là một con Chiên có 7 sừng và 7 mắt. Các vị Thiên-thần xét hồ-sơ từng người, những kẻ sống và những kẻ chết, (kẻ chết tạm bây giờ chỉ xuống ở dưới *Purgatoire*, còn đợi phiên xử cuối-cùng của ngày tận-thế). Những kẻ nào tin CHÚA, theo Chúa, sẽ được gọi là ELUS, được đặc-đạo, được Chúa thương yêu. Họ sẽ được mặc áo trắng và cầm một lá dừa (palme) trong tay, để phân biệt với những kẻ có tội, là những kẻ không tin Chúa, không theo Chúa, mà theo con quỷ SATAN. Bắt đầu cuộc hành-phạt, một vị Thiên-Thần thổi một tiếng còi thứ nhất (trompette), nghe âm-u rùng-rợn. Tức thì một trận mưa máu đỏ ào-ào xuống, lòi cuốn loài người có tội lổ xuống biển máu. Rồi hồi còi thứ hai, một trận mưa lửa rót xuống, đốt cháy quả Địa Cầu. Rồi hồi còi thứ ba một ngôi sao hỏa-tinh rụng xuống, lửa chảy tan ra thành rượu Absinthe (thứ rượu mạnh nhất, uống nhiều vào sẽ bị cháy

da cháy thịt) để tiêu hủy những kẻ còn sống sót. Một tiếng còi thứ tư, mặt Trời, mặt Trăng và các vì Tinh-tú sẽ tắt hết. Thế là tiêu-tan cả vũ-trụ. Chớ không riêng gì Trái Đất. Khi cuộc hành phạt của ngày tận-thế đã chấm dứt, ngục thất trần ai sẽ không còn mây-may gì, thì Chúa Trời sẽ thổi ra một ánh sáng mới, tạo-lập một cảnh đời mới để cho những người con tin-tưởng nơi Chúa. linh - hồn đã hoàn-toàn được cứu thoát khỏi địa-ngục, được ở đời đời kiếp kiếp với Chúa, trong hào-quang diễm-lệ và trong sạch của Thiên-Đàng. Đó là cảnh-tượng ngày Tận-thế, theo tín-điều của Gia-tô-giáo. Sau ngày ấy, chỉ những kẻ nào đã tin - tưởng nơi Chúa và linh - hồn đã được cứu vãn khỏi tội lỗi mới còn sống lại với Chúa trong một cuộc đời mới và một thế-giới mới.

— Chuyện đó sẽ có thật không he ?

— Mình hỏi tức cười ! Thật, hay không, chỉ có Chúa Trời biết, chớ cái thằng phàm phu tục tử này làm sao biết được ? Anh chỉ kể lại cho mình nghe những điều ghi chép trong bộ kinh Tân Ước của Đạo Gia-Tô đó thôi.

— Thế thì trong Thánh kinh có nói chừng nào sẽ tới ngày tận thế không hả Mình ?

— Không. Trong Kinh Saint Matthieu, chương XXIV, 36, có nói rằng Chúa Trời không cho ai biết trước ngày giờ tận thế. Nhưng tất cả tín đồ Gia Tô-giáo đều tin chắc là ngày ấy sẽ đến. Đạo Tin Lành cũng tin như vậy. Đạo Hồi-giáo cũng dựa theo kinh Bible mà tin sẽ có ngày tận thế, chỉ khác một cái là Chúa của Đạo này là Mahomet đại diện của Chúa Allah tối cao, sẽ chủ tọa "phiên xử cuối cùng" chứ không phải Chúa Jésus Christ, con của Chúa Cha, bên Đạo Gia-tô.

— Mình ơi, thế sao dạo này các báo thường nói là sắp đến ngày tận thế ? Các báo căn cứ vào đâu mà quyết đoán như vậy ?

— Có lẽ họ theo cái thuyết của Đạo Cơ-Đốc Phục Lâm (AD-VENTISTES) Đạo này tin rằng giờ tận số của loài người không còn bao xa. Họ ví dụ giờ tận thế là đúng 24 giờ, thì đồng hồ của Chúa đã chỉ 24 giờ kém 5 phút. Theo sự phán đoán của Cơ Đốc Phục Lâm, các bom nguyên - tử của loài người đã chế ra, chính là cái diêm báo hiệu cho ta đợi

Một cảnh hoang - tàn  
sau khi động đất

chờ ngày tận-thế rất gần gụi đây, Anh có đọc quyển « Minuit moins cinq » (kém 5 phút đầy nửa đêm) đó là lời báo-dộng cho loài người dự bị gặp gặp theo về với Chúa kéo ngày tận thế không còn bao xa.

— Mình có tin không ?

Ông Tú hái một cành hoa hồng vừa mới hé nụ, đẹp và thơm làm sao ! Ông nung - niu nụ hoa, đem lại bà Tú, vừa đi vừa nói :

— Không ! Anh không tin là Thượng-đế sẽ tàn nhẫn với loài người đến như thế !

Ông ngồi xuống vông, khẽ nghiêng mình trên ngực bà, và trao bà cánh hoa hàm-tiểu :

— Đây, anh tặng mình một nụ cười của Thượng-đế.

Bà Tú âu-yếm nhận hoa, đưa lên mũi ngửi :

— Nụ cười đẹp quá, và thơm quá nhỉ ! Đẹp và thơm giống như nụ cười của anh Tú yêu quý em.

Rồi bà đưa lại ông Tú :

— Mình kết hoa lên ngực cho em.

Bà âu yếm hôn vòm trán cao của chồng, rồi hỏi tiếp :

— Mình ơi, theo mình, không có Thiên - đàng và Địa-ngục thật

sao hả Minh ?

— Muốn có thì có, muốn không có thì không có...

— Nếu như có, thì Thiên-đàng và Địa-ngục ở đâu ?

Ông Tú châm diếu thuốc hút, túm-túm cười :

— Anh rất tiếc là không thể trả lời câu hỏi đó của em, vì lẽ rất giản-dị là anh chưa có dịp đi du-lich đến thăm hai nơi ấy.

— Trong các sách Sử - Địa, không có nói sao, Minh ?

— Thế thì hỏi Minh còn học trường Gia-long, các cô giáo dạy môn Sử-Địa có dạy mình Thiên-đàng và Địa-ngục ở đâu không ?

— Sách của em học toàn là đề thi Trung học đệ nhất cấp, hồng có sách Sử-Địa về Thiên-đàng và Địa-ngục, Minh à. Nhưng em nghĩ rằng sách của Đại-học Bách-khoa thì có.

— Rất tiếc là anh không có học trường Đại-học Bách-khoa. Nhưng anh nhớ mang-máng rằng Thiên-đàng và Địa-ngục có bốn năm nơi lận.

— Ở đâu, hả Minh ?

— Theo như các sách kinh của Đạo BÀ-LA-MÔN, (*Brahmanisme*) thì Địa-ngục, gọi là BHOUVANA, ở dưới Trái

Đất, nơi từng dưới thế-giới yêu ma (PÁTALÂS), gồm có 24 khu - vực. Những người chết xuống dưới, như bị đi tù đầy, kẻ tội nặng thì ở nơi khu - vực khổ-sai chung thân, kẻ tội nhẹ thì được biệt-đãi hơn, v. v. . . Rồi một thời gian mãn hạn những kẻ này được sống lại, trở về trần gian. Bên Nhật có hai nơi Địa-ngục. Địa-ngục của Phật-giáo gọi là JIGOKO, và Địa-ngục của Thần-đạo (SHINTO) gọi là YOMOTSU KOUNI, nơi đây có một vị Chúa ngục rất khắc - khổ, tên là SHOUSANOWO - NO - MIKOTO. Đạo Phật thì chia làm hai phái. Theo thuyết Nam-Tôn, tức là phái TIỂU - THỪA (HINAYANA), thì Đức Phật không quan-niệm ngày tận-thế. Cuộc đời là một luân - chuyển của nghiệp chướng (*Karma*). Con người sống hết kiếp này đến kiếp khác, luân hồi mãi mãi (*samsâra*) cho đến khi nào tu được đến chỗ toàn-thiện toàn - mỹ, hoàn-toàn giác-ngộ thì sẽ đến NIẾT-BÀN (NIRVÂNÂ), và thành một vị Phật.

— Niết - Bàn là Thiên-đàng, phải không Minh ?

— Không phải là Thiên-đàng

của thế-chất, mà là của tinh-thần thì đúng hơn. Là nơi vô sắc, vô hương, vô hình, vô ngã. Còn theo phái Bắc-Tôn của ĐẠI-THỪA (MAHAYANÂ) thì có Thiên - đàng, tức gọi là *Cực-Lạc Thế-giới* (SUKHAVÂTI). Trong kinh A-DI-ĐÀ, có chép : « Từ đây đi về Tây-phương kia, trải qua 10 muôn ức Phật-độ, có một Thế - giới gọi là Cực-Lạc ». Nơi đây dành riêng cho những người tu nhơn tích đức, và thật là một nơi thần - tiên, mà tất cả mọi vật đều là bằng vàng, bạc, châu báu, tứ bảo, thất bảo, lưu - ly, pha-lê, xa cừ, mã - não, v. v. . . Còn Địa-ngục gọi là NARAKA, hay là NIRAYA, là nơi giam nhốt những kẻ phạm tội-ác trên trần-gian. Tội nhân bị đủ thứ nhục-hình ghê-gớm, do bọn quỷ-sứ đầu trâu mặt ngựa, chim cú, rắn độc, chó ngao, cối đâm, cối dã, bàn chông, cưa xẻ, vạc dầu, v. v. . . có chừng 136 địa-ngục và nhiều cửa ngục.

— Còn đạo Hồi-Hồi ?

— Hồi giáo (ISLAM) cũng có quan-niệm rõ ràng về Thiên-đường và Địa-ngục. Theo Kinh CORAN mỗi người đều chịu

trách-nhiệm về hành-vi của mình trên trái đất. Tất cả những hành-động của mỗi người đều có các vị Thần biên-chép rõ-ràng trong một quyển hồ-sơ, tên là SIDDJIN. Đến một ngày nào đó, Chúa MAHOMET sẽ xét xử. Kẻ nào tốt sẽ được lên ở trên Thiên-đàng, tên là FIRDOUS, hay là DJENNET. Những tìn-đồ của MAHOMET đều được lên đây. Còn ngoại giả đều bị đày xuống Địa ngục, gọi là EL SAKKAR, hay là AL HOTAMA, nơi đây tội-nhân bị chết đói, chết khát, hoặc chết trong nước sôi. Còn những người lên ở Thiên-Đàng với Chúa ALLAH và Chúa MAHOMET thì được tha hồ hưởng các thú vui như ở trần-gian : dầu thơm, nước hoa, gái đẹp, v.v...

— Ở Thiên-Đàng Hồi-giáo, có cả gái đẹp để làm gì, hả Minh ?

— Minh hỏi lạ dữ hôn ! Có gái đẹp để yêu đương, chớ để làm gì ! Được yêu đương thả cửa mà ! Trong kinh CORAN cho phép đàn ông lấy ba bốn vợ, Minh không biết sao ? Ở thế-gian còn được lấy V1, V2, V3, V4, thì chùng lên Thiên-Đàng, Chúa ALLAH cho tha hồ lấy vợ, đến V35, cũng được nữa kia mà !

Bà Tú cười :

— Chi mà lạ rứa !

Ông Tú không cười :

— Lạ mần rặng ? Anh thì anh cho là không lạ chi mô ! Thế mới là đúng điệu chớ. Cho nên anh hoan hô Chúa Mahomet, và Chúa Allah ! Very good ! Very very good !

Bà Tú véo ông Tú đau điếng :

— Nói chuyện Thiêng - đàng, Địa ngục khác cho em nghe đi !

— Ừ, thì hãy bỏ cái tay ra đã ! Véo anh đau điếng, anh làm sao nói được ?

Ông Tú tùm tùm cười, nói tiếp :

— Theo người AI-CẬP, Địa ngục gọi là NUTGER-KHER, hay là TUAOU, có mặt trời chiếu sáng. Vì ở Ai-cập, ban ngày mặt trời chiếu trên dương gian, ban đêm mặt trời chiếu dưới âm phủ. Ở đây không có hình phạt như ở các địa ngục khác. Tội nhân bị tiêu diệt sạch sành sanh, không còn một mạng. Còn những người có đạo đức, thì được sống lại ở NUTGER-KHER, và không bao giờ chết nữa. Ở HY-LAP thì Địa ngục tên là HADÈS, ở về Phương-Tây, không có mặt trời. Hadès có 4 con sông bao bọc : Sông Styx, sông Cocyte, sông Achéron, và sông Pyryphlégéton. Cửa ngục có con chó ba đầu canh gác, tên

là chó CERBÈRE. Chúa ngục tên là HADÈS, có vợ tên là PERSIPHONÈ, và anh lái đò để chở các người chết qua sông, tên là CHARON. Trong ngục, lại còn có 3 ông quan tòa, tên là MINOS, RHADAMANTE, EAQUE... Minh có biết chuyện chàng Thi-sĩ ORPHÉE lên vô Địa ngục này để tìm người yêu của chàng là EURYDICE không ?

— Có phải tại vì cô nàng đẹp quá, bị chàng Aristée đuổi bắt nàng chạy trốn, bị con rắn độc cắn chết, phải không ?

— Phải. Minh hãy kể nốt anh nghe xem có đúng không ?

— Orphée nhớ nàng quá, bèn đi xuống âm phủ, quyết bắt người yêu về. Chàng đem theo ống sáo, vì chàng thổi sáo còn hay hơn Tiều lang ở bên Tàu nữa lận. Chàng bơi qua sông Styx, lên cửa ngục bị con chó Cerbère 3 đầu 6 mắt trông thấy, toan vồ chàng. Nhưng chàng thổi ống sáo hay quá, con chó 3 đầu 6 tai nghe mê rồi ngủ luôn. Orphée liền lên vào được ngục tìm gặp Eurydice. Nàng trông thấy chàng, mừng quýnh, nhảy tới bá cổ chàng và hôn thối là hôn ! Chủ ngục bằng lòng cho Orphée đưa người yêu về, nhưng với một điều-kiện, là chàng đi trước, nàng đi sau, và chàng phải ra đến khỏi cửa ngục mà không được quay lại ngoàng nàng. Orphée

vâng lời, nhưng vừa ra tới cửa Ngục thì chàng quay lại ngoàng Eurydice. Vì sai lời cam-kết đó mà chàng không được đưa người yêu về, chàng mất luôn Eurydice, tội nghiệp quá !

— Minh kể chuyện có duyên lạ ! Nhưng có chỗ mình nói "nàng mừng quýnh, liền bá cổ chàng và hôn thối là hôn" là Minh thêm, chớ trong thần thoại Hy-Lạp không có nói câu đó.

— Ừ thì em thêm vào cho ướt át một chút cũng được chớ. Minh nói tiếp đi.

— Ở LA-MÃ, Địa ngục tên là INFERI, còn những kẻ chết xuống ở đó thì gọi là MÀNÈS. Chúa ngục tên là PLUTON, có vợ là mẹ PROSAPINE. Những hồn người chết (Mànès) tuy là bị giam ở địa ngục nhưng được tha hồ hiện về trần gian thăm gia-đình bạn hữu, hoặc thăm vợ thăm chồng. Người BA-TU thì cho rằng linh hồn người chết sau khi tắt thở còn ở vãn-vơ chung quanh xác chết trong 3 ngày, rồi đến một tòa án, sau khi tòa xử nặng nhẹ theo hồ-sơ của mỗi người, vong-linh bị các u-hồn, lính của âm-phủ, dắt đi qua một cái cầu tên là CHINVAT. Đến đây, người có tội nặng, bị xô xuống hố sâu, tức là địa-ngục DOUZAKH

cho bọn quỷ sứ DEWS ăn thịt. Những người hiền lành phúc đức thì được dẫn qua khỏi cầu, lên một gò cao là nơi Thiên-đàng GO-ROTMAN. Theo người DO-THÁI ở Cận-Đông, tất cả người chết sẽ bị đưa về một thế giới tên là SCHEOL, là nơi an trí. Ở đây một thời-gian để được lựa chọn, rồi những người tốt được tiến lên Thiên-đàng, CIEL. Còn những người xấu bị xiên xích tống xuống ngục tên là GE-HENNE, ở khổ sai đời đời kiếp kiếp. Còn các dân tộc ở Bắc-Âu, như THUY-ĐIÊN, NA-UY, PHÂN-LAN, ĐAN-MẠCH, thì chia vũ-trụ thành 9 thế-giới. (Phật-giáo chia vũ trụ thành « tam thiên đại thiên Thế-giới. gồm có 1000 triệu Thới-giới). Trong 9 thế giới của Bắc-Âu, có 1 thế-giới riêng gọi là Địa ngục. HELHEIM do một Nữ Chúa cai quản tên là HEL con gái của Thiên Thần Locke. Nàng tiếp

nhận những kẻ chết vì bệnh tật, vì già, cho ở một nơi để dưỡng bệnh và dưỡng lão.

Còn những kẻ phạm tội ác, bọn lưu-manh, bọn phù thủy, thì nhốt riêng một nơi để chịu khổ hình. Những anh hùng tử trận, những người hiền lương, những Thi sĩ. Văn-sĩ, nghệ sĩ có tài-năng đều được nàng Nữ Chúa điểm kiêu âu yếm đưa lên một nơi Thiên-đàng, tên là VALHAL. LA có lâu đài nguy nga tráng-lệ, để hưởng hạnh-phúc đời đời...



Bà Tú nghe mê câu chuyện Thiên-đàng địa-ngục của ông Tú. Bà âu-yếm ôm ông lên ngực, và khẽ bảo:

— Thiên-đàng của em là Minh đây!

Rồi bà hôn ông Tú của bà, hôn thôi là hôn, hôn có hàng triệu hàng triệu cái hôn, không sao đếm được...

DIỆU HUYỀN

**TIN MỪNG**

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của:

— Bạn LÂM-VỊ-THỦY, kỹ-giả, kết hôn cùng cô ĐINH-KIM-HOÀNG vào ngày 10-4-1960.

— Bạn PHẠM-CÔN-SƠN, kỹ-giả, kết hôn cùng cô TRANG-NGỌC-CHIÊM, vào ngày 15-4-1960.

Vậy chúng tôi xin thành thật chúc mừng quý bạn trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ — BẠCH-YẾN  
NGUYỄN-THU-MINH — VĂN-SƠN

*Chuyện cũ người xưa*

**Không Minh**

(Tiếp theo P. T. số 30)

**TRẬN XÍCH BÍCH**

Lỗ-Túc đến hỏi thăm Không-Minh có thành-công không. Minh đáp:

— Ta thủy chiến, bộ chiến, mã chiến, xa chiến, môn gì cũng giỏi chớ không như Chu Công Cẩn chỉ biết thủy chiến mà thôi.

Du nghe nói tức khí không thêm khiến Không-Minh nữa, tự nhận lãnh vạn quân đi đốt lương Tháo.

Bấy giờ Không-Minh mới cười nói:

— Công Cẩn sai tôi đi đốt lương là ý muốn mượn tay Tào-Tháo giết tôi. Nay tôi mới dùng một lời nói giỡn mà Công Cẩn đã không chịu được. Giặc Tháo giỏi dùng binh xưa nay chỉ cướp lương của người. Nay tại chỗ chứa lương của y sao, chẳng có trọng binh phòng bị. Công Cẩn mà đi thì bị bắt đấy. (Dịch giả trộm nghĩ rằng Chu Du một tay túc trí đa mưu đã biết nơi chứa lương

của Tào Tháo là từ địa sai Không-Minh đi, để mượn tay Tháo giết kẻ mình ghen tài, thì không có lý-do gì eòn chịu nhận trách nhiệm nguy hiểm ấy về phần mình.

Hướng chi lời khiêu khích của Không-Minh thật quá trẻ con. Trong khi Không-Minh ở Đông-Ngô bị Chu Du tìm phương sát hại, thì Lưu Bị nóng ruột chờ đợi bên sông, rồi sai My-Trúc đi thám thính. Trúc đến yết kiến Chu Du xin giáp kiến Không-Minh. Du đáp:

— Không-Minh còn đương bàn mưu với tôi phá Tháo chưa thể về được.

Và ngo lời muốn tiếp kiến Lưu-Bị-Trúc nhận lời. Chu Du đặt quanh tướng 50 đạo phủ thủ để giết Lưu-Bị.

Rồi Lưu-Bị và quan Văn-Trường cưỡi thuyền sang phó hội. Chu Du mời vào trong trướng. Không-Minh bấy giờ ngầu

nhiên ra chơi bờ sông, nghe nói Huyền-Đức mới đến, đương hội nghị cùng Đô-Đốc. Không-Minh kinh hãi vội vào trước xem động tĩnh thế nào, chỉ thấy mặt Chu Du đầy sát khí...

Nom tới Huyền-Đức vẫn thấy tươi cười. Khi chợt thấy Vân-Trường cặp dao đứng sau Huyền-Đức, Không-Minh cười vui :

— Chủ ta không nguy rồi. Chu Du cùng Huyền-Đức yến ẩm, rượu được vài tuần. Du đứng lên rót rượu, khi thấy Vân Trường mới hỏi là ai ?

Huyền-Đức nói :

— Đây là em tôi, Quan Vân-Trường !

Du thất kinh:

— Có phải là người trước chém Nhan Lương, Văn Sứ ?

— Chính phải.

Du càng kinh hãi mồ hôi chảy đầy mặt.

Đó là theo T Q C D N. Dịch giả trộm nghĩ đoạn này, nhà văn đã rút ở giang Bửu truyện, rồi bi kịch, hóa nội-dung.

Thật ra lấy con mắt hợp lý mà nhìn, đó chỉ là câu chuyện trương tượng, thử hỏi Du định hãm hại Bị mà đã bầm mệnh Tôn Quyền chưa ?

Chớ hai bên đang kết Đồng-Minh, không lẽ lại mưu toan giết chủ một bên ?

Đoạn Chu Du chém sứ giả dụ hàng của Tháo.

Tháo cả giận sai Thái - Mạo. Trương Doãn tiến lên Tam-giang. Khâu đánh Du nhưng thua phải lui binh. Rồi sai Trương Cán sang thuyết Du, thuyết hai lần không thuyết phục nổi Du còn mua về những tai hại. Lần trước mắc lừa, Tháo chém Thái Mạo và Trương Doãn, lần sau bị Bàn-Thông bày kế liên hoành, Du đáp lại bằng kế trá hàng của Hoàng Cái rất có hiệu quả. Rồi Không-Minh thi thử tài năng, xem thiên văn lấy được mười vạn mũi tên cho Du trong một đêm, khiến Du thán phục.

Bấy giờ mùa Đông tháng giá, chỉ có gió bắc từ phía Tháo thổi về không lợi cho trận hỏa công. Minh đã lập đàn Cầu Đông phong cho Du đề ủng hộ trận thủy chiến khiến Du thấy tài đoạt cả trời đất của Minh mà kinh sợ. Minh quả đã dấn vào gan ruột Du. Du muốn giết Không Minh mà không giết nổi. (đoạn này toàn bịa đặt)

(Còn nữa)

# Sách Báo mới

## \* GÌN VÀNG GIỮ NGỌC

Truyện ngắn của *Doãn-quốc-Sỹ*

Nhà xuất bản Nguyễn-dình-Vượng 38 Phạm-ngũ-Lão Saigon.

— Dày 184 trang — giá 30đ.

★ **KÝ THÁC** tập truyện ngắn của *Bình-Nguyên-Lộc*, gồm có 16 truyện. Bến Nghé xuất bản. Trên 200 trang, giá 45đ.

★ **ĐAU THƯƠNG** thơ của *Thế viên*. Thế viên là tác giả tập thơ « *Người yêu tôi khóc* » đã xuất bản năm 1959. Trong « *Đau thương* » hầu hết là những bài thơ tình ái, đại để như :

« Chúng ta từng đau khổ

Yêu người người không yên

Cuộc đời như nôn mửa

Và đắng cay rất nhiều...

v.v. . .

Thỉnh thoảng xen vào một đôi « Bài ca Việt sử », « Hànội », v.v... hoặc những bài thơ không vần, không âm điệu, đại khái như sau đây :

Đã từ lâu tôi hay nói chuyện tình ái

Nhưng chưa tìm đủ danh từ

Để định nghĩa hai chữ yêu đương

Nên tôi vẫn làm thơ

Cho những người con gái ngực đầy căng vú sữa

Tóc ơ thờ rũ xuống đôi vai,

v. v. . .

Tất cả 30 bài, giá 32\$ — (Tác-giả xuất bản)

★ **TÂN BIÊN HOA VIỆT TỪ - ĐIỆN** của *Lý-văn-Hùng*.

Ông Lý-văn-Hùng là một thi-sĩ, kiêm học giả Trung hoa, rất thông thạo Việt-ngữ. Quyển «*Tân Biên Hoa-Việt Từ-Điện*» rất ích lợi cho người Tàu học chữ Việt, và người Việt học chữ Tàu. Giảng giải rõ ràng và xác đáng. Tác-giả xuất-bản : 651 Nguyễn-Trãi Chợ-lớn.

★ **THIÊN - HƯƠNG**.

Thơ của **THƯỢNG-HUYỀN ĐẶNG-VŨ-HIỆP**. 6 bài thơ : *Bức tranh tình, Người đẹp thuở xưa, v.v...* và một bài kịch : *My - Châu Trọng - Thủy*, 4 màn. 60 trang — giá 20\$.

*Bức thư ngõ kính gửi bạn đọc*

Từ lâu, ba chúng tôi nuôi ý-định soạn một quyển :

**VƯỜN THƠ**

(*Những bài thơ chọn lọc trong khoảng trăm năm nay*)

Tài-liệu này đã gom góp gần đủ, chúng tôi mong được các bạn giúp đỡ cho việc làm của chúng tôi ít phần sơ sót :

1. — Xin cho chúng tôi biết ý các bạn muốn quyển ấy phải như thế nào ;

2. — Xin cho chúng tôi biết những bài thơ mà các bạn cho là hay (các bạn nhớ cho chúng tôi xuất-xứ rõ ràng : trong tập thơ nào, in năm nào ; đăng ở báo nào, số... ngày..., các bạn hiện có sách báo đó hay là bạn nào có...)

Chúng tôi xin thưa trước với các bạn rằng đây là những bài thơ đã được công-bố trên mặt báo hay đã in thành sách.

Xin cảm ơn các bạn trước. Và các bạn có ý-kiến gì xin gửi về địa chỉ sau đây : *Nguyễn-hữu-Ngư, 160, Phan-đình-Phùng Saigon*

Kính

**BÙI-KHÁNH-ĐÀN, NGUYỄN-HIỆN-LÊ,  
NGUYỄN-HỮU-NGƯ**

★ **GIẢNG - VĂN ĐỆ - LỤC**

Của **THẨM-THỆ-HÀ**

*Nhà xuất-bản SỐNG-MỚI* — 30B *Phạm-ngũ-Lão* — SAIGON  
Sách Giáo-khoa, trích giảng những bài của một số nhà văn cũ và mới.

Có tiêu-sử các nhà văn ấy.

Bình giảng tinh-tế. Dẫn bài hướng dẫn rành-rẽ, dễ hiểu.

Ấn-loát kỹ-lưỡng, sáng sủa. Trình bài đẹp, giá 50\$.

**TAO - ĐÀN PHỔ - THÔNG**

Chúng tôi có nhận được rất nhiều thơ họa vịnh hai bài thơ Tết của Cụ Ưng-Bình, và cụ Thường-Tiên, do quý vị Thi-nhân sau đây :

**TRỌNG-THU** (Bình-Định), **HỒ-KIỆM, NAM-TRUNG-SĨ** (Đà-Nẵng) **TRẦN-HỮU** (Long-Khánh) **ANH-SINH** (An-Xuyên), **BIỂN-NGŨ NHY, THƯỜNG-LẠC, LONG-GIANG, MINH-TÀI, THUẦN-ĐỨC** (Saigon), **THẾ-PHƯƠNG** (Cao-nguyên) **MAÇ-KINH-THI** (Ban-mê-thuột) **TÔN-THẮT-LUÂN** (Đalat), **TẠ-THỨC-KINH** (Bình-Tuy), **LINH-PHƯƠNG** (Đà-Nẵng), **XUYÊN-DÃ** (Nha-Trang) **PHẠM NGỌC KIÊN-TRINH** (An-Xuyên), **LONG-UÔNG** (Cao-Nguyên), **VIỆT-HOÀI** (Đalat), **MẠI-VĂN-THIỆT** (Huế), **VÂN-LINH** (Đà-Nẵng) **ĐÀO-ĐỨC-NHUẬN** (Huế), **HUYỄN-NHẬT-DUYÊN, HOÀNG-QUANG-BẰNG** (Tân-Định) **VÕ-HUYỀN-TRÂN** (Saigon), **TAM-TU** (Huế) **KIỀU-DUYÊN-PHƯƠNG** (Huế), **NGUYỄN-NHƯ-ĐỊNH** (Thành-nội, Huế).

Ấy là những bài hay nhất, nhưng rất tiếc vì tạp-chí không còn chỗ nên phải tạm gác lại. Vậy xin thành thật cáo lỗi cùng quý-vị Tao-nhân, và xin vạ tạ.

P. T.

★ **CHIẾN DỊCH DIỆT SỐT RÉT**

Của Bộ y tế. Một tập sách nhỏ, nhưng tài liệu khá đầy đủ, và rõ ràng, dễ hiểu, rất nên phổ biến các nơi có muỗi a-nô-phen, nhất là các nơi rừng thiêng nước độc.

★ **LONG-KHÁNH ĐẶC SAN, Mùa Cộng-Hòa 1959**

Bộ Biên tập do Tòa Hành-Chánh tỉnh Long-Khánh đảm nhiệm, dưới quyền điều-khiển của ông Tỉnh-Trưởng Long-Khánh. Một đặc san chứa đựng rất nhiều tài-liệu và hình ảnh chứng tỏ những khả-năng dồi-dào, những cố gắng nhiệt-thành và những thành-công rực-rỡ rất đáng khen của toàn-thể các cấp bực Dân-Quân-Chính của Tỉnh ấy.

Ngoài những phóng-sự bằng hình, những bài tường-trình về các hoạt-động của các cơ quan chánh quyền và Thanh-niên, tất cả đều linh-động, đầy đủ, tập Long-Khánh Đặc-San còn dành riêng nhiều trang Văn-nghệ, truyện ngắn, thơ, bản nhạc; v.v... rất duyên-dáng của các bạn Văn-nghệ-sĩ của Tỉnh.

Chúng tôi xin thành-thật khen tặng ông Tỉnh-Trưởng và toàn-bộ Biên tập Đặc San Long-Khánh đã cố gắng kiến-trình bày một giai-phẩm linh-động và mỹ-thuật như thế.

Mời quý bạn yêu vui chương thường-thức những tình cảm đã lên hương trong lòng.

**ĐẤT MẸ**

Tập tuyển văn đầu tay của **THU-VÂN**  
(Blaio). Cây bút phụ-nữ miền Nam đã từng ra mắt quý bạn trong Văn-Hóa Ngày Nay với hai bài **ĐẤT MẸ** và **TRĂNG NGÀN**.



Truyện dài của cô **VÂN-NGA**  
(Tiếp theo P.T. số 31)

Tôi như tỉnh mộng, thần thờ bước vào nhà. Đầu đó bên sông qua tiếng võng đưa kéo kẹt, một điệu hát thanh hành lúc bấy giờ để than thở hồn vọng phu đưa ra văng vẳng như gọi thêm nỗi sầu ly biệt.

Tôi lặng lặng đưa tay chùi nước mắt...

★  
**H**AI tháng sau, tình hình tạm êm tịnh, tôi liền ra chợ Rạch-giá, đến ngay nhà ông Phán Ba. Gia đình ông Phán đã hồi cư yên lành hơn tháng nay và có nhân tin

cho tôi biết. Thành, Hạnh, gặp tôi, mừng tít tít, cầm giữ lại ở đêm để nhắc nhở những kỷ niệm sâu xa không thể bao giờ quên được.

Sau khi bọn anh Thanh đi được ít lâu, gia đình tôi phải trải qua nhiều mẻ sợ kinh hồn. Trước nhất là cướp đánh về đêm, có súng ống hấn hoi, khiến đồng bào không dám ngủ trong nhà; kế đó là bị nạn « thổ dậy » thật là kinh khủng chưa từng có. Các thổ dân, gốc người Miên, không hiểu nghe lời tuyên truyền xuyên tạc thế nào mà lại dậy thành giặc, nhóm họp từng đàn từng lũ từ năm, bảy mươi đến một đôi trăm người, kéo ngay cổ phần ra để tra cán dài vào, rồi kéo nhau đi sát phạt đồng bào ta. Họ giết cả nhà, cả xóm, máu đổ thầy rơi thật là gớm ghiếc; quen lạ gì cũng không dung mạng! Đầu đầu cũng nhìn thấy một cảnh tượng kinh hãi, đau lòng!

Có một bận, chúng tôi bị một toán « thổ » ấy rượt theo rất gấp, ngờ là phải nạp mạng cho chúng thì may sau có một bộ đội của ta triệt thoái về gần đây liền kéo đến giải cứu. Súng bắn thấy mà kinh, bọn người thổ quá khích và say cuồng trong men rượu nọ vẫn chạy xông



xống đến, la hét dậy trời, loạt người này ngã đã có loạt khác thế vào khiến cây súng máy của trung đội nọ hết cả đạn, xạ thủ viên phải vát súng thối lui... Cũng nhờ trận ấy, người thổ trong vùng tôi mới hết nghe lời xúi dục bậy bạ, không ham cướp dặt của người và chặt đầu người ta để lãnh thưởng nữa...

Qua xong hồi kinh khủng ấy, chúng tôi lại bị cái nạn « tây bố » thật cũng lắm điều linh khổ sở, nay trốn đây, mai chạy đó, khi nheo nhóc dưới một ghe chật hẹp, lúc hầm hút trong một chòi lá xác xơ, màn trời chiếu đất, dài nắng dầm mưa, thật không biết qua bao nhiêu giai đoạn ngán ngẩm ê chề...

Chúng tôi nhắc lại những chuyện đã qua, vui buồn lẫn lộn càng khêu gợi nguồn cảm xúc rồi rào, lai láng, Thanh hỏi tôi :

— Bấy lâu nay chị có được thư của anh Thanh ?

— Không, chị ạ.

— Gia đình anh ấy cũng đã tản cư về chợ rồi, chị biết không?

— Tôi có nghe nói, và hôm nay tôi ra đây cũng vì lời căn dặn thiết yếu của anh trước khi ra đi.

Thanh và Hạnh nài nỉ tôi ở lại tâm tình một đêm cho được hả lòng. Hai chị em thấy tôi buồn mãi, mới rủ đi xem hát. Nể tình quá, tôi gắng gượng làm vui với hai bạn. Chợ Rạch-giá, qua một cơn xáo trộn, thay chủ đổi người, bề ngoài mặt tưởng chừng như trở lại về yên tĩnh, thanh bình thuở xưa chưa có gì thay đổi...

Tuồng hát hôm ấy là một tuồng cải lương có nhiều pha xảo thuật diễn một tích cũ : Lưu Kim Định giải giá Thọ Châu. Cảnh ngộ của tôi sao lại khéo hợp cùng vai đào trên sân khấu và khi nàng dàu gặp mặt mẹ chồng chưa từng biết mặt phải chịu bao nhiêu lời hỏi cặn kẽ, đực trong, thì tôi bỗng rơi lụy dầm dề, không còn bụng dạ nào ngồi xem năng được nữa.

Thanh hiểu tâm sự tôi, liền khuyên dứt :

— Sân khấu và thực tế vẫn khác nhau xa, hơi nào chị buồn thắm.

Ngày mai này, tôi sẽ ăn nói sao với cha, mẹ của Thanh. Ông, bà có đem trâu cau dạm hỏi tôi cho chàng đâu, mà bây giờ tôi lại gọi Thanh bằng chông?

Nếu ông, bà rộng lượng, nghĩ đến cơn luan lạc mà tha thứ cho Thanh và tôi, thì hạnh phúc mai sau của chúng tôi mới thật bền bỉ bằng rũi như ông, bà cố chấp nếp nhà cổ kính, tỏ vẻ lạnh nhạt khinh khi tôi, dẫu sau này tôi có ăn ở cùng Thanh đi nữa, mộng tình ôm ấp bấy lâu cũng phải có ngày tan nát rã rời...

Đêm ấy tôi không ngủ được, lòng cứ rộn rục bàng hoàng như một thí sinh sắp qua một cuộc thi để quyết định tương lai của đời. Thanh bảo cùng tôi :

— Bà thầy có tiếng là người hiền đức, việc gì chị phải khổ tâm ?

— Chị Năm là người chứng kiến cuộc tình duyên của chúng tôi lại đi lên ở trên Mỹ-tho, tôi biết nói làm sao với mẹ chồng cho khỏi ngỡ ngàng ?

— Ngày mai tôi sẽ cùng đi với chị, thử xem ý tứ bà thầy thế nào. Bây giờ chị hãy ráng ngủ đi, để dành bộ mặt tươi rói cho ngày mai chứ.

Mặc dù có lời khuyên bảo hữu lý của bạn, tôi cũng không sao chợp mắt được trước ba giờ sáng. Trong hai tháng nay, ngày nào tôi cũng trông tin

của Thanh, người trông chờ mỗi mòn, tin gửi về biển biệt, cái sầu nhớ nhung mỗi lúc mỗi đầy, lòng khát vọng ngày càng thắm thiết... Ai ôi, thế mới biết cái tuổi ngây thơ là đáng quý, giờ có thêm tưởng đến cũng không bao giờ được ?

Sáng hôm sau, vào khoảng 10 giờ. Thanh và tôi đi đến nhà ông bác sĩ. Chưa bao giờ tôi hồi hộp như thế và lòng bồn loạn nhiều nỗi lo âu. Bà bác sĩ niềm nở đón tiếp chúng tôi, mời giải khát và mở đầu bằng vài câu hỏi xã giao. Tôi ngồi núp sau lưng Thanh, không dám hó hé gì hết, thỉnh thoảng đưa mắt liếc nhìn bà.

Bà bác sĩ năm ấy độ hơn năm mươi tuổi, cử chỉ khoan thai, vẻ người nền nếp sang trọng mà ai nhìn qua cũng phải đem lòng kính mến. Mặt bà đẹp một cách phúc hậu như phát lộ sự hiền đức ra bên ngoài. Bà nói năng dịu dàng và chậm rãi khiến cho tôi nhớ ngay đến giọng nói của Thanh, không khác một tý nào. Tiếng nói của bà như nhuần thấm một vẻ thành thật tự nơi con tim phát ra làm cho người nghe phải ái mộ và

tin tưởng. Tôi bắt đầu thấy hơi vưng lòng đôi chút.

Bà bác sĩ nhìn vào tôi nhiều hơn cả và nhẹ nhàng hỏi :

— Trong hai cô, xin lỗi, cô nào là cô Vân, em cậu Khanh ở Cái-Đước ?

Tôi liền đứng lên chấp tay nói :

— Thưa bà, cháu đây ạ.

— Có phải năm nay cô được 19 tuổi không ?

— Dạ phải.

— Chị Năm mấy đứa nhỏ khen cô đẹp lắm, bây giờ tôi mới biết đúng. Má và mấy em ở nhà cũng mạnh giỏi nhá ? Sao má không ra chơi ?

— Thưa bà, má cháu vẫn được mạnh, nhưng phải bận thu xếp việc nhà nên không đi xa được.

Khi ấy, có một đứa gái bé chạy ra bảo cùng bà :

— Bà nội à, cơm dọn rồi, con đói bụng lắm.

Bà bác sĩ dịu dàng bảo cháu :

— Minh, con không chào khách đi con... Kia, còn người này nữa, con biết là ai không ? Đó là mẹ Chín, vợ của chú Chín con đó.

Tôi biết đứa con gái nhỏ đó là con của người anh thứ Bảy, mồ côi mẹ từ nhỏ và ở với bà nội, liền kéo nó vào lòng nựng nịu. Bà bác sĩ gọi người nhà đem đồ đạc của tôi vào nhà và đổi cách xưng hô mà bảo cùng tôi :

— Con ra chơi chừng nào về ? Cứ ở luôn đây cho tiện.

Bà bác sĩ cầm chị Thanh ở lại dùng cơm, nhưng Thanh xin kiếu về. Bà liền bảo người nhà dọn cho tôi một cái phòng kế bên phòng ngủ của các cô gái và nói :

— Con đừng ngại gì hết, nhà ngoài này cũng như nhà ở trong vậy. Lần sau có ra cứ lại đây ở.

Bà bác sĩ gọi các cô gái em của Thanh, lại giới thiệu cho tôi. Các 12 và 13 là hai cô nhỏ hơn hết hiện đang có mặt ở nhà, đều hoan hỷ đón tiếp tôi.

Trước buổi cơm, bà bác sĩ gọi tôi ra trình cùng ông bác sĩ. Tôi đã có gặp ông một lần cách mấy năm trước, bây giờ trông ông có ốm hơn chút đỉnh. Ông ít nói, nhưng rất tử tế và lúc nào cũng sốt sắng giúp ích cho mọi người. Ông hỏi thăm chuyện nhà tôi, và tình hình trong ruộng

đạo này ra sao, rồi sau ông mới bảo :

— Chị Năm có về nói chuyện việc hôn nhân của hai con cho ba má nghe. Ba má thấy không có gì là ngăn trở hết. Nhưng bây giờ thằng Chín phiêu bạt ở đâu chưa biết và ngày về của nó không làm sao đoán trước được. Vậy bây giờ ba má cứ xem con như là con ruột ở trong nhà, để chờ khi nó về thì mới tính đến hôn sự của hai con được.

Nghe những lời nói hiền từ ấy, tôi cảm động đến rớt nước mắt...

Khi cơm xong, bà bác sĩ không nghỉ trưa mà lại vào phòng tôi trò chuyện, hỏi han về những ngày cuối cùng của Thanh ở tại

nhà tôi. Mẹ chồng nàng dâu nói chuyện với nhau cho tới chiều vẫn không hết chuyện. Tôi hết sức kính mến người, và nghĩ rằng mình có phước lắm mới gặp được một bà mẹ chồng mà chưa chi tôi đã thấy yêu mến như là một bà mẹ ruột vậy.

Gia đình bên chồng, không ai không tử tế với tôi và cũng nhờ vào tình yêu mến ấy mà tôi mới đủ can đảm chịu đựng nhiều thử thách về sau mà người thiếu nữ trong thời loạn nào cũng phải trải qua, không nhiều thời ít, nhất là những kẻ ở thôn quê là những nạn nhân số một của một lũ người thừa nước đục thả câu, tha hồ bóc lột và áp bức đồng bào !

(Còn nữa)

### CÁO BIỆT QUÝ BẠN ĐỌC PHỔ-THÔNG

Sau một năm được làm bạn với quý bạn đọc qua bao cảm tình thâm-thiết, vì bận nhiều việc riêng, kể từ số 33 trở đi, tôi không còn phụ-trách được nhiệm-vụ Quản-Lý tạp-chí Phổ-Thông được nữa. Vậy xin kính gửi quý bạn lời chào thân-ái.

Cũng kể từ số trên, mọi sự giao dịch về tiền bạc cũng như về việc quản lý đều do ông Nguyễn-Vỹ đảm nhiệm.

TRẦN-VẤN-LANG



# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN  
và BẠCH-YẾN

## \* Em Hoa-Huyền, đường Lý-thái-Tổ. Sài-gòn

Câu « Đông và Tây không gặp nhau bao giờ » (*L'orient et l'occident ne se rencontrent jamais*), ở trong quyển « *Livres de la Jungle* » 1894 — 1895 của văn-sĩ Rudyard Kipling, người Anh, viết tại Ấn-độ. Có ý nói hai giống người da vàng và da trắng khác nhau về mọi phương diện không thể nào thông-cảm với nhau được.

Câu này diễn tả một tư tưởng rất hẹp-hòi của người Anh đối với các màu da dị-chủng (*coloured people*) và đã bị thực tế đánh chảnh một cách rõ rệt và còn cay chua là khác nữa,

## \* Trần-dình-Nguyên (Phú-Hương).

*Cử-tọa*. *Cử* : tất cả, toàn thể. *Cử-tọa* ; toàn thể khán giả hay chính giả đang ngồi nghe, ngồi xem.

*Lệnh ái*. Cô con gái đáng quý trọng của ông, của bà.

*Lệnh-nghiêm* : Ông thân sinh đáng tôn kính của ông bà.

*Lệnh-đường* : Bà thân mẫu đáng tôn kính của ông bà.

Không thể nói : « lệnh ái của tôi ». « Lệnh nghiêm tôi » v. v.

*Công-ty nặc danh* : công-ty không có tên. (*Société anonyme*)

*Không tiền khoáng hậu* : Trước không có, sau cũng không có. Đơn độc. Một việc không tiền khoáng hậu : một việc hy-hữu, từ trước đến nay chưa hề có bao giờ, và từ nay về sau cũng sẽ

## ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

không có.

*Đôi uyên ương* : (chim uyên và chim ương khấn khít nhau) Đôi bạn tình âu yếm nhau lắm.

*Nàng tiên Nâu* : Thuộc phiện (thuộc phiện màu nâu) Dịch theo tiếng Pháp : *La fée brune*.

*Á Phù dung* : ả phiến, thuốc phiện, cây phù dung chính là cây ả phiến.

## \* Ông Hội-Trưởng Thị-Hội Đà-nẵng — Hội-Cổ học Việt-Nam.—

Thưa ông, luôn luôn trên đầu bản mục-lục trang 4 của mỗi tập Phổ Thông đều có đề rõ số Báo và ngày xuất bản. Thí dụ : Bộ mới số 31. 1-4-1960.

— Những số còn thiếu (từ 1 đến 11) sẽ xin gửi sau.

## \* Ô. Lương-Sỹ-Yên, 76 Nguyễn-tri-Phương Đà-nẵng.

Vây, Thưa ông, Diệu-Huyền là tôi.

## \* Ô. Hà-văn-Phúc, Giáo-sư Trung-học Nguyễn-tường-Tộ, Ninh-Hòa.

Theo thiên-ý của chúng tôi, thì « Chữ Quốc-Ngữ » ta hiện nay không cần phải sửa đổi gì nữa cả, Đã lâu rồi, ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã có ý ấy, và đã đưa ra một lối « quốc ngữ » mới nhưng không ai theo, Nhiều người khác cũng đã đề-nghị nhiều lối « cải-cách » khác, nhưng rốt cuộc chẳng có tiếng vang. Vì chữ quốc ngữ ta hiện nay không có gì đáng gọi là khuyết điểm lớn lao

Đôi kẻ muốn sửa lại vài ba lối viết, thí dụ :

Bỏ *ph*, thay *f*.

Bỏ *d* thay *z*, hoặc *dz*

Nhưng *ph* của Việt-Nam đọc không có thổi gió (*Sifflant*) như *f* của Pháp, *d* không nhấn mạnh được như *z*, v. v.

Lại có kẻ muốn bỏ *y* thay bằng *i*, bỏ *k* thay bằng *C*, bỏ *P* thay bằng *B*, thí dụ :

« Cính gọi ông Nguyễn-văn-Fab ». Hoàn toàn đồng ý với ông. Chúng tôi cũng không thể tán thành những « cải cách » phù phiếm ấy.

★ CÔ PHAN-THỊ-CAO, (BẾN NGỰ).

1) Kiến bò đĩa thịt bò

Đổi : Rười đậu mâm xôi đậu.

2) Kia mấy cây mía (núi lái)

Đổi : Có vài cái vò

3) Cò lừa đứng giữa cửa lò (núi lái)

Đổi : Cá đối nằm trong cối đá

4) Tám người thổi tu huyết (Huit : tám)

Đổi : Hai đĩa nằm ngay đơ.

★ Bạn Trần-dình Hào, Tri Thiện.

1.— Nước AFGANISTAN (chớ không phải « Atghanistan » ở phía đông-bắc Ba-Tur (Perse, nay gọi là Iran và phía Tây Bắc Ấn-độ. (Tàu dịch là A-phủ-Hân. Quyền sách quý do một nhà nghệ-sĩ Afganistan chép trên lụa và do vua xứ ấy tặng vua Anh, chính là quyển kinh *Coran* của Hồi-giáo. Vua Afganistan lúc bấy giờ tên là ZAHIR CHAH, vua Anh là GEORGE V, và năm ấy là 1921.

2. - Chữ NUMÉRO, viết tắt là No, không viết N, để khỏi lộn với N còn nhiều nghĩa khác, thí dụ : N = Nota ; N = Azota, (Nitre) ; N = Napoléon, v.v...

3.— POIRET, (Jean Louis), là một nhà Thảo-mộc-học của Pháp, tác giả Bộ « Tự-Điển Bách-Khoa và Thực-vật-học » (Dictionnaire encyclopédique botanique). Sinh 1755, chết 1834.

4.— Tổ-chức Quốc-Tế cứu-trợ Nhi-đồng, tiếng Anh là U. N.A.C. (United Nations Appeal for Children).

Do L.H.Q. đặt ra từ tháng Bảy 1948 để bảo trợ những

nhi đồng đau khổ trên hoàn cầu, như trẻ mồ côi, trẻ con hoang v.v...

★ Ông Hoàng-văn-Nghi, Giáo-sư trường Phan-thanh-Giản, Cần-Thơ, và bạn Nguyễn-dình-Tráng, Sinh-viên khoa-học, Đại-học Saigon.

Thường thường, muốn cầu cơ thân mật trong gia-đình, người ta hay dùng một phương pháp rất giản-dị, không có nghi lễ gì phiền phức, chỉ cần phải có một cái « cơ », bằng ván hòm của người chết (ở các Nghĩa địa thường có), tiện thành hình một trái tim (*Cœur*, do đây mà có chữ « Co » lớn gần bằng một bàn tay trẻ em. Một mặt cơ gắn ba hòn đạn nhỏ bằng hạt



đậu xanh, để cho chiếc cơ lăn được dễ dàng. Nếu không có 3 viên đạn, thì bảo mặt dưới thật láng cũng được, miễn là để cho chiếc cơ chạy qua lại nhẹ nhàng, mau lẹ và đừng vấp. Khi muốn cầu cơ, phải lựa nơi vắng vẻ tĩnh-mịch, và ít người, (5, 6 hoặc 8 người thôi) và đừng ồn ào,

đừng đùa giỡn. Thường phải cầu cơ ban đêm, và càng khuya càng tốt, càng thanh tịnh càng hay. Những người tham dự cuộc cầu cơ, cần nên sạch sẽ, và thành tâm.

Hai người cầu cơ, bắt luận đàn bà, con gái, người lớn ông già, miễn là hai người khoẻ mạnh, sạch sẽ, thành thật, để từ-lực của mình (flux magnétique) có thể kết cảm dễ-dàng với từ-lực của huyền bí.

Dùng một tấm bia, hoặc tờ giấy trắng lớn, hình chữ nhật, trên đó ghi chữ mẫu tự và các con số như sau đây :

NAM

NỮ

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

Đặt tấm bìa dó trên bàn. Hai người cầm-cơ (médiuims) ngồi hai bên, mỗi người đặt một ngón tay trở trên mặt cơ. Ngồi yên lặng. Hai ngón tay của hai người (bất luận đàn ông hay đàn bà), là nơi tiếp nhận từ lực huyền bí của Thần linh để truyền vào chiếc cơ, nghĩa là hai ngón tay ấy hoàn toàn thụ động.

Ngồi yên lặng. Muốn thấp hương cũng được, vì mùi hương có công dụng làm cho không khí thơm tho trong sạch, chớ không có ảnh hưởng huyền vi nào trong việc cầu cơ cả, không phải là một yếu tố cần thiết.

Một người nào đó tự xưng tên tuổi, và thành tâm cầu khẩn Vong hồn của người chết để mời hồn hiện về đàn-cơ, nói chuyện với con cháu hay bạn hữu, gia-đình. Thường thường, nếu có những điều-kiện hoàn-toàn thích-hợp, chỉ cầu khẩn ba hay bốn, năm lần, trong mười lăm, hai mươi phút, hoặc nửa giờ, là Hồn hiện về. Hồn sẽ chứng hiện khi từ lực thần-linh đã kết-cảm với từ-lực của người trong hai ngón tay trên cơ, nhập vào đó và khe dẫy cơ đi. Chiếc cơ bắt đầu nhúc-nhích và trả lời những câu hỏi. Nên có một người ngồi chép những câu hỏi và những câu trả lời.

Nếu hồn không hiện về, đàn-cơ thất bại, là tại thiếu một điều-kiện nào đó, tinh-thần hay vật chất không tạo được không-khí thích-hợp cho sự thần-linh kết cảm. Hoặc cái *flux magnétique* của người cầm cơ không được mạnh.

Bất cứ người theo Tôn-giáo nào, đều có thể cầu cơ, nếu có flux magnétique mạnh.

Cầu Cơ có thể là một dị-đoan, nếu không được thực-hiện đúng-đắn, hoặc lừa bịp. Nhưng nếu nó được tổ-chức đàng-hoàng, nó sẽ là một thí-nghiệm phi-thường, để dành cho ta nhiều kinh-ngạc, & ngoài mọi sự giải-thích về khoa học của loài người.

★ **Bạn Phan-văn-Vy, 2, La Sơn phu-tử, Dalat.**

Dầu lửa lấy nguyên-chất ở dưới đất lên, đem vào các máy lọc, có thể chế thành 9 chất dầu thông-dụng hiện nay : 1° ETHER DE PÉTROLE, dùng trong kỹ nghệ dầu-thơm, nhiếp-ảnh, y-khoa ; 2° ESSENCE DE PÉTROLE (dầu xăng) ;

3°/ DẦU LỬA, dùng đốt đèn ; 4°/ HUILE À GAZ, dùng trong các mô-tơ Diesel ; 5° MAZOUT ; 6° HUILE DE GRAISSAGE (dầu mỡ) ; 7°/ PARAFFINE ; 8°/ GOUDRON (nhựa trăn đường cái) 9°/ COKE DE PÉTROLE dùng làm électrode, trong kỹ nghệ điện ; 10°/ VASELINE) bào-chế dược phẩm, và kỹ nghệ.

★ **Ô. Nguyễn-Tr. Cang, KBC 4172.**

- 1) Xin miễn trả lời về cá-nhân của ông N.V.
- 2) Trong Phổ Thông số 24 (kỷ niệm đệ-nhất chu-niên) có đăng gần đủ các ảnh của nhân viên Bộ Biên tập P. T. có ảnh của ông N. V. trong đó.
- 3) Tiền nhuận bút các bài và tiền đăng quăng-cáo trong các báo, đều tùy riêng nơi mỗi báo, không có một giá nhất định.
- 4) Chúng tôi không được biết ông Lê-Quỳnh.

★ **Bà Cang-thị-Sanh, Bến cát, Bình Dương.**

- 5) Bệnh « Mộng tinh » của đàn ông cũng là một nguyên-nhân, không có con. Bà nên hỏi Bác-sĩ về cách chữa bệnh.

★ **Ngô-đức-Suy, k.b.c. 4277.**

- Giải thưởng OSCAR về điện ảnh thường thường là một pho tượng bằng bạc, hoặc bằng đồng, trị giá vô chừng.
- Giải NOBEL bằng tiền, có khi tương đương với một triệu đồng bạc V.N.

★ **Ông Quốc-Tuấn, Tây-Ninh.**

— Lịch-sử Gia-tô giáo không có nói đến thể thức nổi dòng của các vị Giáo-Hoàng. Chúng ta chỉ biết rằng từ khi có vị Giáo-Hoàng đầu tiên là SAINT PIERRE (33 — 64) cho đến Giáo-Hoàng Jean XXIII ngày nay, đã có 264 vị Giáo-Hoàng.

SAINT PIERRE, do Chúa JÉSUS CHRIST chỉ định, để đại diện Chúa, bảo vệ và truyền mới đạo. Sau Saint Pierre, kế tiếp là SAINT LIN, SAINT CLET, SAINT CLÉMENT 1er, v.v...

Từ đầu thế kỷ XX, có PIE X (1903 — 1914) BENOÎT XV (1914 — 1922), PIE XI (1922 — 1929), PIE XII (1929 — 1958...) và JEAN XXIII (1958...)

Về danh hiệu Jean, trong lịch sử các Giáo-Hoàng có ghi :  
 JEAN Ier (523 — 526) JEAN II (532 — 535) JEAN III  
 (559 — 574) v.v., JEAN XXII (1316 — 1334) JEAN XXIII  
 (1410 — 1415)... mãi cho đến nay vị Giáo-Hoàng mới lại lấy  
 tên JEAN XXIII đã có hồi thế-kỷ XV, không hiểu vì lý do cá  
 nhân nào.

— CẮT BĂNG KHÁNH THÀNH, có ý nghĩa tượng-  
 trưng rằng cuộc lễ được chính thức khai trương.

— Danh từ « BỊ MỘC SỪNG », « CẮM SỪNG CHO  
 CHÒNG » là theo danh từ của Pháp : *porter des cornes, planter  
 des cornes...*

Người Âu-Châu tưởng-tượng hình con quỷ sứ (Le Diable)  
 có hai cái sừng trên đầu, và bị Chúa Trời đày dưới địa ngục.  
 Do đó, người ta chế nhạo người đàn ông bị vợ phản bội không  
 khác nào con quỷ sứ mọc sừng, phải bị đày xuống âm phủ.

★ Ông Tri-Thiện, Qui-Nhơn,

Ông nói chuyện con «ma» dơi ở nhà lao Qui-nhơn, trong  
 miêng nó có máu. Sự thực, không phải. Dơi có 2 loại, loại dơi  
 lớn thường ăn trái cây, dơi nhỏ ăn sâu bọ. Thứ dơi các anh  
 em bắt được trên nóc nhà Lao Qui-Nhơn là loại dơi lớn. Nó  
 ăn các thứ trái cây chín đỏ, như cà chua, rồi còn dãi nhớt đỏ trong  
 miêng. Đêm đêm nó đi ăn về, nó đeo trên trần nhà Lao, và làm  
 rớt nước bọt đỏ xuống đầu anh em tù nhân nằm trong Lao, anh  
 em sợ hoảng tưởng là «ma phun máu». Sự thực, đó là con dơi  
 thật, và «máu» đó là nước cà chua chín.

★ Bạn Mai-thanh Hoàng, Xuân-Quang, Vĩnh-long.

— Câu «Chiến đấu gian khổ, chiến thắng mới vẻ vang» là dịch  
 nơi câu thơ của nhà kịch sĩ Pháp Pierre CORNEILLE :

«A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire» đúng nghĩa là :  
 chiến đấu không gian khổ, thắng trận không vẻ vang.

— Trong chuyện ngụ ngôn «cô gái và bình sữa» của La  
 Fontaine, cô gái ấy tên là PERRETTE.

(Perrette, sur la tête, ayant un pot au lait...)

— Quân thư đề F.M. = miễn phí (Franchise Militaire),

— Về kinh-tuyển và vĩ-tuyển, sẽ nói trong một bài dài.

★ Bạn Hàng-Điệu-Quang, Tuy-Phong.

— ĐỘC-GIÁ (chữ Hán) = người đọc. Vậy nếu nói theo chữ  
 Hán, phải nói : ĐỘC-GIÁ (chữ Ô) hoặc nói theo tiếng Việt thì  
 «Bạn đọc» (chữ O) chứ không thể nói : *đọc giả*.

— Vấn-đề 55 lô an ủi trong vé số kiến thiết, bạn viết thư  
 hỏi thẳng nha xổ-số kiến thiết.

★ Bạn Ng. quang-Triều, Nha Trang.

— MUSSOLINI bị dân-quân cách-mạng Ý giết chết chứ không  
 phải bị quân Đồng-Minh giết.

— Nhật và Tây Đức hiện bị quân Đồng-Minh chiếm đóng,  
 nhưng vẫn được hoàn-toàn độc-lập.

— Vâng, D.H. Tác-giả quyển truyện nhi-đồng «nàng chim  
 so da» là D.H. ở Phố Thông.

★ Trung-sĩ Lượng-sĩ-Điễm, KBC 3186.

Bạn nên hỏi thẳng Bác-sĩ có lẽ chắc chắn hơn.

★ Bạn Thái Phượng Kiều, Saigon.

Về thuyết Nhân-tâm học của FREUD, và thuyết Sinh-tồn của  
 J. P. SARTRE, sẽ có bài riêng trong một số tới, đây-đủ hơn.

★ Cô Định-thị-Xuân, Định-Tường.

Chữ «hán» có ý-nghĩa khinh-khi, không nên dùng để chỉ  
 người thứ ba mà mình thân-mến hoặc kính trọng.

★ Bạn Đào-thế-Hải, Gia định.

Về việc đổi giấy khai-sanh bạn hỏi nơi phòng Hộ-tịch địa  
 phương.

★ Bạn Chi-Thành, Gia định

Yoto, tiếng Nhật, nghĩa là tốt. Nại, là không. Yotonai là không  
 tốt. Đây là tiếng bình dân, rất thông dụng.

— Bài thơ «từ giả vợ nhà, đi làm quan» tục truyền là của  
 PHAN-THANH-GIÂN.

— Chuyện dài «Kiến-Trinh» là một chuyện có thật.

**TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM  
VÀ DƯƠNG LỊCH**

★ **Ô. Lê-văn-Giỏi Tây-Ninh.**

- 1) Ngày 21-1 âm-lịch năm Ất-hợi : chúa nhật 24-2-1935
- 2) Âm-lịch 26-11 Đinh-Dậu : dương-lịch thứ sáu 10-1-1958
- 3) Âm-lịch 8-8 năm Đinh-hợi=D. l. ngày thứ tư 22-9-1947
- 4) Âm-lịch 8-4 Kỵ-Mão=D. l. thứ sáu 26-5-1939
- 5) Âm-lịch 19-4 Mậu-dần=d. l. thứ tư 18-5-1938
- 6) Dương lịch 11-8-1928 : âm-lịch 16-7 (ngày Ất Hợi, tháng Canh thân năm Mậu dần.

★ **Ông Nguyễn-văn-Huân, Phan-Rang.**

Âm-lịch ngày 5-8 năm Ất-hợi giờ Tuất, ngày Tân-tị, tháng Ất-dậu) d. l. thứ hai 2-9-1935 vào lối 8-9 giờ tối (hay 21 giờ)

★ **Trần-sĩ-Phương, Đà-Nẵng.**

- 1) D. l. 13-2-1934 (15 giờ) : âm-lịch 30 tháng Chạp Quý-dậu (ngày Ất Mão, tháng Ất Sửu) cuối giờ Mùi sang giờ Thân.
- 2) D. l. 13-10-1936 lúc 7 giờ 35 = âm-lịch 28 tháng 8 năm Bính-tý (ngày Kỷ-tị, tháng Đinh-dậu) vào giờ Thìn.
- 3) D. l. 8.1.39, 9 giờ 50' = âm-lịch ngày 18-11 (ngày Ất-tị, tháng Giáp-tý, năm Mậu-dần, vào giờ Tị.
- 4) D. l. 7-8-1940 lúc 19.g20' : âm-lịch ngày 4-7 (ngày Nhâm-ngọ, tháng Giáp-p-thân, năm Canh-thìn) vào đầu giờ Tuất;
- 5) d.l. 20-9-1941 lúc 12 giờ = âm-lịch 29-7 (ngày Tân-vị, tháng Bính-thân, năm Tân-tị) vào giờ Ngọ.
- 6) D. l. 6/12/1943 lúc 5 giờ = âm-lịch 10-11 (ngày Mậu-tuất, tháng Giáp, tý năm Quý-vị, vào cuối giờ Dần,
- 7) d. l. 2/5/1946 lúc 2 giờ đêm = âm-lịch 2-4 tức ngày Bính-tý, tháng Quý-tị, năm Bính-tuất, giờ Sửu.

★ **Ông Trần Kính — k.b.c 4.311**

Ngày 11-9-1930 nhằm ngày 19 tháng 7 năm Canh ngọ, tháng Giáp Thân, ngày Canh Tý.

★ **Ông Hoàng-Dũng — k.b.c 6083.**

Ngày 28 tháng Chạp âm-lịch năm Mậu-Thìn, là ngày thứ bảy 25-1-1941

★ **Bạn Mỹ-Viện-Ảnh.**

Ngày 2-6-1936 nhằm ngày 12 tháng Giêng Âm-lịch, năm Kỵ-Mão, tháng Bính Dần, ngày Mậu Tuất.

★ **Cô Diệu-Mi — trường Đồng-Khánh — Huế.**

Ngày 21-4-1939 là ngày 2-3 âm-lịch năm Kỵ-Mão, tháng Mậu-Thìn, ngày Mậu ngũ.

★ **Bạn Vân An — Saigon**

Ngày 23 tháng Chạp âm-lịch năm Nhâm-Ngọ, là ngày thứ năm 28-1-1943 chứ không phải là 13-2-43

★ **Ông Bửu-Cung — Huế.**

1) 16 tháng 7 (thiếu)

16 — 6 ( « )

16 — 2 ( « )

17 — 4 ( « )

30 — 3 (đủ)

8 — 10 ( « )

2) 20-2 Bính-Dần = Thứ hai 2-4-1926.

16-6 Quý Hợi = Chúa nhật 29-7-1923.

10-10 Ất-Hợi = Thứ ba 5-11-1935.

3) Chỉ có năm Ất-Sửu (1925) nhuận tháng 4 chứ không phải tháng 5.

**LỚP DẠY RIÊNG PHÁP VĂN**

- I. — Chương trình Pháp văn lớp Đệ-Tứ (T.H.Đ.N.C.)
- II. — Dissertation Morale (Tú-tài Việt, phần I)
- III. — Dissertation littéraire (Tú-tài Việt, phần II)
- IV. — Luyện Pháp-văn chuẩn bị vào Đại-học.

Hỏi Ông NGUYỄN-VỸ tòa-soạn tạp-chí **PHỔ-THÔNG** — 283, Gia-Long — Saigon.

# XỔ SỐ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niên bảo - vệ hương - thôn

Phát - hành 4 kỳ

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7-6-1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10\*

K. D. số 134 — Saigon, ngày 11-4-1960  
In tại nhà in TẤN-PHÁT—283 Gia-Long — Saigon

SẮP XUẤT - BẢN TRONG MÙA THU

## HOANG-VU

### THƠ

của NGUYỄN - VỸ

với 2 bản dịch : — thành THƠ PHÁP-NGỮ :

★ SOLITUDE

(Version française)

do TÁC-GIẢ

— thành THƠ ANH-NGỮ :

★ LONELINESS

(English version)

do giáo-sư

BẶNG-CÔNG-THẮNG

Nhà xuất bản DÂN-TA



# BẠN ĐỌC VIẾT

## ● CÂU ĐỐI HAI CHỮ CỦA ÔNG J. RICHARDSON

Nhiều bạn đọc đã gửi về các vế câu đối, đáp lời mời của ông Mục-sư J. Richardson. Chúng tôi xin đăng mấy câu sau đây, hay, hay dở, xin tùy ông Richardson và bạn đọc phê-bình :

### \* CỦA ÔNG PHƯƠNG-THANH-LAN — AN-GIANG :

- 1) *Biết không biết, không không biết, biết không, không biết, biết không không.*
- 2) *Dại khôn dại, khôn khôn dại, dại khôn ? Khôn dại ? Dại khôn khôn.*
- 3) *Có không có, không không có, có không không có, có không không.*

### \* CỦA Ô. MAI-DANH (CHỢ LỚN) :

*Cục kỳ cục, kỳ kỳ cục, cục kỳ kỳ cục cục, kỳ kỳ.*

(Theo lời Ô. Mai-Danh thì : cục ; cuộc. Cuộc cũng có nghĩa là đánh cuộc, v.v... kỳ ; cờ, con cờ ; kỳ : lạ ; kỳ : thời hạn định, v.v.)

### \* CỦA ÔNG LÝ-TÝ 199 NG. HOÀNG, CHỢ LỚN :

*Phải, không phải, không, không phải. Phải, không không. Phải phải, không không.*

## ● CỦA ÔNG ĐẶNG PHƯỚC NHUẬN TRƯỜNG TRUNG HỌC BÌNH LONG :

*Chạy đi Chạy, đi đi Chạy, chạy đi đi Chạy, chạy đi đi*

(Theo ông Nhuận, thì Chạy là tên thặng Chạy)

Ngoài ra, còn những câu của các bạn Trường Văn-Tử (Chợ lớn)

## BẠN ĐỌC VIẾT

THẠNH SUY THẠNH, SUY SUY THẠNH, v.v...  
Thế-Phượng (Ban-mê-thuật) :

**Diên đảo diên, đảo đảo diên, v.v...**

Ông Thế-Phượng lại còn ra một vế đối khác : **Mấy tháng mắng thầy.**

## ● « CHÚNG TÔI LƯU-Ý QUÝ-VỊ », của HOÀNG-THÚY-PHƯỢNG, ĐƯƠNG NGUYỄN-HUỆ, MỸ-THO :

Nếu em không lăm thì thường ngày đài phát thanh Sài Gòn cũng như một vài nhật báo và cả giáo sư một số ít nữa đều nói :

« Chúng tôi lưu-ý quý-vị thánh-giả »

« Tôi lưu-ý mấy em », v.v...

Thưa chị, tại sao họ lại nói một cách mà theo thiên cận của em là SAI HOÀN TOÀN ? Vì « lưu-ý » tức là để hết tâm-trí vào một vấn đề nào, nếu không muốn nói là « để ý ».

Theo em hiểu, ý họ muốn cho mình chú ý mà thành ra họ chú ý mình. Kể ra cũng sướng, ngồi tại nhà nghe trực tiếp truyền thanh các trận cầu quốc-tế mà được ông Huyền Vũ « lưu-ý » tới...

## ● MẮT BÁO của THẦY THÍCH-HÀNH-CƠ, PHẬT-HỌC VIỆN NHA-TRANG.

... Chúng tôi vẫn biết Quý Tòa-soạn cho gửi báo thường xuyên đến chúng tôi nhưng thỉnh-thoảng bị Bru-điện làm mất nên chúng tôi phải mua để được đủ bộ (Chúng tôi đã phải mua những số : 11, 14, 19, 24, 26, 27, và vừa rồi, số 30 cũng bị mất nữa) ; số 31 chúng tôi đã nhận được.

Vậy kính nhờ Ông can thiệp với nhà Bru-điện thế nào để sách báo gửi về khỏi bị thất lạc. Mong ông lưu-ý cho.

\* Bài thơ «**VIẾNG MỘ Ô. LÊ CHẤT**» CỦA ÔNG YẾN LONG QUI NHƠN.

Trong Phê-Thông số 30, ông Minh Kha có đính chính bài thơ ấy nhưng chưa đúng hẳn. Nay tôi theo tài liệu của ông VŨ-NGỌC PHAN (sống gần tác giả nhất — quyển N.V.H.Đ. in lần đầu năm 1944. Bài thơ ông Phan-Khôi đăng báo *Thực - Nghiệm* năm 1921) mà đính chính lại:

— **VIẾNG MỘ ÔNG LÊ CHẤT**

Bình Tây trấn Bắc sử nghìn thu

Ấy cỏ mờ rêu đất một u !

Ấy dưng ấy trung là thể thể !

Mà ân mà nghĩa ở mô mô !

Chim gào hờn sát xuân âm ý ;

Hùm thét oai hoa gió vụt vù,

Cái chuyện anh hùng ai giờ đến.

Hồ Tây còn vắng tiếng chuông bu.

( PHAN - KHÔI )

● **55 LÔ AN ỦI**

CỦA ÔNG THỂ-PHƯƠNG (BAN MÊ THUẬT)

« Vé số Kiến-thiết có cả thầy là 55 lô an ủi (không kể các lô trúng), chứ không phải 54, nhưng thường thường chỉ có 54 lô an ủi. Lô an ủi thứ 55 đề dùng vào trường hợp khi số trúng độc đặc có mang 1 hay nhiều con số 0 ; hoặc 1 hay nhiều con số 9, ở sau cùng.

Thí dụ : Vé độc đặc 1 triệu đồng mang số 489.700, ngoài 54 lô an ủi thường lệ, vé có mang số 489.699 cũng được hưởng an ủi, tức là thuộc vào lô thứ 55 vậy. Trái lại, nếu vé trúng độc đặc mang số 489,699, thì lô an ủi thứ 55 dành cho vé mang số 489.700

● Nếu ta để ý thì vé số này thật sự trật những 3 số, theo từng hàng, nhưng vì đếm theo số thứ tự, chỉ cách nhau có một vé ».

SỐ ĐẶC BIỆT

**PHẬT ĐẢN**



Như chúng tôi đã ra số Đặc-biệt NOËL, tháng 12-1959, hôm nay chúng tôi phát hành số Đặc-biệt **PHẬT-ĐẢN**, mùng 8 tháng 4 Âm-lịch.

Triệt-đế vô - tư, và đứng trên địa - điểm hoàn-toàn Văn-Hóa, chúng tôi đeo đuổi Lý-tưởng đoàn-kết tất cả các yếu-tố Văn-hóa Dân-tộc, để góp phần xây-dựng, — dù là một phần rất nhỏ — một Việt-Nam Tự-do, Tiên-bộ, trên Thế-giới mới.

**PHỔ - THÔNG**